

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH  
KHOA KẾ TOÁN



**KỶ YẾU**  
**HỘI THẢO KHOA HỌC SINH VIÊN**

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH  
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN - GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN**

HÀ NỘI, 05/2017

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b>	<b>I</b>
<b>DIỄN VĂN KHAI MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC SINH VIÊN</b>	<b>1</b>
<b>CHỦ ĐỀ 1</b>	<b>3</b>
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN</b>	<b>4</b>
<i>Vũ Thị Hà - CQ52/22.06</i>	4
<i>Nguyễn Thu Huyền – CQ52/21.23</i>	4
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC TRONG CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN – GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN</b>	<b>9</b>
<i>Đỗ Thị Phương, Trần Thúy Kiều</i>	9
<i>CQ52/21.10</i>	9
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ MÔN HỌC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH</b>	<b>13</b>
<i>Nguyễn Thu Huyền</i>	13
<i>CQ52/21.23</i>	13
<b>MỐI LIÊN HỆ GIỮA MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN</b>	<b>18</b>
<i>Phạm Hồng Vân</i>	18
<i>CQ54/21.15</i>	18
<b>VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN MÔN KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH</b>	<b>24</b>
<i>Nguyễn Thu Thủy</i>	24
<i>CQ53/21.20</i>	24

<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CỦA CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN – GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN</b>	<b>31</b>
<i>Đỗ Thị Ngân – CQ51/21.02</i>	31
<i>Phạm Thúy Nga – CQ51/21.09</i>	31
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN</b>	<b>39</b>
<b>GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN</b>	<b>39</b>
<i>Phạm Thị Tú Anh</i>	39
<i>CQ52/22.09</i>	39
<b>PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN</b>	<b>42</b>
<i>Vũ Nam Khánh</i>	42
<i>CQ53/22.09</i>	42
<b>PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP LIÊN KẾT GIỮA NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN</b>	<b>50</b>
<i>Phạm Thị Hồng Lương</i>	50
<i>CQ52/21.15</i>	50
<b>THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI HỌC MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN ĐỐI VỚI SINH VIÊN</b>	<b>55</b>
<i>Tạ Thu Phương</i>	55
<i>CQ51/22.05</i>	55
<b>ỨNG DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CỦA CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN VÀO THỰC TẾ</b>	<b>59</b>
<i>Phạm Minh Châu</i>	59
<i>CQ53/22.09</i>	59
<b>BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN</b>	<b>65</b>
<i>Lê Thị Quỳnh Trang</i>	65
<i>CQ53/21.10</i>	65

<b>PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG KẾT HỢP ĐỂ HỌC TỐT MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN</b>	<b>71</b>
<i>Dương Thị Thu Hà</i>	71
<i>CQ53/21.20</i>	71
<b>CHỦ ĐỀ 2</b>	<b>74</b>
<b>PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN</b>	<b>75</b>
<i>Tô Đại Phong</i>	75
<i>CQ53/21.15</i>	75
<b>VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN</b>	<b>78</b>
<i>Hoàng Thị Hạnh</i>	78
<i>CQ52/21.19</i>	78
<b>VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CĂN BẢN</b>	<b>83</b>
<i>Nguyễn Thị Bích Hạnh</i>	83
<i>CQ53/22.05</i>	83
<b>VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CĂN BẢN</b>	<b>92</b>
<i>Bùi Thị Huyền - CQ54/21.09</i>	92
<i>Nguyễn Thị Hương Giang - CQ52/21.02</i>	92
<b>TRIẾT HỌC VỚI NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN CĂN BẢN</b>	<b>99</b>
<i>Nguyễn Thị Ngọc Anh</i>	99
<i>CQ53/21.05</i>	99
<b>VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CĂN BẢN</b>	<b>104</b>
<i>Nhữ Thanh Nga</i>	104
<i>CQ53/22.05</i>	104

<b>VẬN DỤNG PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN</b>	<b>113</b>
<i>Phạm Thị Hương Giang, Ngô Thùy Trang</i>	<i>113</i>
<i>CQ53/21.18</i>	<i>113</i>
<b>VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG KIỂM TOÁN</b>	<b>117</b>
<i>Hoàng Thị Hạnh</i>	<i>117</i>
<i>CQ52/21.19</i>	<i>117</i>
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỚI KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP</b>	<b>120</b>
<i>Nguyễn Minh Hằng</i>	<i>120</i>
<i>CQ 54/21.06</i>	<i>120</i>
<b>CHỦ ĐỀ 3</b>	<b>126</b>
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN PHÁP LUẬT KINH TẾ, THUẾ, PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH, TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VỚI MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN</b>	<b>127</b>
<i>Thân Thị Hòa - CQ52/21.02</i>	<i>127</i>
<i>Nguyễn Thị Hiền - CQ51/22.07</i>	<i>127</i>
<b>ĐỔI MỚI NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN TRONG ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN</b>	<b>130</b>
<i>Vũ Tuấn Anh</i>	<i>130</i>
<i>CQ51/22.05</i>	<i>130</i>
<b>NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH VÀO THỰC TẾ - SINH VIÊN VÀ GIÁO VIÊN PHẢI LÀM GÌ?</b>	<b>136</b>
<i>Nguyễn Thị Hiền - CQ51/22.07</i>	<i>136</i>
<i>Thân Thị Hòa - CQ52/21.02</i>	<i>136</i>
<b>THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP HỌC TẬP CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN</b>	<b>140</b>

<i>Lê Thị Huyền Anh</i>	140
<i>CQ52/21.01</i>	140
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI MÔN HỌC KẾ TOÁN - GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN</b>	<b>145</b>
<i>Nguyễn Thị Phương Linh</i>	145
<i>CQ52/21.07</i>	145
<b>NGÀNH KẾ TOÁN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TỐT CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH</b>	<b>151</b>
<i>Cao Thị Hiền</i>	151
<i>CQ53/21.07</i>	151
<b>KHÓ KHĂN TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG MỐI QUAN HỆ CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN VÀO THỰC TẾ</b>	<b>155</b>
<i>Nguyễn Ngọc Dũng</i>	155
<i>CQ53/22.09</i>	155
<b>MỘT SỐ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN</b>	<b>159</b>
<i>Vũ Tuấn Anh</i>	159
<i>CQ51/22.05</i>	159
<b>THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH</b>	<b>164</b>
<i>Cao Thị Hiền</i>	164
<i>CQ53/21.07</i>	164
<b>MÔ HÌNH CHO GIẢNG DẠY KẾ TOÁN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM</b>	<b>168</b>

<i>Cao Thị Hiền</i>	168
<i>CQ53/21.07</i>	168
<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LIÊN KẾT CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN</b>	<b>172</b>
<i>Vũ Tuấn Anh</i>	172
<i>CQ51/22.05</i>	172
<b>MÔ HÌNH LỚP HỌC NGHỊCH ĐẢO Ở MỸ - BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO GIẢNG DẠY KẾ TOÁN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM</b>	<b>177</b>
<i>Cao Thị Hiền</i>	177
<i>CQ53/21.07</i>	177
<b>ĐÀO TẠO KẾ TOÁN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC THỰC TẾ – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP</b>	<b>182</b>
<i>Tạ Thu Phương</i>	182
<i>CQ51/22.05</i>	182

## DIỄN VĂN KHAI MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC SINH VIÊN

## KHOA KẾ TOÁN NĂM 2017

*PGS.TS Mai Ngọc Anh*

*Trưởng khoa Kế toán*

*Kính thưa các Quý vị đại biểu!*

*Thay mặt lãnh đạo Khoa Kế toán, tôi nhiệt liệt chào mừng các quý vị đại biểu, quý thầy cô và toàn thể đại biểu các lớp sinh viên khoa Kế toán đã tới tham dự Hội thảo khoa học ngày hôm nay!*

Với mục tiêu không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu và học tập của sinh viên, Khoa Kế toán đã triển khai nhiều biện pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế phát triển và hội nhập. Chất lượng đào tạo của Khoa Kế toán đã từng bước được nâng lên, đạt nhiều thành tích khích lệ. Nhằm mục đích nâng cao hơn nữa chất lượng học tập các môn chuyên ngành cho sinh viên, được sự đồng ý của Đảng ủy, Ban giám đốc; Ban quản lý khoa học và các Ban chức năng liên quan của Học viện Tài Chính; Theo kế hoạch nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2016 - 2017, Lãnh đạo khoa Kế toán tổ chức Hội thảo khoa học sinh viên với chủ đề: **“Mối quan hệ giữa các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán - Góc nhìn từ sinh viên”** nhằm giúp sinh viên nắm rõ hơn mối quan hệ giữa các môn học, từ đó tìm ra phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp, nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai, giữ vững và phát huy truyền thống và uy tín của Khoa kế toán, Học viện Tài chính.

*Kính thưa các quý vị đại biểu, thưa các thầy cô giáo cùng toàn thể các em sinh viên Khoa kế toán!*

Việc nắm rõ mối quan hệ giữa các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán và các môn học chuyên ngành có liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những hiểu biết sâu sắc hơn về các thuật ngữ, nguyên tắc, khái niệm, kỹ



thuật kế toán, kiểm toán... theo dòng chảy phát triển của nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể tận dụng được nguyên tắc, kỹ thuật từ các môn học có liên quan để nâng cao hơn nữa kỹ năng phân tích, xét đoán... trong kế toán, kiểm toán để nhanh chóng thích nghi với thực tế và nâng cao trình độ chuyên môn khi ra trường.

*Kính thưa các quý vị đại biểu!*

Trong quá trình chuẩn bị tổ chức Hội thảo, Ban tổ chức hội thảo đã nhận được sự cộng tác chặt chẽ và có hiệu quả của các em sinh viên, các thầy cô giáo trong khoa. Ban tổ chức hội thảo đã nhận được nhiều bài viết của các em sinh viên nghiên cứu dưới nhiều góc độ. Do dung lượng kỹ yếu có hạn, 36 bài viết đã được chọn lọc và đăng trong kỹ yếu của Hội thảo.

Tại hội thảo hôm nay, Ban tổ chức Hội thảo mong muốn nhận được nhiều ý kiến tham luận trực tiếp từ các em sinh viên với trọng tâm tập trung vào ba chủ đề bao gồm:

+ *Chủ đề 1: Mối quan hệ giữa môn học nguyên lý kế toán với môn học kế toán và kiểm toán.*

+ *Chủ đề 2: Vận dụng các kiến thức của môn triết học để làm rõ hơn các nội dung trong nguyên lý kế toán, kế toán và kiểm toán căn bản.*

+ *Chủ đề 3: Mối quan hệ giữa môn học chuyên ngành (như: pháp luật kinh tế, thuế, phân tích tài chính, tài chính doanh nghiệp...) với các môn học kế toán, kiểm toán.*

***Thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, xin chúc sức khỏe các quý vị đại biểu, các thầy cô giáo và toàn thể các em sinh viên. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.***

***Xin trân trọng cảm ơn!***

## **CHỦ ĐỀ 1**

**MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN  
VỚI MÔN HỌC KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

## MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

*Vũ Thị Hà - CQ52/22.06*

*Nguyễn Thu Huyền – CQ52/21.23*

### **Nghề kế toán, kiểm toán trong kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập**

Việt Nam đang trong tiến trình đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc nền kinh tế, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần đa sở hữu, vận hành theo cơ chế thị trường, mở cửa và hội nhập. Cùng với sự đổi mới kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam đã và đang cải cách sâu sắc, triệt để, từng bước tiếp cận và hòa nhập với nguyên tắc, thông lệ, chuẩn mực phổ biến trên thế giới. Kiểm toán, lĩnh vực hoạt động mới phát sinh từ kế toán, phục vụ yêu cầu của kế toán cũng đã xuất hiện và phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây.

Kế toán, kiểm toán không chỉ là công cụ quản lý kinh tế - tài chính thuần túy, mà đã trở thành một lĩnh vực dịch vụ, một nghề nghiệp được thừa nhận trong nền kinh tế thị trường, mở cửa.

Như chúng ta đã biết, đối với sinh viên khối kinh tế nói chung và sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán nói riêng thì môn nguyên lý kế toán được ví như là nền tảng khi đi sâu vào học chuyên ngành và mang tính chất bắt buộc trong chương trình đào tạo.

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, nền tảng về nguyên lý kế toán: nắm được bản chất; chức năng, vai trò của hạch toán kế toán; các nhiệm vụ, các yêu cầu, các quy định và các nguyên tắc cơ bản của hạch toán kế toán; nắm được đối tượng nghiên cứu của kế toán; phân loại được tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị kế toán. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối để nghiên cứu đối tượng của hạch toán kế toán.

Có nhiều quan điểm khác nhau cho rằng: kế toán và kiểm toán là 2 thuật ngữ tương tự với nhau, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhưng chúng không phải là một, chúng có mối quan hệ với nhau như thế nào? Kế toán có phải là lĩnh vực rộng hơn kiểm toán hay không, kiểm toán có phải là một chuyên đề trong kế toán hay không? Để hiểu rõ bản chất và mối quan hệ giữa bộ phận kế toán và kiểm toán trước hết chúng ta cần tìm ra điểm chung và mối quan hệ giữa 2 lĩnh vực này.

### **Định nghĩa về kế toán, kiểm toán**

Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản và sự vận động của tài sản (hay là toàn bộ thông tin về tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính) trong doanh nghiệp nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định về kinh tế - xã hội và đánh giá hiệu quả của các hoạt động trong doanh nghiệp.

Kiểm toán là một hoạt động kiểm tra nhằm xác minh tính trung thực và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo tài chính của các tổ chức, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, bảo đảm việc tuân thủ các chuẩn mực và các quy định hiện hành.

### **Điểm chung giữa kế toán và kiểm toán**

Đều làm việc trên những con số và dữ liệu từ nhiều đối tượng cung cấp, và sau đó tổng hợp lại thành một báo cáo tài chính để thuyết trình với người yêu cầu báo cáo. Có kế toán thì mới có kiểm toán, kiểm toán cũng là từ cái gốc kế toán mà ra. Kiểm toán viên làm việc trên các số liệu do kế toán cung cấp và mục tiêu cuối cùng là đưa ra ý kiến đánh giá các thông tin mà kế toán đã lập ra.

Kế toán về nguyên tắc đi từ chi tiết đến tổng hợp còn kiểm toán bắt đầu từ những góc nhìn tổng hợp mà kế toán cung cấp để đi đến các vấn đề chi tiết để xác minh những nội dung mà kế toán cung cấp. Kế toán làm ra số liệu, kiểm toán kiểm tra tính chính xác, trung thực của số liệu đó và đưa ra ý kiến, kiến nghị để điều chỉnh, giúp hệ thống kiểm soát nội bộ của kế toán được cải thiện hơn. Báo cáo tài chính nếu đi kèm cùng báo cáo kiểm toán sẽ có độ tin cậy cao hơn.

Từ vai trò của kế toán đối với công việc kiểm toán ta có thể khẳng định rằng môn học nguyên lý kế toán là môn học cung cấp kiến thức nền tảng về kế toán cho sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán, biết được các nguyên tắc kế toán cơ bản để lập báo cáo tài chính, các yếu tố cơ bản của một bộ báo cáo tài chính, nguyên lý hạch toán các nghiệp vụ cơ bản trong kế toán, các bước khái quát để tổ chức công tác kế toán trong đơn vị. Đây là cơ sở để có thể tiến xa hơn với các môn học về kế toán và kiểm toán sau này (kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán tập đoàn, lý thuyết kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính...)

***Để học tốt môn này sinh viên cần thực hiện tốt những nội dung sau:***

*Thứ nhất*, sinh viên phải nắm chắc các khái niệm, chức năng, đối tượng, nguyên tắc kế toán: Kế toán, hạch toán, phân biệt hạch toán kế toán với các loại hạch toán khác, hiểu về chức năng nhiệm vụ của kế toán, đối tượng kế toán nghiên cứu là gì? mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn, nội dung các nguyên tắc kế toán chung.

*Thứ hai*, sinh viên phải hiểu được ý nghĩa của chứng từ kế toán, nội dung các yếu tố cơ bản trong một chứng từ kế toán, trình tự xử lý luân chuyển chứng từ kế toán, những quy định của pháp luật liên quan đến chứng từ kế toán.

*Thứ ba*, sinh viên phải nắm được nội dung của phương pháp tính giá, các yêu cầu của quá trình tính giá, các nguyên tắc tính giá và trình tự tính giá từ đó biết vận dụng nguyên tắc và trình tự tính giá cho đối tượng cụ thể và kết hợp tính giá cho nhiều đối tượng.

*Thứ tư*, sinh viên phải nắm được nội dung, kết cấu chung của các loại tài khoản kế toán, các cách phân loại tài khoản kế toán, các quan hệ đối ứng tài khoản. Nắm bắt được quy trình kiểm tra việc ghi chép phản ánh nghiệp vụ trên tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết.

*Thứ năm*, sinh viên phải nắm được nội dung, kết cấu của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, cơ sở số liệu và phương pháp lập các báo cáo đó. Biết vận dụng cơ sở dữ liệu để lập một báo cáo cụ thể (dưới dạng đơn giản)

*Thứ sáu*, sinh viên phải nắm được nội dung, các nghiệp vụ chính trong mỗi quá trình: mua hàng, sản xuất, bán hàng. Vận dụng sơ đồ kế toán thực hành các nghiệp vụ kinh tế cụ thể.

*Thứ bảy*, sinh viên phải nắm được nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp, các mô hình tổ chức bộ máy kế toán, các hình thức sổ kế toán.

**Để có thể lĩnh hội được các kiến thức cơ bản của môn học thì sinh viên cần:**

Nắm chắc đối tượng kế toán, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào tình huống cụ thể, biết phân tích nghiệp vụ kinh tế, trên cơ sở đó thực hiện tính toán và định khoản chính xác.

Thuộc hết hệ thống tài khoản kế toán bằng cách làm thật nhiều bài tập. Chỉ có như vậy mới giúp các bạn nhớ lâu và vận dụng nhanh vào bài tập. Nếu không thuộc hệ thống tài khoản này thì việc làm bài tập sẽ tốn nhiều thời gian.

Nhớ cách định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng cách các bạn phải chịu khó làm bài tập nguyên lý kế toán mà các thầy cô cho trên lớp cũng như tìm thêm những tài liệu bên ngoài từ các Trường Đại học và Học viện khác. Ngoài ra, các bạn có thể tự ra các nghiệp vụ và định khoản chúng.

Liên kết được kiến thức giữa các chương bài, sử dụng kiến thức đã biết để tiếp nhận kiến thức chưa biết, bằng cách đó bạn sẽ dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm hơn và cũng có được kiến thức cũ.

Học nhóm cũng là một trong những cách hiệu quả để học tốt môn nguyên lý kế toán. Chúng ta có thể tự tập hợp một nhóm nhỏ để cùng nhau giải bài tập cũng như giúp nhau giải đáp những thắc mắc còn chưa hiểu trong bài. Nếu như gặp những vấn đề khó hơn thì có thể hỏi trực tiếp giảng viên khi có giờ giảng trên lớp của môn học đó hoặc qua email, điện thoại (vào thời gian thích hợp).

Môn học này không đòi hỏi bạn phải sáng tạo hay thông minh mới học được chỉ cần người học có tính cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ trong việc học là có thể đạt kết quả cao trong học tập và phải thường xuyên tự cập nhật những kiến thức mới.

Tóm lại, Môn nguyên lý Kế toán là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, qua đó tạo cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành. Để học những môn tiếp theo của chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, sinh viên chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán nói chung và chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán Học viện Tài Chính nói riêng phải học tốt môn Nguyên lý kế toán.

Trên đây đã chỉ ra mối quan mật thiết giữa kế toán và kiểm toán đồng thời chỉ ra những nội dung và phương pháp mà các bạn sinh viên có thể tham khảo để học tốt và yêu thích môn học nguyên lý kế toán. Khi đó, môn Nguyên lý kế toán sẽ không còn là nỗi ám ảnh đối với sinh viên khối ngành kinh tế bởi môn học này có vai trò cực kỳ quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành kế toán-kiểm toán. Nó không chỉ được vận dụng khi ngồi trên ghế nhà trường mà nó còn đóng vai trò nền tảng phục vụ cho công việc sau khi ra trường được thực hiện dễ dàng, hiệu quả cao hơn.

***Tài liệu tham khảo:***

- 1. Giáo trình nguyên lý kế toán trường Học Viện Tài Chính do PGS.TS Mai Ngọc Anh chủ biên soạn.*
- 2. Tạp chí Tài chính – Kế toán - Kiểm toán.*

## MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC TRONG CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN – GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN

*Đỗ Thị Phương, Trần Thúy Kiều*

*CQ52/21.10*

Kế toán được định nghĩa là một hệ thống thông tin đo lường, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định điều hành sản xuất hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Kiểm toán là một hoạt động kiểm tra đặc biệt nhằm xác minh tính chung thực, hợp lý của tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo tài chính của các tổ chức, cơ quan đơn vị doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

### ***Các môn học trong chuyên ngành kế toán:***

#### **Kế toán chi phí:**

Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của kế toán chi phí trong các đơn vị. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về kiến thức về phân loại chi phí, kế toán chi phí theo công việc, theo quy trình, trình bày thông tin thông qua các bảng tính trong doanh nghiệp.

Kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được những quan điểm và xu hướng trong kế toán chi phí hiện nay, hiểu được các chức năng kế toán chi phí, làm quen với các công cụ quản trị chi phí, phát triển các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong thực tế sau này.

#### **Kế toán quản trị:**

Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của kế toán quản trị trong các đơn vị doanh nghiệp. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết phục vụ cho công tác phân loại chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận, lập dự toán



ngân sách, đánh giá trách nhiệm quản lý và nhận diện thông tin thích hợp trong việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn trong doanh nghiệp.

Kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được những vai trò của kế toán quản trị trong nghề nghiệp kế toán nói riêng và trong sự phát triển kinh tế nói chung hiện nay, vận dụng các kỹ năng, kiến thức để phân tích mối quan hệ chi phí- khối lượng- lợi nhuận đồng thời nhận diện các thông tin thích hợp nhằm đưa ra những quyết định kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp.

### **Kế toán tài chính 1:**

Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về kế toán các loại tài sản trong doanh nghiệp, tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nghiên cứu các học phần kế toán sâu hơn, cao hơn theo chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán bậc đại học. Vận dụng tốt kiến thức để giải quyết những tình huống kế toán về các loại tài sản trong doanh nghiệp. Có khả năng thu thập, xử lý, phân tích và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về các loại tài sản trong doanh nghiệp. Tổng hợp, báo cáo kế toán theo hướng dẫn chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành và trình bày và công bố thông tin trên báo cáo tài chính. Có khả năng tiếp tục học tập chuyên sâu và nghiên cứu khoa học.

### **Kế toán tài chính 2:**

Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về kế toán các loại tài sản trong doanh nghiệp, tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nghiên cứu các học phần kế toán sâu hơn, cao hơn theo chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán bậc đại học. Vận dụng tốt kiến thức để giải quyết những tình huống kế toán về các loại tài sản trong doanh nghiệp. Có khả năng thu thập, xử lý, phân tích và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về các loại tài sản trong doanh nghiệp. Tổng hợp, báo cáo kế toán theo hướng dẫn chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành và trình bày và công bố thông tin trên báo cáo tài chính. Có khả năng tiếp tục học tập chuyên sâu và nghiên cứu khoa học.

### **Kế toán tài chính 3:**

Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về kế toán các loại tài sản trong doanh nghiệp, tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nghiên cứu các học phần kế toán sâu

hơn, cao hơn theo chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán bậc đại học. Vận dụng tốt kiến thức để giải quyết những tình huống kế toán về các loại tài sản trong doanh nghiệp. Có khả năng thu thập, xử lý, phân tích và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cách lập cách báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo công ty mẹ, con.

### **Kế toán thuế 1:**

Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến các Luật thuế hiện hành như: thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng.

- Giúp các sinh viên áp dụng kiến thức về thuế để giải quyết các vấn đề chuyên môn về thuế và kế toán thuế.

- Từ những kiến thức tích lũy được từ học phần, sinh viên có thể tự tin hơn trong việc xin việc làm sau khi ra trường.

### **Kế toán thuế 2:**

- Nội dung chính của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có liên quan đến các Luật thuế hiện hành như: Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân và các Luật thuế khác

- Giúp các sinh viên áp dụng kiến thức về thuế để giải quyết các vấn đề chuyên môn về thuế và kế toán thuế.

- Từ những kiến thức tích lũy được từ học phần, sinh viên có thể tự tin hơn trong việc xin việc làm sau khi ra trường.

### **Mối quan hệ giữa các môn học trong chuyên ngành kế toán:**

Các môn học đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, môn này liên quan đến môn kia. Môn vỡ lòng làm nền cho kế toán mà bất kì ai cũng phải trải qua đó khi học ngành kế toán là môn Nguyên lý kế toán hay còn có 1 tên khác là kế toán đại cương. Sau khi học xong nguyên lý kế toán chúng ta sẽ học các môn khác: kế toán tài chính 1, 2, 3 được làm quen sâu và tìm hiểu kĩ hơn về các nghiệp vụ kế toán phát sinh, cách thức hạch toán và sơ đồ chữ T và lập được bộ báo cáo tài chính không chỉ công ty con,

công ty mẹ và đó là báo cáo tài chính hợp nhất, biết các loại sổ kế toán là thế nào. Đây là giai đoạn cuối cùng, bước tổng hợp tất cả các kiến thức kế toán của bạn.

Kế toán chi phí và kế toán quản trị được lồng ghép với nhau. Chúng ta đi phân loại, xem xét, phân tích tình hình biến động của từng loại chi phí trong từng giai đoạn cao hơn nữa là phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp. Giúp nhà quản trị đưa ra những quyết định tốt nhất cho doanh nghiệp mình.

### **Mối quan hệ kiểm toán với kế toán:**

Học kiểm toán để thực hiện các công việc chuyên môn để xác định tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính kế toán trong một doanh nghiệp. Hoạt động với các báo cáo kế toán, cho nên nền tảng của chuyên môn kế toán kiểm toán phải nắm rõ. Một số các công việc chuyên môn như: Kiểm toán nội bộ: thực hiện kiểm toán và báo cáo kiểm toán sử dụng cho nội bộ một tổ chức, đề xuất các hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của đơn vị; Kiểm toán nhà nước: kiểm toán các số liệu tài chính của doanh nghiệp theo các tiêu chí pháp luật thuế - tài chính của Nhà nước; Thực hiện tư vấn và phân tích trên cơ sở các số liệu đầu vào, từ đó chỉ ra các vấn đề liên quan, đề xuất các phương án kế toán, thuế, tài chính, thuế...

Như vậy, kế toán và kiểm toán có quan hệ chặt chẽ với nhau. Môn học của kiểm toán phần nào cũng dựa trên nền tảng của kế toán.

## MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ MÔN HỌC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH

*Nguyễn Thu Huyền*

*CQ52/21.23*

Đối với mỗi sinh viên Khoa Kế toán, Kế toán tài chính (KTTC) và Kiểm toán Báo cáo tài chính (Kiểm toán BCTC) là những môn học chuyên ngành quan trọng tiền đề nhằm hướng dẫn cho mỗi sinh viên hiểu rõ về công tác kế toán, kiểm toán mà họ thực hiện sau này. Mặc dù hai môn học này thuộc hai lĩnh vực khác nhau vì KTTC là kim chỉ nam cho mỗi sinh viên có thể thực hiện công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính cho doanh nghiệp, trong khi Kiểm toán BCTC lại hướng dẫn cho sinh viên cách kiểm tra tính trung thực, hợp lý của các phần hành trên báo cáo tài chính thì chúng lại có một sợi dây liên kết và nếu sinh viên có thể nắm được điều đó thì việc học những môn học này của họ sẽ trở nên dễ dàng hơn.

### **Định nghĩa về KTTC và Kiểm toán BCTC**

*Kế toán tài chính* là việc thu thập, kiểm tra, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin.

Kế toán tài chính phản ánh thực trạng và các biến động về vốn và tài sản của doanh nghiệp dưới dạng tổng quát hay phản ánh các dòng vật chất và dòng tiền tệ trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp với môi trường kinh tế bên ngoài. Công việc của kế toán tài chính bao gồm: tuân thủ chặt chẽ luật pháp, các quy định theo luật kế toán, chế độ kế toán... cung cấp thông tin cho cổ đông, cơ quan thuế...

*Kiểm toán Báo cáo tài chính* là việc kiểm tra và xác nhận về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính đơn vị được kiểm toán, phục vụ đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính của đơn vị. Thước đo để đánh giá Kiểm toán BCTC là hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính thường do các công ty kiểm toán thực hiện để phục vụ cho các nhà quản lý, nhà nước, các ngân hàng và nhà đầu tư, cho người bán, người mua.

### Mối quan hệ giữa môn học KTTC và Kiểm toán BCTC

*Thứ nhất, các kiến thức của môn học KTTC sẽ là tiền đề quan trọng quyết định đến việc học tốt môn học Kiểm toán BCTC đối với sinh viên khoa Kế toán trong quá trình học môn chuyên ngành.*

*Lấy một ví dụ về bài tập trong môn học Kiểm toán BCTC như sau:*

Công ty A đã lập Báo cáo tài chính vào ngày 31/12/2016. Đến ngày 1/2/2017, kiểm toán viên khi kiểm toán công ty này đã phát hiện ra rằng công ty A chưa hạch toán 1 hóa đơn mua văn phòng phẩm dùng luôn tại bộ phận quản lý doanh nghiệp ngày 11/12/2016 với giá trị chưa thuế là 1.000.000 đồng. Thuế TNDN là 20%; thuế GTGT 10%.

*Bài tập yêu cầu kiểm toán viên xử lý nghiệp vụ này.*

Để làm bài tập này, Kiểm toán viên phải áp dụng kiến thức về Hạch toán kế toán theo TT200 trong môn học Kế toán tài chính học phần 1 và học phần 2 để lập các bút toán điều chỉnh bổ sung nghiệp vụ vào ngày 1/2/2017 như sau:

Nợ TK 642	1.000.000	Nợ TK 3334	200.000
Nợ TK 1331	1.000.000	Có TK 8211	200.000
Có TK111	1.100.000		
Nợ TK 911	1.000.000	Nợ TK 8211	200.000
Có TK642	1.000.000	Có TK911	200.000
Nợ TK 4211	800.000		
Có TK911	800.000		

Từ ví dụ trên, có thể thấy rằng việc giải bài tập môn học Kiểm toán BCTC phụ thuộc rất nhiều vào kiến thức môn học Kế toán tài chính, việc hạch toán nghiệp vụ trên

sẽ được áp dụng kiến thức từ môn học Kế toán tài chính học phần 1 trong quá trình hạch toán khoản chi văn phòng phẩm này (hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp) và kết chuyển vào TK911 – Xác định kết quả kinh doanh còn việc lập bút toán điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm số thuế TNDN phải nộp và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là do áp dụng kiến thức từ môn học Kế toán tài chính học phần 2 bởi khi phát hiện sai sót trong Báo cáo tài chính năm N trước ngày 31/03 của năm N+1 thì kiểm toán phải lập bút toán điều chỉnh.

***Thứ hai,** tinh thần học tập môn học Kiểm toán BCTC sẽ là yếu tố quan trọng và cần thiết để sinh viên có thể củng cố kiến thức của môn học KTTC hiệu quả.*

Trong môn học Kiểm toán BCTC mà bất cứ sinh viên khoa Kế toán nào sẽ phải tiếp cận trong năm thứ ba hoặc năm thứ tư, một trong những yếu tố quan trọng nhất mà bất cứ chương nào của giáo trình môn học này đề cập tới là thủ tục Soát xét và kiểm tra chi tiết. Đây là các thủ tục rất quan trọng đối với một người kiểm toán viên bởi việc kiểm tra chi tiết sẽ giúp người Kiểm toán viên phát hiện ra lỗi sai liên quan đến việc Hạch toán cho từng nghiệp vụ. Chính vì sự quan trọng của những thủ tục này, việc áp dụng chúng trong quá trình làm bài tập môn học KTTC cũng là một điều mà sinh viên nên làm để củng cố kiến thức kế toán của mình.

Lấy một ví dụ liên quan đến bài tập của môn học KTTC học phần 1 có rất nhiều nghiệp vụ và cuối kỳ lập Báo cáo tài chính của Công ty X; sinh viên A trong quá trình học nhóm đã hạch toán sai một nghiệp vụ như sau:

Ngày 12/1/N công ty X mua một laptop dùng cho bộ phận văn phòng với giá trị 10 triệu đồng và phân bổ 2 năm, công ty chưa thanh toán cho người bán.

Sinh viên A đã hạch toán như sau:

Nợ TK 642 10,000,000

Có TK 331 10,000,000

Đối với nghiệp vụ này, sinh viên A đã hạch toán sai vì chỉ được phân bổ giá trị của máy tính này vào chi phí quản lý doanh nghiệp ở năm N là 5 triệu còn 5 triệu còn lại vẫn phải nằm trong Bên Nợ của TK242 – Chi phí trả trước. Chính vì sai sót này,

---

kết quả hoạt động kinh doanh mà sinh viên A tính được chênh lệch so với bạn mình trong nhóm là 4 triệu đồng và sinh viên A sẽ phải kiểm tra chi tiết và soát xét lại các nghiệp vụ để có thể phát hiện ra nghiệp vụ sai trên. Việc kiểm tra chi tiết và soát xét một cách kỹ lưỡng và thận trọng sẽ giúp sinh viên A phát hiện là lỗi sai của mình và nhờ đó, sinh viên A này có thể củng cố kiến thức liên quan đến phần hành kế toán Công cụ dụng cụ và rèn luyện được tính cẩn thận trong quá trình làm bài tập. Đây là một bước quan trọng với các sinh viên vì có va vấp thì mới có thể trưởng thành, kể cả trong quá trình học tập cũng như là trong quá trình làm việc sau này.

### **Lợi ích của việc nắm rõ mối quan hệ giữa môn học KTTC và môn học Kiểm toán BCTC đối với các sinh viên chuyên ngành**

Có thể thấy, môn học KTTC và môn học Kiểm toán BCTC có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Việc nắm rõ mối liên hệ này sẽ giúp sinh viên có thể gặp được nhiều thuận lợi hơn trong quá trình học tập trong trường Đại học. Những thuận lợi được thể hiện như sau:

*Thứ nhất, sinh viên có thể rút ngắn thời gian nghiên cứu các môn học này khi nắm được mối liên hệ giữa hai bộ môn.*

Hiện nay, trên thực tế có một bộ phận không nhỏ các sinh viên dành nhiều thời gian học tập nhưng học không hiệu quả. Ví dụ liên quan đến môn học Kiểm toán BCTC, các sinh viên đó trong quá trình học đều nắm được những thủ tục Kiểm toán, phương pháp kiểm toán nhưng đến khi họ làm bài tập thì không làm được vì không biết có thể vận dụng kiến thức từ môn nào khác để làm bài tập môn này và mất rất nhiều thời gian để làm và nhớ từng dạng bài tập. Cách học này thật sự không hiệu quả vì nếu họ chỉ nhớ bài tập một cách máy móc mà không hiểu rõ bản chất vấn đề thì họ sẽ không thể vận dụng kiến thức một cách linh hoạt. Vì thế, để khắc phục điều này, các sinh viên đó cần phải hiểu ngay từ đầu khi tiếp cận với môn học Kiểm toán BCTC là phải vận dụng kiến thức của môn học KTTC, nhờ đó mà trong quá trình học, các sinh viên sẽ dành thời gian trau dồi kiến thức môn học KTTC và nhờ đó mà việc học môn học Kiểm toán BCTC sẽ đơn giản hơn.

*Thứ hai, sinh viên có thể định hướng nghề nghiệp tương lai cho bản thân mình tốt hơn.*

Mối quan hệ giữa KTTC và Kiểm toán BCTC cũng chính là mối quan hệ giữa hai nghề nghiệp sau này là Kế toán và Kiểm toán bởi hai môn học này đều có những kiến thức liên quan đến nhau và liên quan trực tiếp đến Kế toán và Kiểm toán sau này. Đối với sinh viên chuyên ngành Kế toán, việc biết được mối liên hệ giữa Kế toán và Kiểm toán sẽ giúp cho sinh viên định hướng nghề nghiệp tốt hơn bởi ban đầu, khi họ học và đã định hướng sau này trở thành một Kế toán viên nhưng trong quá trình tìm hiểu cơ hội việc làm họ lại muốn trở thành một Kiểm toán viên thì qua mối liên hệ về kiến thức mà họ nhận ra được, họ có thể xác định rõ nếu muốn từ một sinh viên học Kế toán mà làm Kiểm toán thì họ phải có thêm kiến thức kỹ năng gì. Đối với sinh viên chuyên ngành Kiểm toán cũng vậy, trong tình huống học Kiểm toán nhưng yêu thích Kế toán thì họ phải xác định rõ là còn yếu phần hành nào, cần phải có thêm phẩm chất nào. Để làm được như vậy, họ phải nắm được mối liên hệ giữa Kế toán và Kiểm toán và mối liên hệ này dễ nhận ra ở trong hai môn học KTTC và Kiểm toán BCTC này.

**Tóm lại,** KTTC và Kiểm toán BCTC tuy là hai môn học khác nhau nhưng chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu sinh viên nắm được mối quan hệ chặt chẽ này thì sinh viên sẽ gặp được nhiều thuận lợi hơn trong quá trình học tập nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp sau này.

***Tài liệu tham khảo:***

- *Giáo trình Kế toán tài chính*
- *Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính*



---

---

## MỐI LIÊN HỆ GIỮA MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

*Phạm Hồng Vân*

*CQ54/21.15*

Theo điều 4 của Luật Kế toán Việt Nam: “Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động”. Đồng thời chúng ta cũng biết rằng kế toán là một môn khoa học độc lập trong hệ thống các môn khoa học kinh tế, do đó kế toán cần có một hệ thống các nguyên tắc vận dụng những nguyên lý, lý luận phản ánh hiện thực khách quan nhằm chỉ huy hoạt động nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn của con người. Và ngày nay kế toán là một công cụ quản lý quan trọng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, người ta đã sử dụng các phương pháp hiện đại trong kế toán như phương trình kế toán, mô hình toán trong kế toán, kế toán trên máy vi tính... và vì vậy mà nguyên lý kế toán càng có vai trò quan trọng đối với kế toán, kiểm toán.

Kiểm toán là một quá trình do các kiểm toán viên có đủ năng lực và độc lập tiến hành nhằm thu thập các bằng chứng về những thông tin có thể định lượng được của một tổ chức và đánh giá chúng nhằm thẩm định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin đó với các chuẩn mực đó được thiết lập.

Kế toán làm các công tác sau: thu nhận, xử lý, cung cấp. Và được thực hiện qua các trình tự: lập chứng từ- kiểm kê- tính giá các đối tượng kế toán- tính giá thành- mở tài khoản- ghi sổ kép- lập báo cáo tài chính. Bản chất của kế toán là khoa học và nghệ thuật về ghi chép, tính toán, phân loại, tổng hợp số liệu, còn chức năng của kế toán là cung cấp thông tin trong đó: thông tin kế toán phục vụ cho nhà quản lý (như Chủ doanh nghiệp, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc...), người có lợi ích trực tiếp (như các Nhà đầu tư, các chủ cho vay), người có lợi ích gián tiếp (như cơ quan thuế, cơ quan thống kê và các cơ quan chức năng).

**Nguyên tắc cần thực hiện:**

Nguyên lý kế toán quy định các nguyên tắc kế toán mà kế toán – kiểm toán phải tuân theo: **nguyên tắc thực tế khách quan** là phải phản ánh theo đúng những sự việc thực tế đã diễn ra và có thể dễ dàng kiểm chứng được, không được ghi chép theo ý chủ quan nào đó; **Nguyên tắc giá gốc** được gọi là nguyên tắc giá gốc để thể hiện rằng kế toán ghi nhận giá trị tài sản và các khoản chi phí theo giá gốc là số tiền mà doanh nghiệp đã chi ra tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ; **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu** ở thời điểm đơn vị đã hoàn thành trách nhiệm cung cấp sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng sẽ cho một sự đo lường thực tế nhất; **Nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí**; **Nguyên tắc nhất quán** khi đã chọn phương pháp nào thì kế toán phải áp dụng nhất quán trong các kỳ kế toán; **Nguyên tắc thận trọng**; **Nguyên tắc trọng yếu** theo nguyên tắc này thì kế toán có thể linh động giải quyết một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo hướng thiết thực đơn giản, dễ làm mà không bắt buộc phải đảm bảo yêu cầu của những nguyên tắc trên, nếu ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đó đến các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp là không đáng kể; **Nguyên tắc công khai** là phải giải trình rõ ràng các số liệu quan trọng để người đọc báo cáo hiểu đúng tình hình tài chính và phải công bố công khai theo quy định của nhà nước.

#### **Đối tượng nghiên cứu:**

Đối tượng của các môn khoa học kinh tế là quá trình tái sản xuất xã hội trong đó mỗi môn học nghiên cứu một góc độ riêng. Vì vậy cần phải vạch rõ ranh giới về đối tượng nghiên cứu của kế toán như một môn khoa học độc lập với các môn khoa học kinh tế khác. Và theo nguyên lý kế toán đối tượng nghiên cứu của kế toán là “ Sự hình thành và tình hình sử dụng các loại tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong một đơn vị kinh tế cụ thể” nhằm quản lý khai thác một cách tốt nhất các yếu tố sản xuất trong quá trình tái sản xuất xã hội. Để hiểu rõ hơn về đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán chúng ta cần nghiên cứu về vốn trên 2 mặt biểu hiện của nó là tài sản và nguồn hình thành tài sản và sau nữa là quá trình tuần hoàn của vốn. Chúng được chia thành những vấn đề nghiên cứu: sự vận động của tài sản trong hoạt động kinh doanh; sự hình thành tài sản của doanh nghiệp.

**Phương pháp kế toán:**

Kế toán có những phương pháp riêng thích hợp với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu là tài sản, nguồn hình thành tài sản và sự tuần hoàn của tài sản trong giai đoạn sản xuất kinh doanh. Những phương pháp này được Nguyên lý kế toán đề ra gồm 4 phương pháp:

- + Phương pháp chứng từ kế toán
- + Phương pháp tính giá
- + Phương pháp đối ứng tài khoản
- + Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán.

**Phương pháp chứng từ kế toán** cần được hiểu là phương pháp phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành theo thời gian và địa điểm phát sinh vào chứng từ kế toán và tổ chức quản lý, luân chuyển chứng từ phục vụ công tác quản lý và ghi sổ kế toán. Theo Luật Kế toán ghi rõ: “*Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán*”. Trong đó có 2 hệ thống chứng từ kế toán là: Hệ thống chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc và hệ thống chứng từ kế toán hướng dẫn. Nhưng dù là loại nào thì nội dung của chứng từ kế toán phải có đầy đủ các yếu tố: Tên gọi chứng từ; số hiệu của chứng từ; ngày, tháng, năm lập chứng từ; Tên, địa chỉ của các đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ; Tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ; Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; Các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá và giá trị; Chữ ký, họ và tên của người lập và những người chịu trách nhiệm liên quan đến chứng từ. Chứng từ phải ghi chép rõ ràng, trung thực, đầy đủ các yếu tố gạch bỏ phần để trống; không được tẩy xóa, sửa chữa trên chứng từ;... Hệ thống chứng từ kế toán là căn cứ pháp lý chi việc bảo vệ tài sản, và xác minh tính hợp pháp trong giải quyết các mối quan hệ kinh tế pháp lý thuộc đối tượng hạch toán kế toán, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh. Phương pháp chứng từ kế toán có thể phản ánh các đối tượng kế toán ở trạng thái động (theo các xu hướng tăng hoặc giảm). Nhưng thực tế chứng từ không thể phản ánh hết dự biến đổi của tài sản vì trong thực tế có những hiện tượng không

thống nhất giữa hiện tượng vật với chứng từ, sổ sách do điều kiện khách quan gây ra như: xăng dầu bị hao hụt do bốc hơi, đường muối bị hư hỏng do ẩm ướt... nếu vậy cần phải đối chiếu giữa sổ sách và thực tế. Nếu không khớp thì lập lại biên bản và căn cứ vào biên bản mà điều chỉnh lại sổ sách kế toán cho khớp thực tế để đảm bảo số liệu của kế toán phản ánh chính xác và trung thực về các loại tài sản của doanh nghiệp.

**Phương pháp tính giá** là phương pháp thông tin và kiểm tra về chi phí trực tiếp và gián tiếp cho từng loại hoạt động, từng loại tài sản như: tài sản cố định, hàng hóa, vật tư, sản phẩm và lao vụ... phương pháp này sử dụng thước đo tiền tệ để tính toán, xác định giá trị của từng loại tài sản của đơn vị thông qua việc mua vào, nhận góp vốn được cấp, được tài trợ hoặc sản xuất ra theo những nguyên tắc nhất định. Phương pháp này có ý nghĩa theo dõi, phản ánh và kiểm tra được các đối tượng kế toán bằng tiền.

Tính toán và xác định được toàn bộ chi phí bỏ ra có liên quan đến việc mua, sản xuất và bán ra từng loại vật tư, sản phẩm; xác định từng loại cũng như tổng số tài sản đơn vị đang có; so sánh kết quả thu về và chi phí bỏ ra để đánh giá hiệu quả kinh doanh; đánh giá cơ cấu, quy mô tài sản của đơn vị. Bên cạnh đó nguyên lý kế toán cũng đặt ra cho phương pháp này những yêu cầu như:

**Yêu cầu xác thực** việc tính giá tài sản phải tính trên cơ sở tổng hợp đầy đủ, đúng đắn, hợp lý những chi phí cấu thành nên tài sản. Đồng thời phải loại trừ những chi phí bất hợp lý, hợp lệ, những chi phí kém hiệu quả. Đồng thời giá tính cho tài sản phải phù hợp với giá thị trường.

**Yêu cầu này đảm bảo** giá tài sản của các đơn vị được tính toán chính xác, trung thực, hợp lý, khách quan góp phần tính toán hiệu quả hoạt động kinh tế cũng như cung cấp thông tin báo cáo tài chính.

**Yêu cầu thống nhất:** việc tính giá tài sản phải đảm bảo thống nhất về nội dung và phương pháp tính giá giữa các kỳ hạch toán nhằm so sánh, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế tài chính giữa các kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Yêu cầu này không nhất thiết phải duy trì trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp tuy nhiên sự thay đổi cần phải đảm bảo tính hợp lý và chấp nhận được. Yêu cầu này còn được thể hiện trong

việc xác định nội dung, phạm vi tính toán của những tài sản cùng loại của đơn vị. Những yêu cầu này được đưa ra nhằm đảm bảo cho kế toán thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về tài sản, doanh thu, lợi nhuận, chi phí... trên sổ kế toán và báo cáo tài chính được chính xác và hợp lý hơn

**Phương pháp đối ứng tài khoản** là phương pháp thông tin và kiểm tra quá trình vận động của mỗi loại tài sản, nguồn vốn và quá trình kinh doanh theo mối quan hệ biện chứng được phản ánh vào trong mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Phương pháp đối ứng tài khoản được hình thành bởi cặp phương pháp tài khoản và ghi sổ kép. Trong đó, phương pháp tài khoản là phương pháp phân loại và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng nội dung kinh tế, nhằm theo dõi tình hình biến động của từng loại tài sản, nguồn vốn, từng nội dung thu, chi.. trong quá trình sản xuất kinh doanh đơn vị; phương pháp ghi sổ kép là phương án phản ánh sự biến động của các đối tượng kế toán, theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trong mối liên hệ khách quan giữa chúng, bằng cách ghi sổ tiền kép (một số tiền ghi 2 lần) vào các tài khoản kế toán liên quan. Về ý nghĩa, xét trên góc độ phương pháp hạch toán kế toán thì đối ứng tài khoản là phương pháp nối liền việc lập chứng từ và khái quát hóa tình hình kinh tế bằng Bảng cân đối kế toán và các Báo cáo kế toán.

**Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán** là phương pháp khái quát tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị hạch toán qua từng thời kì nhất định bằng cách lập các báo cáo có tính tổng hợp và cân đối như: bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo lưu chuyển tiền tệ... ý nghĩa phương pháp này cho phép kế toán xử lý số liệu và cung cấp thông tin khái quát nhất về doanh nghiệp. Đó là thông tin về tài sản, công nợ và nguồn vốn và những thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin được xử lý từ các báo cáo kế toán nhờ vào phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán sẽ rất hữu ích cho những người bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Phương pháp này được thể hiện trên bảng cân đối kế toán vì vậy các báo cáo vừa cung cấp được thông tin cần thiết theo yêu cầu quản lý và vừa có thể tự kiểm tra được tính chính xác của số liệu. Tổng hợp và cân đối kế toán được ứng dụng rộng rãi trong công tác kế toán, có

thể ứng dụng trên từng bộ phận tài sản và nguồn vốn, từng quá trình kinh doanh hoặc cân đối toàn bộ tài sản, nguồn vốn hay tổng hợp kết quả kinh doanh chung cho toàn bộ quá trình kinh doanh của đơn vị trong một thời kỳ nhất định.

Mỗi phương pháp có vị trí, chức năng nhất định nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một hệ phương pháp kế toán phù hợp với ngành kế toán, kiểm toán. Các cách thức thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin của kế toán vừa thể hiện tính khách quan của khoa học kế toán lại vừa thể hiện tính chủ quan của người sử dụng. Đồng thời những phương pháp này có mối quan hệ mật thiết chặt chẽ với nhau, thể hiện sự liên hệ xâu chuỗi trong chu kỳ kế toán và phù hợp với cơ sở biện chứng của quá trình nhận thức từ đơn giản đến phức tạp, từ chi tiết đến tổng hợp.

**Như vậy**, nguyên lý kế toán có ý nghĩa và mối liên hệ mật thiết với kế toán, kiểm toán. Nó mang định hướng phương pháp thực hiện cho ngành kế toán, quy định đối tượng nghiên cứu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của kế toán, kiểm toán.

---

---

**VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN  
MÔN KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC  
HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

*Nguyễn Thu Thủy*

*CQ53/21.20*

Học viện Tài chính là nơi đào tạo và cung cấp một số lượng lớn nhân lực kế toán – kiểm toán viên chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đi cùng với bề dày truyền thống trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường còn là sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu của sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường đại học. Làm sao để nâng cao hiệu quả học tập, làm sao để có thể vận dụng tốt mối quan hệ giữa các môn học nói chung và các môn học chuyên ngành kế toán - kiểm toán nói riêng luôn là một vấn đề được sinh viên quan tâm hàng đầu.

Xuất phát từ tầm quan trọng của mỗi một môn học trong chuyên ngành kế toán - kiểm toán và thực trạng phần lớn các bạn sinh viên hiện nay còn chưa biết vận dụng kết hợp mối quan hệ các môn học để học tập sao cho đạt hiệu quả. Từ đó, em chọn vấn đề “*Vận dụng mối quan hệ giữa môn nguyên lý kế toán, môn kế toán, kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả việc học tập của sinh viên Học viện Tài chính*” để nghiên cứu. Thông qua chủ đề này em hi vọng rằng có thể giúp các bạn sinh viên hiểu hơn về mối quan hệ các môn chuyên ngành và việc học tập kết hợp các môn sao cho hiệu quả.

**1. Sự cần thiết của việc vận dụng mối quan hệ giữa các môn học nguyên lý kế toán với các môn chuyên ngành kế toán kiểm toán**

*Thứ nhất*, môn nguyên lý kế toán được coi là môn học cơ sở cho việc học tập các môn chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Bởi vì môn nguyên lý kế toán cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, qua đó tạo cơ sở cho việc học tập và tiếp tục nghiên cứu các môn chuyên ngành.

*Thứ hai*, sinh viên sẽ có khả năng học tập và nghiên cứu tốt hơn về kế toán, kiểm toán khi đã nắm đầy đủ kiến thức môn nguyên lý kế toán. Có thể nói, môn

nguyên lý kế toán cũng là một trong những môn học cơ sở của khối ngành kinh tế, là một trong những môn học đầu tiên mà một sinh viên phải học tập và nghiên cứu. Nó cung cấp kiến thức nền tảng cần thiết về kế toán, các khái niệm và nguyên tắc kế toán trên phương diện là một môn khoa học và hiểu biết tổng quát về nghề kế toán.

*Thứ ba*, nội dung cốt lõi của các môn chuyên ngành cũng chứa đựng phần lớn kiến thức phát triển từ các kiến thức của môn nguyên lý kế toán. Các môn chuyên ngành kế toán, kiểm toán với mục đích đi sâu hơn vào công việc kế toán, kiểm toán cụ thể do vậy cần vận dụng các kiến thức nền tảng, nguyên tắc và các khái niệm mà sinh viên đã được học thông qua môn nguyên lý kế toán. Các môn chuyên ngành vì vậy cũng giúp cho sinh viên có cái nhìn sâu sắc và kỹ lưỡng hơn về nghề kế toán, kiểm toán trên cơ sở hiểu biết tổng quát về nền tảng, kỹ thuật mà sinh viên đã tích lũy được từ môn học nguyên lý kế toán.

## **2. Thực trạng vận dụng kết hợp mối quan hệ giữa các môn nguyên lý kế toán, kế toán và kiểm toán của sinh viên hiện nay:**

Hiện nay việc học tập và nâng cao hiệu quả học tập với sinh viên luôn là chủ đề nóng trên nhiều diễn đàn. Phần lớn, sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán nói chung và sinh viên kế - kiểm của Học viện Tài chính nói riêng vẫn còn thụ động, việc vận dụng mối quan hệ giữa các môn học chưa đạt hiệu quả. Thực tế này xuất phát từ những nguyên nhân sau:

*Một là*, sinh viên học trước quên sau, học không nắm vững bản chất, dẫn đến khả năng vận dụng mối quan hệ giữa các môn học thấp. Nguyên nhân một phần do hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ với mục đích là phát huy tính tự chủ tích cực của sinh viên song phần lớn thời gian học tập dành cho các môn học lại rất ngắn. Một bộ phận không nhỏ sinh viên trong quá trình học tập không hiểu rõ bản chất, tồn tại tư tưởng học tập nhồi nhét làm cho kiến thức bị mai một dần, đến khi cần vận dụng mối quan hệ giữa các môn học bị lúng túng, khiến hiệu quả học tập không được như mong muốn.



**Hai là**, sinh viên học tập mang tính chất thụ động dẫn đến thiếu sự chủ động trong vận dụng các kiến thức liên quan. Trong một nghiên cứu gần đây, PGS.TS Nguyễn Công Khanh – ĐHSPHN đã chỉ ra hàng loạt các con số về phong cách học tập của sinh viên. Theo thống kê: có hơn 50% sinh viên được khảo sát không thực sự tự tin vào năng lực tự học của bản thân, hơn 40% thấy mình không có năng lực tự học, gần 70% sinh viên cho thấy mình không có năng lực tự nghiên cứu và khoảng 55% sinh viên không có hứng thú với học tập. Việc học tập một cách thụ động làm cho khả năng lĩnh hội các kiến thức của sinh viên giảm sút, đặc biệt với sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán khi khối lượng kiến thức học tập là rất lớn trong khi thời gian học tập trên giảng đường bị hạn chế, nếu không chủ động nghiên cứu thêm thì không thể nắm bắt được hết các kiến thức liên quan đến ngành nghề kế toán, kiểm toán.

**Ba là**, việc học tập của sinh viên còn chưa chú trọng tới việc kết hợp và tận dụng hoạt động nghiên cứu khoa học dẫn đến chất lượng học tập chưa cao. Hiện nay tính chủ động của sinh viên trong nghiên cứu khoa học còn thấp. Qua khảo sát, trong 100 sinh viên Học viện Tài chính được điều tra có 60% bạn được hỏi nói không có hứng thú với việc nghiên cứu khoa học, 25% các bạn được hỏi có chút hứng thú nhưng ngại viết, lười viết hoặc không biết phương pháp viết ra sao và chỉ có khoảng 10% số bạn coi NCKH như một phương pháp củng cố lại kiến thức đã học

Chính vì những lý do trên đã dẫn đến việc vận dụng mối quan hệ giữa các môn học nguyên lý kế toán, kế toán – kiểm toán vào quá trình học tập và nghiên cứu khoa học chưa cao, sinh viên chưa nắm bắt được sâu sắc hệ thống kiến thức có mối quan hệ chặt chẽ từ nguyên lý kế toán, kế toán đến kiểm toán, dẫn đến kết quả học tập không thực sự cao.

### **3. Biện pháp giúp sinh viên vận dụng tốt mối quan hệ giữa các môn nguyên lý kế toán và các môn học kế toán, kiểm toán:**

**Một là**, nâng cao tính tự giác của sinh viên trong quá trình tự học tập.

Bất kì kiến thức nào được giảng dạy trên giảng đường đại học đều là những kiến thức căn bản, có liên quan đến quá trình thực hành nghề nghiệp trong tương lai. Thế nhưng trong nội dung giảng dạy của trường còn có nhiều bài học, môn học chỉ mang tính chất lý luận chung chưa gắn với thực tiễn và chưa giải quyết vấn đề thực tiễn đề ra. Chính vì vậy, việc nâng cao tính tự giác của sinh viên trong quá trình học tập; làm sao việc được nghe giảng trên lớp phải thực sự trở thành nhu cầu bức thiết của người học chứ không phải vì sợ điểm danh hay sợ bị cấm thi mới có mặt trên lớp. Muốn làm được như vậy trước hết nội dung giảng dạy phải phù hợp với tính đặc thù của đối tượng giảng dạy, mang tính khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo của người học, tránh những bài giảng khiến người học cảm thấy có nhiều vấn đề không thiết thực, dẫn đến hình thành tâm lý học cũng vậy mà không học cũng vậy, học để thi chứ không có ích gì cho công việc, do đó dẫn đến ý thức học không tích cực hoặc học chỉ để đối phó kỳ thi và những quy chế nhà trường đặt ra. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc chất lượng học tập của sinh viên chưa được như mong muốn. Để khắc phục được điều này, trước hết đòi hỏi giảng viên phải có kiến thức chuyên môn vững vàng, có phương pháp giảng dạy hiện đại, cuốn hút và am hiểu sâu sắc thực tiễn, bài giảng gợi niềm say mê, hứng thú cho người học, cung cấp những kiến thức có thể ứng dụng được vào quá trình làm việc trong tương lai, nâng cao được ý thức cầu thị, say mê học hỏi, nắm bắt cái mới để nâng cao tính tự giác trong học tập, nâng cao hiệu quả học tập.

***Thứ hai***, cần đổi mới phương pháp giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy đang được sử dụng phổ biến hiện nay mặc dù có sự hỗ trợ của máy móc, thiết bị thì thực chất người học vẫn ở thế bị động trong nhận thức và tiếp nhận thông tin khiến hiệu quả của việc học tập chưa cao. Chính vì vậy, phương pháp giảng dạy cần được đổi mới theo hướng sinh động gắn kiến thức lý luận với kiến thức thực tiễn, kích thích được tính chủ động của người học, biến giờ học trên lớp thành môi trường thuận lợi cho người học để họ có điều kiện tham gia ý kiến, trình bày tham luận, thuyết trình những vấn đề nhận thức mà mình được nghiên cứu, điều ấy sẽ

gợi lên niềm say mê hứng thú đối với người học, làm cho người học tự nguyện, tự giác đến với lớp học.

Để làm được điều đó, cần phối hợp các phương pháp giảng dạy khác nhau trong dạy học như diễn giảng, kết hợp với nêu vấn đề, sử dụng tình huống và các phương tiện khoa học kỹ thuật hỗ trợ. Không tuyệt đối hoá phương pháp nào để tránh giảng dạy đơn điệu một phương pháp, nhất là chỉ sử dụng phương pháp diễn dịch, giải thích hoặc lạm dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật một cách thái quá dẫn đến sự nhàm chán. Việc sử dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin là cần thiết trong đổi mới phương pháp giảng dạy, tuy nhiên cần phải hiểu rằng không phải cứ sử dụng phương tiện khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin trong dạy học là đổi mới phương pháp giảng dạy. Cần khai thác triệt để các phương tiện khoa học kỹ thuật phục vụ giảng dạy như sử dụng máy tính để mô hình hóa giáo án, xây dựng biểu đồ, sơ đồ; minh họa bằng hình ảnh; làm video clip các tình huống nghiệp vụ, tình huống có vấn đề, cũng như sưu tầm, biên tập phim minh họa cho bài giảng... điều cơ bản là làm tăng khả năng tư duy, sáng tạo của sinh viên mới là mục tiêu của đổi mới phương pháp giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy hiện đại cũng cần chú trọng giảng dạy theo tình huống, vấn đề, buộc sinh viên phải động não tìm ra phương án để giải quyết các tình huống đó. Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn sinh viên nghiên cứu tự học và chú ý kiểm tra sự chuẩn bị của sinh viên. Hoạt động đối thoại, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên cũng cần được tăng cường trong giảng dạy theo phương pháp mới nhằm khơi dậy tư duy nghiên cứu, tìm tòi và khả năng tự học của sinh viên.

**Ba là**, chuyển hình thức kiểm tra đánh giá sinh viên theo hình thức học hiểu, nắm bản chất vấn đề

Hiện nay, phần lớn các môn học của Học viện đều thực hiện đánh giá sinh viên dưới hình thức kiểm tra việc học lý thuyết. Việc này giúp đánh giá đúng nhất khả năng học tập lý luận môn học song việc tập trung lý thuyết mà không gắn liền với thực hành dễ khiến sinh viên không hiểu bản chất, dễ quên kiến thức, không có sự liên kết học tập giữa các môn. Để khắc phục vấn đề trên, Học viện cần tổ chức kiểm tra và thiết lập

các loại đề có tính chất yêu cầu người học phải hiểu bài và đòi hỏi liên hệ thực tiễn thật cụ thể và sâu sắc; hoặc tổ chức cho sinh viên được viết tiểu luận môn học.... Điều ấy giúp sinh viên có điều kiện thể hiện được chiều sâu và chiều rộng của quá trình nhận thức và làm như thế buộc sinh viên phải tự giác trong nghiên cứu, buộc phải hiểu biết sự liên quan giữa các môn học, nâng cao chất lượng học tập. Đây chính là cơ sở giúp giảng viên đánh giá đúng năng lực, trình độ của sinh viên và nhà trường đánh giá đúng chất lượng của quá trình dạy và học.

**Bốn là**, kết hợp học tập với rèn luyện ý thức nghiên cứu khoa học.

Thực tiễn đã cho thấy thông qua nghiên cứu khoa học giúp cho sinh viên liên kết các kĩ năng, kiến thức đã học được giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức một cách tốt hơn. Để có thể kết hợp chặt chẽ học tập với nghiên cứu khoa học một cách đầu đủ cần: Tạo phong trào NCKH cho sinh viên bằng cách tổ chức nhiều cuộc thi, sân chơi trí tuệ nhằm thu hút sinh viên tham gia, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, kiến thức; Thành lập và duy trì hiệu quả các câu lạc bộ học thuật dành cho sinh viên, phối hợp Đoàn Thanh niên, các phòng ban chức năng phát huy vai trò của giảng viên trẻ trong việc hướng dẫn sinh viên tham gia các hoạt động NCKH; Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm trao đổi nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên những phương pháp học tập hiện đại, xây dựng mục tiêu thái độ học tập, nghiên cứu đúng đắn; kết hợp với việc giao lưu giữa sinh viên với những người thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học, từ đó thấp sáng ước mơ, hoài bão trong sinh viên. Cần tìm hiểu nguyện vọng của sinh viên trong từng khóa để tập hợp những vướng mắc và cùng giải quyết.

Các hoạt động tuyên truyền về thông tin NCKH cần được tăng cường đến gần với sinh viên hơn, làm cho mỗi sinh viên đều tự ý thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH và NCKH là một hoạt động thiết thực với bản thân sinh viên. Hội Sinh viên cần là cầu nối giữa sinh viên và nhà trường, các doanh nghiệp, trung tâm nghiên cứu. Đây là một kênh thông tin chính thức, có thể bảo đảm tính chính xác trong thông tin giữa các bên. Từ đó phần nào nâng cao chất lượng và tính ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

Bản thân mỗi sinh viên cũng cần tích cực, chủ động hơn nữa trong việc lên kế hoạch học tập và nghiên cứu, xác định mục tiêu rõ ràng, tìm hiểu và lựa chọn cho mình một phương pháp học tập, nghiên cứu hiệu quả, phù hợp. Nâng cao khả năng tự học, ngoài thời gian nghe giảng trên lớp thì sinh viên cần tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà, ở thư viện để mở rộng và đào sâu tri thức, trong đó kỹ năng tự đọc tài liệu rất quan trọng. Tăng cường thảo luận, tích cực trình bày quan điểm và tranh luận.

Như vậy, chất lượng học tập sẽ được nâng cao khi và chỉ khi tạo ra được năng lực sáng tạo cho người học, khi biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục, đặc biệt nắm vững được kiến thức các môn học và vận dụng được mối quan hệ giữa các môn học nguyên lý kế toán và kế toán, kiểm toán để đạt được hiệu quả cao nhất trong học tập./.

## MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CỦA CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN – GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN

*Đỗ Thị Ngân – CQ51/21.02*

*Phạm Thúy Nga – CQ51/21.09*

### **I. Lý luận chung về mối quan hệ giữa các môn học của ngành kế toán, kiểm toán.**

#### ***1.1. Tổng quan về mối quan hệ giữa các môn học của ngành kế toán, kiểm toán.***

##### *1.1.1. Chuyên ngành kế toán và chuyên ngành kiểm toán.*

Không có sự tách biệt độc lập hoàn toàn giữa hai chuyên ngành kế toán và kế toán - kiểm toán, hai chuyên ngành này có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau, đều xuất phát từ ngành Kế Toán.

Điểm giống của hai chuyên ngành là sinh viên được đào tạo để phục vụ cho công tác kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước.

Điểm khác nhau là chuyên ngành kế toán đi sâu vào chuyên môn kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức để có thể công tác tốt ở các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Chuyên ngành kiểm toán đi sâu đào tạo các kiến thức thuộc phạm vi kiểm toán giúp sinh viên có thể nhanh chóng tiếp cận môi trường làm việc tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán nhà nước, vị trí kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia.

Để có thể công tác tốt trong lĩnh vực kiểm toán, sinh viên phải học tốt các kiến thức về kế toán và cần có thêm thời gian làm việc thực tế, sau khi tốt nghiệp Đại học cố gắng thi đạt một số chứng chỉ nghề nghiệp có giá trị cao như chứng chỉ CPA của Bộ Tài Chính Việt Nam, chứng chỉ ACCA của hiệp hội kế toán công chứng Anh, chứng chỉ CPA của Úc...

##### *1.1.2. Mối quan hệ tổng quan giữa các môn học của ngành kế toán, kiểm toán*

Các môn học trong cả 2 chuyên ngành kế toán và kiểm toán đều có mối quan hệ mật thiết và qua lại với nhau. Kiến thức của môn học này là nền tảng, cơ sở cho việc nghiên cứu, tìm hiểu môn học kia, giúp cho lượng kiến thức đến với sinh viên ngày càng được tiếp nhận dễ dàng và hiểu rõ về bản chất của các môn học. Cụ thể:

- Nguyên lý kế toán: Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán như: bản chất, chức năng, yêu cầu, nguyên tắc của kế toán; hệ thống phương pháp kế toán, trình tự chung về kế toán các yếu tố, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, tổ chức công tác và bộ máy kế toán.

- Kế toán tài chính 1:

+ Cơ sở nền tảng: Nguyên lý kế toán

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình SXKD trong doanh nghiệp như: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả, kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán vay, nợ trong DN, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, báo cáo tài chính, môn học mang đến cho SV khả năng thu thập, xử lý, phân tích và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Kế toán tài chính 2:

+ Cơ sở nền tảng: kế toán tài chính 1

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về kế toán các loại tài sản trong doanh nghiệp, tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nghiên cứu các học phần kế toán sâu hơn, cao hơn theo chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán bậc đại học. Vận dụng tốt kiến thức để giải quyết những tình huống kế toán về các loại tài sản trong doanh nghiệp. Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành về kế toán sâu hơn và mới mẻ hơn so với kế toán tài chính 1.

- Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

+ Cơ sở nền tảng: Nguyên lý kế toán

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị như: Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ sách kế toán...

- Kế toán máy:

+ Cơ sở nền tảng: kế toán tài chính 1

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức cơ bản trong việc sử dụng một phần mềm kế toán trong quá trình hạch toán kế toán trong doanh nghiệp; Giới thiệu chung về cấu trúc và sử dụng phần mềm kế toán doanh nghiệp; Kế toán tiền mặt; Kế toán tiền gửi ngân hàng; kế toán tài sản cố định; Kế toán vật tư; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán tổng hợp...

- Kế toán quản trị:

+ Cơ sở nền tảng: Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về việc tổ chức thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin kế toán để phục vụ trực tiếp cho các hoạt động của bản thân doanh nghiệp. Cung cấp lý luận cơ bản về tập hợp và phân tích các chi phí sản xuất kinh doanh, tính toán, cung cấp các thông tin nội bộ phục vụ cho việc ra quyết định mang tính tác nghiệp ngắn hạn trong quản trị kinh doanh ở đơn vị cơ sở.

- Kế toán hành chính sự nghiệp:

+ Cơ sở nền tảng: Nguyên lý kế toán

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này nhằm trang bị cho SV kiến thức cơ bản về kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán vật liệu, dụng cụ và sản phẩm, hàng hóa; Kế toán tài sản cố định; Kế toán thanh toán; Kế toán nguồn kinh phí hoạt động - Dự án - Quỹ cơ quan; Kế toán các khoản thu, chi trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và chế độ báo cáo tài chính.



- Kiểm toán báo cáo tài chính;

+ Nền tảng cơ bản: kế toán tài chính 1, kế toán tài chính 2

+ Mô tả tóm tắt nội dung học: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm toán và vận dụng những kiến thức đã học vào công tác quản lý kinh tế tài chính trong các doanh nghiệp và lĩnh vực công tác của mình, cung cấp cho sinh viên kiến thức về hệ thống Kiểm soát nội bộ, Hồ sơ kiểm toán, các thủ tục, phương pháp kiểm toán cho các chu trình kế toán chính trong DN được kiểm toán. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể xác định được những gian lận, sai sót có thể xảy ra trong các chu trình kế toán của DN được kiểm toán.

Như vậy, giữa các môn học đều có mối quan hệ qua lại với nhau, là nền tảng tiền đề cho việc học môn học sau. Mỗi môn học đều mang đến những kiến thức về chuyên ngành học ở những cấp bậc khác nhau, môn học sau cấp cao hơn học trước và được nghiên cứu ứng dụng trên nền tảng kiến thức những môn học trước đó đã cung cấp. Bởi vậy, khi nghiên cứu một chuyên ngành kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán, kiểm toán nói riêng cần thiết cần nắm rõ kiến thức cơ bản, nền tảng cần thiết, những nguyên tắc và khái niệm căn bản về kế toán trên phương diện là một khoa học và hiểu biết tổng quát về nghề nghiệp kế toán, làm cơ sở cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu những nội dung sâu hơn về kế toán cũng như tiến hành những nghiên cứu xa hơn về tài chính, kinh tế và quản lý.

***1.2. Một số mối quan hệ minh họa: Mối quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính.***

***Quan điểm của nhiều chuyên gia kế toán cho rằng, kế toán trong nền kinh tế thị trường được phân chia thành bốn bộ phận: lý thuyết hạch toán kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán. Trong đó, kế toán tài chính và kế toán quản trị được coi là bộ phận hữu cơ của doanh nghiệp.***

***Hai loại kế toán này có mối quan hệ mật thiết với nhau tuy khác nhau ở một vài khía cạnh song chúng lại hỗ trợ và có mối quan hệ khăng khít lẫn nhau.***

- Cả hai loại kế toán đều có mối quan hệ chặt chẽ với thông tin kế toán, đều nhằm vào việc phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đều quan tâm đến doanh thu, chi phí và sự vận động của tài sản, tiền vốn.

Cả hai loại kế toán đều có mối quan hệ chặt chẽ về số liệu thông tin. Các số liệu của kế toán tài chính và kế toán quản trị đều được xuất phát từ chứng từ gốc. Một bên phản ánh thông tin tổng quát, một bên phản ánh thông tin chi tiết. Cả hai loại kế toán đều có mối quan hệ trách nhiệm của Nhà quản lý.

Như vậy, tùy từng góc nhìn của doanh nghiệp, chúng ta cần có sự hiểu biết về các môn học kế toán khác nhau, song chúng lại hỗ trợ nhau trong quá trình đánh giá, nhìn nhận một doanh nghiệp nhiều chiều góp phần hoàn thiện hệ thống kiến thức mà các môn học chuyên ngành kế toán của các trường đại học khối kinh tế nói chung và kế toán Học viện tài chính nói riêng.

## **II. Những vấn đề về mối quan hệ giữa các môn học của ngành kế toán, kiểm toán.**

### ***2.1. Những thuận lợi và khó khăn trong nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán vào thực tế.***

#### *2.1.1. Thuận lợi:*

- Việc nghiên cứu và ứng dụng các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán vào thực tế có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về các kiến thức lý thuyết cơ bản, được đào tạo qua các cấp độ khó và sâu khác nhau, mang đến cái nhìn toàn cảnh của một ngành kế toán trong các loại hình doanh nghiệp.

- Trong quá trình nghiên cứu, có sự lồng ghép với các bài tập nhóm, các bài thực hành đi sâu tìm hiểu các vấn đề trong thực tế, giúp sinh viên tự tích lũy, trang bị cho mình những kỹ năng cần thiết và cái nhìn cụ thể hơn về hoạt động cũng như chuyên môn kế toán áp dụng vào thực tế...

- Lượng kiến thức của các môn học trong chuyên ngành phù hợp với đặc điểm, yêu cầu thực tế mà một người kế toán tài chính nên có.

- Có sự ứng dụng, hỗ trợ của tin học vào việc nghiên cứu, ứng dụng nhưng kiến thức đã đạt được vào thực tế.

### *2.1.2. Khó khăn:*

Tồn tại song song những thuận lợi nói trên, việc nghiên cứu và ứng dụng các môn học vào thực tế cũng gặp không ít khó khăn:

Đối với sinh viên hệ chính quy đa phần mục tiêu quan trọng nhất là học tập do vậy thời gian dành cho học tập trên lớp cũng như tự học ở nhà chiếm phần lớn trong quỹ thời gian của mỗi sinh viên. Nhưng bên cạnh đó kiến thức về thực tế liên quan đến nghề nghiệp thì gần như chưa có, một số sinh viên đi làm thêm nhưng rất ít trong số này làm các công việc có liên quan đến ngành mà mình đang học. Do vậy việc tiếp cận lý thuyết đối với các em không có gì khó khăn, nhưng trở ngại ở đây lý thuyết của môn Hệ thống thông tin kế toán có những phần rất trừu tượng nếu không hình dung trong thực tế thì rất khó có thể hiểu được và sau này vận dụng.

### ***2.2. Việc áp dụng mối quan hệ giữa các môn học trong học tập, nghiên cứu và làm việc của sinh viên Học Viện Tài Chính nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay.***

Khi thiết kế chương trình của một môn học, việc quan trọng là phải nghiên cứu mối quan hệ của nó với các môn học khác trong cả chương trình.

Để làm việc này, phải nghiên cứu chương trình môn học, chuẩn bị nghiên cứu chương trình môn học, chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học. Chuẩn bị đầy đủ từ giáo trình, các tài liệu tham khảo và update tình hình thực tế. Với các môn ở bậc Đại học, cần xác định được vị trí của môn học đó trong khối kiến thức cũng như mối liên hệ gắn kết với các môn khác.

#### *2.2.1. Thực trạng việc vận dụng mối quan hệ giữa các môn học trong học tập, nghiên cứu và làm việc của sinh viên.*

Hiện nay, nhìn chung các bạn sinh viên có khả năng vận dụng và liên kết giữa các môn học là khác nhau. Tuy nhiên, nhận thấy một số bộ phận chưa xác định mục đích và mục tiêu của từng môn học, cũng như mối liên hệ giữa chúng.

Cụ thể như sau:

- Mục tiêu đào tạo: mô tả cụ thể những gì sinh viên có khả năng thực hiện được sau khi hoàn tất một khóa học hay môn học. Không nắm bắt được tinh thần của môn

học, cách tiếp cận không chủ động. Khả năng tiếp thu bị hạn chế và tính liên hệ với các môn khác không cao.

- Đối với nhóm môn học, từng môn học có mục tiêu chung. Có mối liên hệ mật thiết. Học trước quên sau, không có sự vận dụng, liên hệ giữa các môn học.

- Đối với từng chương, bài cụ thể, chúng ta có mục tiêu cụ thể. Sinh viên không nắm bắt được kiến thức, bị “Đục lỗ” nên khi tiếp cận môn học mới, phần kiến thức liên quan không chắc chắn sinh ra nản hay có thể khó tiếp cận với lượng kiến thức cao hơn.

*2.2.2. Phương pháp vận dụng mối quan hệ giữa các môn học trong học tập, nghiên cứu và làm việc của sinh viên đạt hiệu quả.*

- Để học tốt môn học, Sinh viên cần trả lời được những câu hỏi như:

1. Xác định tầm quan trọng của môn học và lộ trình đang học. Mục đích học là gì và ý nghĩa của môn học trong cả tiến trình học.

2. Cần những kiến thức kỹ năng gì đã học trước đó? Phương pháp học ra sao, cần những tài liệu gì để học đạt hiệu quả cao.

3. Mối liên hệ giữa môn học này với môn học khác, kết hợp giữa các môn học để tạo sự liên kết, chắc chắn về mặt kiến thức.

***III. Phương pháp, nội dung ứng dụng giảng dạy các mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán đạt hiệu quả cao.***

Đối với mỗi người học, lại là một sự khác biệt. Vì vậy, để phát triển chương trình môn học, Giảng viên cần tìm hiểu kiến thức nền, kiến thức đầu vào của người học và liệt kê những kiến thức sinh viên cần để đạt được kết quả tốt trong môn học. Nếu có đầy đủ các thông tin này, giáo viên sẽ có chiến lược phù hợp trong việc thiết kế chương trình môn học cũng như có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Về phía của Giảng viên, để giúp sinh viên học tập, ứng dụng thực tế mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế toán kiểm toán đạt hiệu quả cao. Cần xác định:

1. Phân tích nhu cầu

2. Xác định mục đích và mục tiêu

3. Thiết kế

4. Thực thi

5. Đánh giá

- Bên cạnh đó, giáo viên cần tìm hiểu hứng thú của người học với môn học đó để có các biện pháp thay đổi thái độ tiêu cực, tác động đến hứng thú, nhiệt tình của học sinh với môn học đó.

- Tìm hiểu những mong đợi của người học đối với môn học. Giáo viên tìm hiểu thông tin của người học có thể qua điều tra bằng phiếu, qua các bài kiểm tra. Làm tốt việc tìm hiểu thông tin về người học sẽ giúp giáo viên phát triển chương trình môn học/chuyên đề phù hợp hơn với người học, hướng tới người học và mang lại kết quả tốt hơn.

- Tính hữu dụng của kiến thức môn học khi học lên hoặc khi đi vào cuộc sống lao động nghề nghiệp. Phải chỉ ra được, chứng minh được kiến thức mà giáo viên dạy đó cần gì cho người học khi học lên hoặc khi đi vào cuộc sống lao động, có như vậy mới tạo ra động lực và hứng thú trong học tập cho người học.

- Kết quả của quá trình phân tích nhu cầu là cơ sở để xác định mục đích, mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học/ chuyên đề.

- Ý nghĩa của mục tiêu hình thành các cách thức, hình thức, nội dung, phương pháp dạy học. Những yếu tố này chi phối toàn bộ nội dung dạy học. Từ đó, giáo viên truyền đạt tốt nhất đến các sinh viên để đạt hiệu quả trong học tập và nghiêm cứu môn học.

- Đồng thời, kiểm tra đánh giá kiến thức của Sinh viên thường xuyên, có sự liên kết giữa các môn học. Đi sâu phân tích, làm rõ những chủ điểm, chuyên đề liên quan gắn kết các môn học, để sinh viên nắm được kiến thức và khả năng phân tích, tổng hợp và bao quát.

***Tài liệu tham khảo:***

<http://toc.123doc.org/document/637687-a-moi-quan-he-giua-mon-hoc-voi-muc-dich-muc-tieu-cua-ca-chuong-trinh-giao-duc.htm>.

**MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN****GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN***Phạm Thị Tú Anh**CQ52/22.09*

Muốn học nghề kế toán- kiểm toán hay để trả lời câu hỏi “kế toán - kiểm toán là gì?” một cách chi tiết, chúng ta cần tìm hiểu và học tập những môn nguyên lý kế toán, kế toán và kiểm toán. Môn học Nguyên lý kế toán, Kế toán và Kiểm toán có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, kiến thức môn này là tiền đề để học tập tốt môn khác.

Để tìm hiểu mối quan hệ này, trước hết phải biết chúng ta sẽ học được những gì ở những môn này.

Đối với môn nguyên lý kế toán cung cấp cho ta những kiến thức cơ bản, nền tảng của kế toán - kiểm toán với 6 chương bao gồm:

- + *Chương 1: Tổng quan về kế toán.*
- + *Chương 2: Các yếu tố cơ bản của kế toán tài chính.*
- + *Chương 3: Các phương pháp kế toán*
- + *Chương 4: Sổ kế toán và hình thức kế toán.*
- + *Chương 5: Hệ thống pháp lý kế toán.*
- + *Chương 6: Tổ chức công tác kế toán.*

Các môn học kế toán bao gồm: kế toán tài chính (học phần 1,2,3,4), kế toán quản trị (học phần 1,2), kế toán doanh nghiệp nông nghiệp, kế toán doanh nghiệp xây dựng, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, kế toán tài chính (giảng bằng tiếng anh), tổ chức công tác kế toán, chuẩn mực kế toán quốc tế, kế toán ngân hàng thương mại, đại cương kế toán tập đoàn...Các môn học kế toán cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, việc tổ chức thực hiện, vận

dụng hệ thống tài khoản kế toán trong từng loại hình doanh nghiệp, từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh,...

Các môn học kiểm toán bao gồm: kiểm toán căn bản, kiểm toán báo cáo tài chính (học phần 1,2,3), kiểm toán căn bản (giảng bằng tiếng anh). Các môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về công việc kiểm toán.

Muốn xây dựng một ngôi nhà thì trước hết phải xây móng, Nguyên lý kế toán được coi như cái “móng” của ngôi nhà, nó là môn học nền tảng, là cơ sở để hiểu sâu về kế toán. Môn nguyên lý kế toán cung cấp các khái niệm cơ bản và nguyên tắc khoa học của kế toán, cho chúng ta biết như thế nào thì được ghi nhận là tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, thu nhập, chi phí... các loại tài khoản và kết cấu của tài khoản, cách lập các sổ kế toán, các báo cáo, kiểm tra, chữa sổ kế toán... một cách chung nhất, cơ bản nhất. Học tốt môn này cũng như hiểu sâu về bản chất, nguyên lý của kế toán giúp chúng ta học tốt các môn kế toán- kiểm toán. Nếu không học môn này hay chỉ học một cách “lờ mờ” thì khi học những môn kế toán-kiểm toán, tức là chỉ học phần “ngọn” sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, dễ mắc những sai lầm khi gặp những nghiệp vụ khó,...

Để tìm hiểu chi tiết hơn về kế toán chúng ta sẽ học những môn kế toán. Kiến thức ở những môn này được xây dựng trên kiến thức của môn nguyên lý kế toán nhưng cụ thể, chi tiết hơn, phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, từng mục đích sử dụng. Giữa các môn học kế toán thì cũng mối quan hệ với nhau, bổ trợ cho nhau. Ví dụ học môn Đại cương kế toán tập đoàn bổ trợ cho môn Kế toán tài chính 3. Đại cương kế toán tập đoàn giúp ta hiểu như thế nào về tập đoàn kinh tế, như thế nào là sáp nhập, hợp nhất, công ty mẹ, công ty con để từ đó lập các báo cáo, báo cáo hợp nhất (ở môn Kế toán tài chính 3). Học các môn Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, chúng ta sẽ có kiến thức để áp dụng, để phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, tức là tiếp cận với kiến thức của các môn Kế toán doanh nghiệp xây dựng, Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

Còn với các môn kiểm toán thì sao? Chúng ta không thể học kiểm toán, không thể làm một kiểm toán viên nếu không biết kế toán là gì. Bởi vì “Kiểm toán là quá trình các kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập thu thập và đánh giá

các bằng chứng về các thông tin được kiểm toán nhằm xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin này so với các chuẩn mực đã được thiết lập” - Theo giáo trình lý thuyết kiểm toán (xuất bản năm 2013), Học viện tài chính. Các kiểm toán viên cần căn cứ vào các chuẩn mực kiểm toán để đánh giá xem các thông tin được kiểm toán có phù hợp với các nguyên tắc kế toán, chuẩn mực và quy định về kế toán hay không. Do đó, không hiểu về kế toán sẽ không thể làm được kiểm toán, cũng như không học các môn kế toán sẽ không thể học được các môn kiểm toán. Kiến thức ở những môn kế toán sẽ là nền tảng để học tốt những môn kiểm toán. Nếu không học tốt những môn kế toán thì khi học những môn kiểm toán thì sẽ rất khó học tốt, thậm chí là học mà không hiểu gì. Ngược lại học những môn kiểm toán thì chúng ta sẽ biết, sẽ hiểu công việc của kiểm toán viên sẽ làm những gì, từ đó vận dụng vào các công việc kế toán. Giữa các môn kiểm toán trong chương trình học cũng có mối quan hệ với nhau: Kiểm toán căn bản cung cấp các kiến thức cơ bản, các khái niệm về kiểm toán để từ đó có thể học nâng cao, chi tiết ở các học phần sau của kiểm toán. Theo chương trình giảng dạy môn kiểm toán các học phần sau đương nhiên là sẽ khó và phức tạp hơn các học phần trước nhưng khi học tốt các học phần trước thì học các học phần sau sẽ dễ dàng hơn.

Tóm lại các môn học Nguyên lý kế toán, Kế toán và Kiểm toán có mối quan hệ hỗ trợ cho nhau. Chính vì vậy chúng ta cần phải học tập tốt các môn học, chỉ cần chúng ta học lơ là đi một chút thì những môn học sau sẽ rất khó tiếp thu và cần vận dụng thích hợp kiến thức môn này trong việc học tập môn khác và đặc biệt lưu ý học để biết, để áp dụng vào thực tế, không phải học để thi.



---

---

## PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Vũ Nam Khánh

CQ53/22.09

Việc chuyển từ học phổ thông sang học đại học với những môn học hoàn toàn mới lạ khi mới bước vào đại học là thách thức đầu tiên của tân sinh viên. Sau đó, bước chuyển từ học những môn đại cương sang các môn học cơ sở ngành trong đó có môn Nguyên lý kế toán là một thách thức nữa với không ít sinh viên. Tác giả bài viết này xin được chia sẻ những khúc mắc đã gặp phải và những kinh nghiệm mà bản thân có được trong quá trình học môn học này. Hy vọng rằng, bài viết sẽ có ích cho các bạn sinh viên, giúp cho các bạn rũ bỏ được nỗi lo ngại và cảm thấy yêu thích hơn trong học tập môn Nguyên lý kế toán.

**Từ khóa:** Nguyên lý kế toán, phương pháp học tập, kế toán.

Để học tốt môn học Nguyên lý kế toán, trước hết phải hiểu được tầm quan trọng của môn học, đặc điểm của môn học. Trên cơ sở đó, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với đặc điểm của môn học. Thêm vào đó, những vấn đề khác cũng cần được quan tâm, chẳng hạn như: Xác định động cơ học tập, lựa chọn tài liệu học tập. Phần tiếp theo của bài viết sẽ bàn luận cụ thể các nội dung này.

### 1. Tầm quan trọng của môn nguyên lý kế toán

Nguyên lý Kế toán là môn học *cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán*, qua đó tạo cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành. Nội dung cơ bản của môn Nguyên lý kế toán bao gồm việc trình bày và giải thích đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán được sử dụng để thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin và một số nội dung kế toán cơ bản trong doanh nghiệp.

*Đối tượng nghiên cứu của môn Nguyên lý kế toán* bao gồm: tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí, kết quả. Các nội dung trọng tâm của môn Nguyên lý kế toán cũng xoay quanh những đối tượng nghiên cứu này. Từ những nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các đối tượng của kế toán được ghi nhận vào các tài khoản

kế toán, việc ghi chép này phải tuân thủ các phương trình kế toán, các nguyên tắc kế toán, các quy trình, phương pháp ghi nhận.

Từ nội dung và đối tượng của môn học như vậy, đặt trong mối quan hệ với chuẩn đầu ra của ngành Kế toán cho thấy môn Nguyên lý kế toán có vị trí rất quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Kế toán. Điều này thể hiện trên các phương diện cụ thể sau:

*Một là*, Nguyên lý kế toán là môn học “vỡ lòng” của chương trình dạy và học kế toán. Bởi vì, môn Nguyên lý kế toán cung cấp những kiến thức sơ khai, nền tảng nhất cho sinh viên và những kiến thức này thuộc phạm trù nguyên lý – tức là những quy luật khách quan đã qua kiểm nghiệm thực tiễn, nó đúng trong nhiều điều kiện hoàn cảnh khác nhau.

*Hai là*, Nguyên lý kế toán là môn cơ sở, tạo nền tảng kiến thức để học các môn học chuyên ngành như: kế toán tài chính, kế toán quản trị, lý thuyết kiểm toán, thuế. Các môn học chuyên ngành thực chất là vận dụng hoặc nghiên cứu sâu hơn các kiến thức của môn Nguyên lý kế toán cho các đối tượng, mục đích khác nhau. Như chúng ta đã biết, đối với sinh viên ngành kế toán (chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kế toán công hay Kiểm toán), Nguyên lý kế toán là môn cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Tại sao Nguyên lý kế toán được coi là môn cơ sở ngành bắt buộc? Câu trả lời đơn giản là vì xây nhà cần có móng. Nguyên lý kế toán được coi là “cái móng” vững chắc của bất cứ ai muốn xây “ngôi nhà có tên kế toán, kiểm toán”. *Ví dụ:*

+ Môn Kế toán quản trị: Mục đích là cung cấp thông tin kế toán phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong nội bộ doanh nghiệp. Đối tượng sử dụng thông tin là các nhà quản lý doanh nghiệp.

+ Môn Kế toán tài chính: mục đích là cung cấp thông tin kế toán cho việc lập báo cáo tài chính. Đối tượng sử dụng thông tin là các nhà quản lý doanh nghiệp và các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp (nhà đầu tư, ngân hàng, cơ quan thuế, cơ quan tài chính...)

Rõ ràng, để thông tin cung cấp đảm bảo được tính tin cậy và chính xác thì thông tin phải được thu thập, xử lý, tổng hợp theo một cách thống nhất và có hệ thống dựa theo những quy chuẩn, nguyên tắc nhất định. Và đó là nhiệm vụ của môn Nguyên lý kế toán.

## 2. Đặc điểm của môn học nguyên lý kế toán

So với các môn học khác, môn Nguyên lý kế toán có 3 đặc điểm cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, Nguyên lý kế toán là môn cơ sở ngành trình bày những lý thuyết cơ bản nhất trong lĩnh vực kế toán. Như vậy, môn học này không giải quyết những nội dung cụ thể của chuẩn mực kế toán quốc gia hay các chế độ kế toán cụ thể của một quốc gia. Nếu không có phương pháp học phù hợp rất dễ rơi vào tình trạng học chay hoặc nếu liên hệ thực tiễn không tốt có thể dẫn đến lẫn lộn với những vấn đề có tính nguyên lý.

*Thứ hai*, nguyên lý kế toán là môn học có nhiều khái niệm trừu tượng nhưng lại giải quyết những vấn đề rất cụ thể. Điều này đòi hỏi người học phải nắm chắc các nguyên lý cơ bản của triết học và phải có tư duy hệ thống tốt.

*Thứ ba*, nguyên lý kế toán là môn học có bài tập thực hành. Điều này tất nhiên đòi hỏi người học phải làm các bài tập để đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của môn học. Phương pháp học môn có bài tập và môn không có bài tập là khác nhau.

## 3. Bàn về phương pháp học môn nguyên lý kế toán

Từ các đặc điểm nêu trên thì có **3 yêu cầu cơ bản** đặt ra đối với môn học là:

*Thứ nhất*, sinh viên phải nắm chắc các khái niệm trong phạm trù môn học.

*Thứ hai*, hiểu được bản chất của khái niệm vì đây là môn học có nhiều khái niệm trừu tượng. Ví dụ: Nguyên tắc thận trọng là gì?

*Thận trọng* là một trong những nguyên tắc kế toán cơ bản. Nguyên tắc này đề cập đến việc lựa chọn những giải pháp trong vô số giải pháp, sao cho ít ảnh hưởng tới nguồn vốn chủ sở hữu. Với sự lựa chọn như vậy, kế toán chỉ ghi các khoản thu nhập

khi có chứng cứ chắc chắn, còn chi phí phải được ghi nhận thấy có bằng chứng về khả năng phát sinh.

Rõ ràng, “thận trọng” ở đây là một khái niệm trừu tượng nhưng nó đã khái quát lên nhu cầu của việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Như vậy, với chỉ một khái niệm “thận trọng”, người làm công tác kế toán đã phải hiểu và thực hiện những công việc sau đây để tuân thủ nguyên tắc này:

+ Lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn.

+ Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập.

+ Không đánh giá thấp hơn giá trị các khoản nợ phải trả và chi phí.

+ Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

*Thứ ba*, biết vận dụng khái niệm, nguyên tắc, phương pháp để giải quyết thực tiễn hoặc làm bài tập thực hành. Nghĩa là, sau khi đã nắm chắc và hiểu rõ các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của môn học, sinh viên cần phải biết những kiến thức vận dụng vào việc làm bài tập thực hành, giải quyết thực tiễn. Cũng cần biết rằng, các dạng bài tập của môn nguyên lý kế toán mang tính tổng hợp và có logic rất cao, các chương học được liên kết với nhau một cách chặt chẽ, các ví dụ gắn liền với thực tiễn đòi hỏi sinh viên phải học tập và nghiên cứu một cách nghiêm túc, tỉ mỉ, từ đó rút ra được những bài học cho bản thân mình.

**Ví dụ:** Định khoản một nghiệp vụ kinh tế.

+ Khái niệm “Định khoản”: Định khoản kế toán là việc xác định tài khoản nào ghi Nợ, tài khoản nào ghi Có, với số tiền cụ thể là bao nhiêu đối với mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phải đảm bảo đúng nguyên tắc ghi kép. Có nghĩa là tổng số tiền ghi Nợ các tài khoản phải bằng tổng số tiền ghi Có các tài khoản đối ứng.

+ Rõ ràng, từ định nghĩa định khoản, để có thể định khoản một nghiệp vụ kinh tế, ta phải hiểu được nguyên tắc ghi chép là gì; thế nào là ghi Nợ, Có; các đối tượng kế toán được ghi chép vào các tài khoản như thế nào; nắm rõ khái niệm và vai trò của từng loại tài khoản; ngoài ra còn phải hiểu được bản chất của nghiệp vụ kinh tế.

Từ đó, có thể thấy, chỉ với một nghiệp vụ định khoản kinh tế, sinh viên đã phải liên hệ rất nhiều kiến thức từ nhiều chương, nhiều phần học khác nhau. Vì vậy, để có thể học tốt môn nguyên lý kế toán sinh viên phải học tập và nghiên cứu ngay từ đầu, học một cách có hệ thống: tức là liên kết các kiến thức đã được học với nhau, diễn giải lại bằng cách hiểu của bản thân để có thể hiểu được bản chất của vấn đề.

Mỗi người học có thể có những phương pháp học tập khác nhau tùy thuộc vào năng lực và điều kiện cụ thể của bản thân. Từ kinh nghiệm cá nhân, tôi cho rằng, để đạt được các yêu cầu trên, căn cứ vào đặc điểm môn học này, các phương pháp và kỹ năng nên áp dụng đối với môn học này là:

+ Cần phải *tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo ở nhà trước khi lên lớp*, ghi chú những nội dung khó hiểu để trao đổi thảo luận hoặc hỏi giảng viên. Việc tìm hiểu bài trước khi đến lớp vô cùng quan trọng đối với sinh viên. Việc đọc bài học trước khi lên lớp giúp người học nắm được khái quát về cấu trúc của bài học và một số nội dung cơ bản của bài học. Làm như vậy, cũng giúp cho người học có thể tập trung vào ý chính của bài một cách hiệu quả. Mỗi bài học và chương học của môn Nguyên lý kế toán chứa đựng lượng kiến thức khá lớn, nhưng cũng một phần không nhỏ số kiến thức ấy sinh viên có thể tự đọc hiểu ngay khi ở nhà. Nó cũng đồng nghĩa với việc sinh viên có nhiều thời gian trên lớp hơn để nghĩ và phát triển quan điểm của bản thân và những gì bạn rút ra được từ bài học đó.

+ *Tập trung nghe giảng để hiểu đúng bản chất nội dung học*. Khi sinh viên đã có những sự chuẩn bị tốt nhất trước khi đến lớp, thì tập trung nghe giảng trên lớp là để có thể hiểu sâu hơn về kiến thức và tháo gỡ những thắc mắc của bản thân trong quá trình tìm hiểu bài học. Đó có thể là việc đặt ra những câu hỏi, thắc mắc cho giảng viên hay là việc trao đổi, thảo luận nhóm với sinh viên khác. Nguyên lý kế toán là một môn học rất gắn liền với thực tiễn, vì vậy việc sinh viên có thật nhiều liên hệ, kinh nghiệm

của bản thân sẽ giúp ích rất nhiều cho khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết được học trên ghế nhà trường vào quá trình công tác sau này.

+ *Diễn giải lại các khái niệm và nội dung trong bài học bằng cách hiểu cụ thể của bản thân.* Một trong những đặc điểm của môn Nguyên lý kế toán là môn học này có hệ thống khái niệm, nội dung học mang tính trừu tượng cao, vì vậy việc diễn giải lại kiến thức đã được học bằng cách hiểu cụ thể của bản thân là việc làm vô cùng cần thiết.

+ *Vận dụng làm bài tập ngay.* Một đặc trưng khác của môn Nguyên lý kế toán là môn học này có bài tập thực hành đi kèm lý thuyết. Cũng cần biết rằng, bài tập thực hành của bộ môn này đòi hỏi sinh viên phải có tính cẩn thận, tỉ mỉ, khả năng ghi nhớ tốt chứ không cần sự sáng tạo, thông minh. Vì vậy, việc vận dụng kiến thức vào làm bài tập ngay sẽ giúp sinh viên ghi nhớ, thuần thục hơn các bước, các đặc điểm mẫu chốt của từng dạng bài tập đã được lưu ý trên lớp hay trong quá trình học.

+ *Trao đổi, thảo luận nhóm khi làm bài tập.* Mỗi bạn sinh viên đều có lối suy nghĩ và cách tiếp thu kiến thức nhau. Học nhóm giúp bạn có cơ hội chia sẻ kiến thức với người khác, đồng thời cũng nhận lại rất nhiều điều mới, như vậy người học sẽ nắm vững những điều được học ở trên lớp hơn. Thảo luận nhóm cũng là một trong những cách giúp sinh viên giải đáp những thắc mắc của môn học khi chưa tìm được đáp án hợp lý nhất. Khối lượng bài tập của môn Nguyên lý kế toán tương đối lớn, các dạng bài tập thực hành lại liên quan đến những con số nên rất dễ gây ra nhầm lẫn, đòi hỏi người học phải có sự so sánh, đối chiếu kết quả với nhau. Vì vậy, việc học và thảo luận nhóm giúp sinh viên tiết kiệm thời gian giải quyết bài tập, những thắc mắc được đưa ra thảo luận, tìm hướng giải quyết nhanh chóng, kết quả đem lại có độ chính xác và tính trải nghiệm về mặt kiến thức cao hơn.

+ *Đặt ra các giả thiết và cần có tư duy phản biện khi nghiên cứu.* Việc đặt ra các giả thiết và tư duy phản biện thực chất là việc đặt ra những nghi ngờ có cơ sở về những vấn đề, nội dung kiến thức mà bản thân được tiếp cận. Điều đó giúp sinh viên chủ động trong việc tiếp thu kiến thức, và khi những nghi ngờ ấy được giải đáp thì sinh viên lại càng hiểu sâu hơn về vấn đề mà mình đang học tập và nghiên cứu. Môn

Nguyên lý kế toán có hệ thống lý thuyết học có tính trừu tượng rất cao, hệ thống bài tập đa dạng, cụ thể nên việc sinh viên tích cực đặt ra giả thiết, đưa ra phản biện trong quá trình học tập sẽ giúp ích cho việc dạy và học môn Nguyên lý kế toán trên ghế nhà trường.

+ *Vận dụng sơ đồ tư duy khi nghiên cứu các nội dung môn học để hệ thống hóa kiến thức.* Phương pháp sơ đồ tư duy là phương pháp khai thác khả năng ghi nhớ và liên hệ các dữ kiện lại với nhau bằng cách sử dụng các biểu tượng, từ ngữ và hình ảnh theo một bộ các quy tắc đơn giản, cơ bản, tự nhiên và dễ hiểu. Hệ thống kiến thức lý thuyết của môn Nguyên lý kế toán là rất nhiều, có tính trừu tượng, được trình bày theo từng chương, từng phần. Mặt khác, chúng lại có tính logic cao, kiến thức liên hệ từ chương này sang chương khác, đòi hỏi người học phải có cách hệ thống hoá kiến thức một cách ngắn gọn mà vẫn phải đảm bảo khối lượng kiến thức tiếp thu được. Và phương pháp sơ đồ tư duy sẽ giúp ích rất nhiều cho sinh viên trong quá trình học lý thuyết môn Nguyên lý kế toán.

**Ví dụ:** Thế nào là Quá trình kế toán?

+ Giáo trình môn “Nguyên lý kế toán” dành rất nhiều thời lượng đã đề định nghĩa và trình bày nội dung các bước của quá trình kế toán. Nhưng đối với sinh viên, khi muốn ghi nhớ và nắm bắt những kiến thức trọng tâm thì việc học thuộc khối lượng kiến thức trong sách là điều không thể và không cần thiết. Thay vì điều đó, tại sao sinh viên không sử dụng sơ đồ tư duy để ghi nhớ và tái hiện lại kiến thức. Tác giả xin được lấy ví dụ cụ thể về “Thế nào là Quá trình kế toán?” bằng phương pháp sử dụng sơ đồ tư duy:

- Mô tả bản chất: Các sự kiện hay giao dịch -> Phân tích và ghi chép -> Các báo cáo tài chính -> Những người sử dụng.

- Giấy tờ ghi nhận: Hoá đơn, chứng từ mua, bán hàng -> Hệ thống các tài khoản và các loại sổ kế toán -> Các báo cáo tài chính.

Thông qua việc sử dụng hệ thống từ khoá và các dấu mũi tên, ta thấy được sơ đồ tư duy đã giúp người học dễ dàng ghi nhớ, nắm được thế nào là các bước của một quá trình kế toán và các loại giấy tờ cần thiết cho quá trình này.

#### **4. Một số vấn đề cần lưu ý khác để học tốt môn nguyên lý kế toán**

*Một là*, cần xác định động cơ học tập đúng đắn. Việc xác định động cơ học tập luôn rất quan trọng với sinh viên khi học tập và nghiên cứu bất kì môn học nào không chỉ riêng với môn Nguyên lý kế toán. Một động cơ học tập đúng đắn sẽ giúp ích rất nhiều, nó là động lực trực tiếp bên trong thúc đẩy sinh viên học tập và có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập của sinh viên. Đó không chỉ là câu chuyện về mặt điểm số trước mắt mà còn là tiền đề để học tập, nghiên cứu các môn học khác hoặc thậm chí còn phục vụ cho việc công tác sau này. Đặc biệt với môn Nguyên lý kế toán đối với sinh viên chuyên ngành kế toán - kiểm toán, khi đã hiểu được những đặc trưng cơ bản và tầm quan trọng của môn học này, sinh viên cần có ý thức tự giác, chủ động tiếp thu kiến thức, áp dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm đạt được kết quả cao nhất.

*Hai là*, chuẩn bị tài liệu học tập phù hợp. Với môn học này, cần chuẩn bị các tài liệu sau:

+ Giáo trình bộ môn “Nguyên lý kế toán” của Học viện Tài chính và các trường Đại học, Học viện thuộc khối ngành kinh tế khác trên cả nước.

+ Giáo trình môn “Nguyên lý kế toán” và các tài liệu liên quan bằng tiếng Anh, chẳng hạn như sách *The Principles of Accounting* của Đại học Luân Đôn (Anh) do Leiwy biên soạn.

+ Giáo trình và các tài liệu liên quan của các môn học đại cương có kiến thức liên hệ với môn Nguyên lý kế toán như: Tài chính tiền tệ, Nguyên lý thống kê, Kinh tế học vi-vĩ mô, Tin học đại cương...

+ Thông tư, nghị định, chuẩn mực kế toán, tạp chí kinh tế, sách báo, bài viết.

+ Tìm kiếm nguồn tài nguyên học tập qua các phương tiện thông tin đại chúng, internet.../.



## PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP LIÊN KẾT GIỮA NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

*Phạm Thị Hồng Lương*

*CQ52/21.15*

Nguyên lý kế toán là nền tảng cơ sở quan trọng của khoa học kế toán nói riêng và khoa học quản lý kinh tế nói chung, là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình xây dựng hệ thống pháp lý kế toán cũng như trong việc nghiên cứu và thực hành kế toán. Đối với sinh viên khối kinh tế nói chung và sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán nói riêng thì nguyên lý kế toán được ví như là nền tảng khi đi sâu vào học chuyên ngành và mang tính chất bắt buộc trong chương trình đào tạo. Do đó, nếu bạn nào bị mất kiến thức căn bản ngay từ môn này thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi học những môn tiếp theo của chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán. Để học tốt môn này người học cần thực hiện tốt những nội dung sau:

**Thứ nhất**, sinh viên phải nắm chắc các khái niệm, chức năng, đối tượng, nguyên tắc kế toán: Kế toán, hạch toán, phân biệt hạch toán kế toán với các loại hạch toán khác, hiểu về chức năng nhiệm vụ của kế toán, đối tượng kế toán nghiên cứu là gì? Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn, nội dung các nguyên tắc kế toán chung.

**Thứ hai**, sinh viên phải hiểu được ý nghĩa của chứng từ kế toán, nội dung các yếu tố cơ bản trong một chứng từ kế toán, trình tự xử lý luân chuyển chứng từ kế toán, những quy định của pháp luật liên quan đến chứng từ kế toán.

**Thứ ba**, sinh viên phải nắm được nội dung của phương pháp tính giá, các yêu cầu của quá trình tính giá, các nguyên tắc tính giá và trình tự tính giá từ đó biết vận dụng nguyên tắc và trình tự tính giá cho đối tượng cụ thể và kết hợp tính giá cho nhiều đối tượng.

**Thứ tư**, sinh viên phải nắm được nội dung, kết cấu chung của các loại tài khoản kế toán, các cách phân loại tài khoản kế toán, các quan hệ đối ứng tài khoản. Nắm bắt

được quy trình kiểm tra việc ghi chép phản ánh nghiệp vụ trên tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết.

**Thứ năm**, sinh viên phải nắm được nội dung, kết cấu của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, cơ sở số liệu và phương pháp lập các báo cáo đó. Biết vận dụng cơ sở dữ liệu để lập một báo cáo cụ thể (dưới dạng đơn giản)

**Thứ sáu**, sinh viên phải nắm được nội dung, các nghiệp vụ chính trong mỗi quá trình: mua hàng, sản xuất, bán hàng. Vận dụng sơ đồ kế toán thực hành các nghiệp vụ kinh tế cụ thể.

**Thứ bảy**, sinh viên phải nắm được nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp, các mô hình tổ chức bộ máy kế toán, các hình thức sổ kế toán.

Để có thể lĩnh hội được các kiến thức cơ bản của môn học thì sinh viên cần:

**Thứ nhất**, nắm chắc đối tượng kế toán, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào tình huống cụ thể, biết phân tích nghiệp vụ kinh tế, trên cơ sở đó thực hiện tính toán và định khoản chính xác.

**Thứ hai**, nhớ cách định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng cách sinh viên phải chịu khó làm bài tập nguyên lý kế toán mà các thầy cô cho trên lớp cũng như tìm thêm những tài liệu bên ngoài từ các Trường Đại học và Học viện khác. Ngoài ra, các bạn có thể tự nghĩ ra các nghiệp vụ và định khoản chúng.

**Thứ ba**, liên kết được kiến thức giữa các chương học, sử dụng kiến thức đã biết để tiếp nhận kiến thức chưa biết, bằng cách đó bạn sẽ dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm hơn và củng cố được kiến thức cũ.

**Ngoài ra** học nhóm cũng là một trong những cách hiệu quả để học tốt môn nguyên lý kế toán. Chúng ta có thể tự tập hợp một nhóm nhỏ để cùng nhau giải bài tập cũng như giúp nhau giải đáp những thắc mắc còn chưa hiểu trong bài. Nếu như gặp những vấn đề khó hơn thì có thể hỏi trực tiếp giảng viên khi có giờ giảng trên lớp của môn học đó hoặc qua email, điện thoại (vào thời gian thích hợp). Môn học này không đòi hỏi bạn phải sáng tạo hay thông minh mới học được chỉ cần người học có tính cần

cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ trong việc học là có thể đạt kết quả cao trong học tập và một điều quan trọng nữa là sinh viên luôn phải tự cập nhật những kiến thức mới.

Từ các kiến thức nền tảng đã được tiếp thu ở môn Nguyên lý kế toán, sinh viên tiếp tục được học sang các môn học thuộc ngành và chuyên ngành kế toán- kiểm toán đó là các môn học về kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán...

Kế toán tài chính là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng sử dụng thông tin của đơn vị kế toán. Kế toán tài chính chủ yếu cung cấp thông tin kế toán cho những đối tượng bên ngoài đơn vị kế toán nhằm trợ giúp họ trong việc ra quyết định liên quan đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động và dòng tiền của đơn vị kế toán. Dựa trên các kiến thức cơ bản đã học, kế toán tài chính đi học các nội dung cơ bản sau: kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn và các khoản phải thu; Kế toán vật tư, hàng hóa; Kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả; Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; Lập hệ thống báo cáo tài chính. Nếu như không nắm vững các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán đã được học trong môn Nguyên lý kế toán sẽ dẫn đến khó khăn trong việc hạch toán, xử lý các nghiệp vụ ở trong môn Kế toán tài chính. Ví dụ không nắm được nguyên tắc giá gốc là gì, nguyên tắc giá thị trường là gì sẽ không có cơ sở cho việc tính giá các đối tượng kế toán phát sinh từ các loại giá khác nhau. Hay nếu không biết các phương pháp tính giá đã học trong môn Nguyên lý kế toán thì sẽ không thể hạch toán chi tiết vật tư cho chương kế toán các loại vật tư.... Như vậy Nguyên lý kế toán là môn học nền tảng căn bản nhất giúp học tốt các học phần về kế toán tài chính và kiểm toán.

Mặt khác, kế toán tài chính thực hiện mục đích cung cấp thông tin cho đối tượng bên ngoài và bên trong, còn mục đích hoạch định các kế hoạch hoạt động dài hạn và ngắn hạn và kiểm soát kết quả các hoạt động của đơn vị do Kế toán quản trị thực hiện đáp ứng nhu cầu thông tin cho đối tượng bên trong đơn vị.

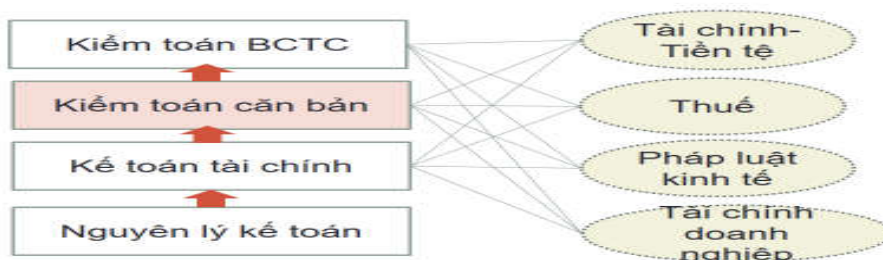
Sau khi học các học phần của kế toán tài chính, sinh viên tiếp tục được học và nghiên cứu tới 2 học phần kế toán quản trị.

Kế toán quản trị là loại hình kế toán liên quan đến cung cấp thông tin tài chính và thông tin khác cho các mục đích quản lý khác nhau trong đơn vị kế toán nhằm trợ giúp cho nhà quản lý đơn vị thực hiện việc lập và thực hiện kế hoạch, kiểm soát và ra các quyết định liên quan. Kế toán quản trị có nội dung rất rộng, các nội dung chủ yếu bao gồm: kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Kế toán quản trị bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; Phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận; Lựa chọn thông tin thích hợp cho việc ra quyết định; Lập dự toán sản xuất, kinh doanh; Kế toán quản trị một số khoản mục khác.

Kế toán quản trị đi sâu hơn kế toán tài chính vào một số vấn đề trọng yếu. Để học tốt môn Kế toán quản trị 1, Kế toán quản trị 2, điều kiện tiên quyết là sinh viên đã học hết nguyên lý kế toán, học xong kế toán tài chính. Để học tốt môn Kế toán quản trị, các vấn đề trong nguyên lý kế toán, các bài tập, hệ thống tài khoản ở kế toán tài chính, sinh viên đều phải hiểu theo đúng bản chất. Ví dụ để lập dự toán báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (bài tập thuộc môn kế toán quản trị) sinh viên cần nhớ được các yếu tố trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đã được học ở môn Nguyên lý kế toán), cần biết các loại chi phí trong doanh nghiệp (đã được nghiên cứu ở Kế toán tài chính).

Cuối cùng việc nghiên cứu các môn học trên là nền tảng để nghiên cứu môn học Kiểm toán. Mối quan hệ này thể hiện qua sơ đồ sau.

### Mối quan hệ với các môn học khác



Môn học kiểm toán nghiên cứu các nội dung như: Báo cáo kiểm toán, Phương pháp kiểm toán, Tổ chức và quản lý kiểm toán... các nội dung trong môn kiểm toán rất logic với các kiến thức đã học trong môn kế toán. Sinh viên phải nắm rõ các chuẩn mực kế toán, các nguyên tắc kế toán và quy định lập Báo cáo tài chính. Kết thúc các học phần của môn Kiểm toán sinh viên có thể giải thích được bản chất hoạt động kiểm toán và vai trò kiểm toán trong nền kinh tế, hiểu được quy trình kiểm toán, Giải thích được ý nghĩa và nội dung của báo cáo kiểm toán...

Như vậy có thể thấy rằng các môn học Nguyên lý kế toán, Kế toán và Kiểm toán có mối quan hệ mật thiết, bổ trợ cho nhau, trong đó môn Nguyên lý kế toán là môn cơ sở ngành sinh viên cần đặc biệt hiểu rõ vấn đề, nắm vững kiến thức để có thể học tốt môn Kế toán. Và tương tự môn Kiểm toán có mối quan hệ chặt chẽ, logic với môn Kế toán. Để có thể học tốt và đạt hiệu quả trong môn Kiểm toán, sinh viên cần nắm vững các kiến thức thuộc môn kế toán.

Như vậy, để học tốt các môn học ở đại học nói chung và các môn chuyên ngành nói riêng thì sinh viên cần đảm bảo đi học đầy đủ, làm bài tập cẩn trọng, nghiêm túc, phải có tinh thần tự học, tự nghiên cứu và phương pháp học tập phù hợp... Sinh viên cần học tốt các môn đại cương, môn ngành, cơ sở ngành để có kiến thức nền tảng, bổ trợ cho các môn học về sau vì các môn học sau thường liên quan đến kiến thức môn học. Việc xác định được mối quan hệ giữa các môn học ngay từ đầu giúp sinh viên đạt hiệu quả cao nhất cho quá trình học tập, nghiên cứu và là hành trang kiến thức để sau khi rời khỏi cánh cổng trường đại học có thể tự tin đi ứng tuyển các vị trí phù hợp và có nhiều cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

## THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI HỌC MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN ĐỐI VỚI SINH VIÊN

*Tạ Thu Phương*

*CQ51/22.05*

Nền kinh tế Việt Nam những năm gần đây đang từng bước hội nhập nền kinh tế quốc tế, điển hình là trong năm 2015 chúng ta đã có hàng loạt hoạt động đối ngoại và ký kết được 8 hiệp định thương mại tự do FTA cả song phương và đa phương, mà quan trọng nhất là cuối năm 2015 Cộng đồng Kinh tế ASEAN (viết tắt là AEC) chính thức đi vào vận hành. Trong xu thế đó, điều tất yếu là phải hoàn thiện hệ thống pháp lý phù hợp với các nước trên thế giới. Đặc biệt hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam không ngừng được đổi mới và phát triển từng bước đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập. Nguyên lý Kế toán là chính là nền tảng cơ sở quan trọng của khoa học kế toán, là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình xây dựng hệ thống pháp lý kế toán cũng như trong việc nghiên cứu và thực hành kế toán. Với nhận thức đó, cuốn giáo trình “Nguyên lý Kế toán” lại càng đóng vai trò quan trọng đối với các sinh viên mới tiếp xúc với ngành nói riêng và toàn bộ ngành kế toán kiểm toán nói chung.

Học viện Tài Chính – ngôi trường có danh tiếng về chuyên môn nghiệp vụ kế toán kiểm toán bậc nhất cả nước, trung bình mỗi năm đào tạo khoảng 1500 sinh viên chính quy chuyên ngành kế toán – kiểm toán và rất nhiều thạc sỹ, tiến sỹ khác nhằm phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho ngành này. Và đối với những sinh viên trong ngành nói riêng và sinh viên trên toàn học viện nói chung, môn nguyên lý kế toán là nền tảng và có tính bắt buộc đối với tất cả sinh viên trong chương trình đào tạo, là sự khởi đầu cho các kế toán viên và kiểm toán viên trong tương lai. Nếu bị mất căn bản ngay từ môn này thì sinh viên sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi học những môn tiếp theo vì nguyên lý kế toán là nền tảng khi đi sâu vào học chuyên ngành.

Khi đối mặt với môn nguyên lý kế toán thì các sinh viên cũng sẽ có những thuận lợi và khó khăn nhất định.

### **Thuận lợi của sinh viên**

**Một là**, khi học Nguyên lý kế toán, sinh viên sẽ được tiếp cận những khái niệm cơ bản liên quan đến chuyên ngành kế toán như khái niệm, các quy tắc cơ bản, những quy định có tính mục thước về phương pháp hạch toán, đánh giá, thuyết minh và trình bày thông tin, số liệu trên báo cáo tài chính.

Nội dung giáo trình Nguyên lý kế toán được biên soạn khá đầy đủ các khái niệm, các nguyên tắc nền tảng trong kế toán, các quy tắc, quy định căn bản trong kế toán. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy, giáo viên luôn lồng ghép các ví dụ thực tế để sinh viên hiểu sâu rộng hơn và có cái nhìn cụ thể về từng đối tượng, từng nghiệp vụ kế toán. Ví dụ, khái niệm và điều kiện ghi nhận các yếu tố của Báo cáo tài chính được học trong môn Nguyên lý kế toán đã cung cấp cho sinh viên cái nhìn khái quát về tiêu chuẩn ghi nhận một yếu tố sẽ nằm ở phần nào trong Báo cáo tài chính; các nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán cung cấp cho sinh viên cách trình bày thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính. Như vậy, nhờ những nhận thức mà sinh viên có được trong quá trình học môn Nguyên lý kế toán, sinh viên có thể nắm bắt và hiểu được những nội dung cơ bản trong các chuẩn mực kế toán một cách chủ động hơn.

**Hai là**, sinh viên có điều kiện để có thể vận dụng sự xét đoán của mình vào các tình huống thực tế.

Với những kiến thức cơ bản được cung cấp, sinh viên có khả năng khái quát để có cái nhìn bao quát, qua đó có thể hiểu và vận dụng các nguyên tắc kế toán trong việc lý giải các tình huống, nghiệp vụ kinh tế cụ thể. Chẳng hạn như các xét đoán về nghiệp vụ hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình,... Các phương pháp khấu hao tài sản cố định; việc bán lại hay thanh lý tài sản cố định hữu hình có tác động đến hao mòn tài sản cố định hữu hình như thế nào; cách ghi nhận tài sản cố định hữu hình trên bảng cân đối kế toán... giúp cho sinh viên có thể tư duy về nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng cho đối tượng kế toán là tài sản cố định hữu hình.

**Ba là**, sinh viên là những người trẻ tuổi, có khả năng học hỏi và tiếp thu kiến thức một cách nhanh chóng. Hơn nữa, trong thời đại công nghệ thông tin phát triển

như hiện nay, sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn tài liệu về hệ thống chuẩn mực kế toán được cập nhật mới nhất để bổ sung kiến thức. Trong quá trình tìm hiểu, đứng trước sự lựa chọn của hàng chục chuẩn mực kế toán, sinh viên có cơ hội chọn lựa chuẩn mực mà bản thân nghĩ rằng mình có thể hiểu được nhiều nhất để đọc dựa vào vốn kiến thức đã có. Hơn nữa, có rất nhiều bài báo, trang mạng sẵn có phân tích kỹ càng từng chuẩn mực giúp cho sinh viên tìm hiểu được cặn kẽ, tiếp thu được những điều mà tác giả các bài viết muốn nói nhanh chóng khi đã có đầy đủ các kiến thức nền cần thiết mà môn học Nguyên lý kế toán đã cung cấp.

### **Khó khăn của sinh viên**

***Thứ nhất***, sự lười biếng và thụ động trong học tập.

Điều quan trọng nhất đối với việc học tập là ý thức tự giác của sinh viên trong quá trình học tập. Bất kể khi gặp một vấn đề nào còn chưa rõ hay có liên quan đến các chuẩn mực kế toán, sinh viên cần ghi lại rồi tìm hiểu. Trong khi học Nguyên lý kế toán, có những thuật ngữ, khái niệm gây khó hiểu thì sinh viên cần chủ động liên hệ với các chuẩn mực kế toán để hiểu rõ hơn. Tuy nhiên, thực tế có rất ít sinh viên quan tâm đến vấn đề đó mà chấp nhận cách hiểu mơ hồ đủ để làm được bài tập và trả lời được các câu hỏi trong phạm vi bài giảng. Thậm chí còn có nhiều sinh viên không cả quan tâm đến việc hiểu mà chấp nhận cách học là thuộc vẹt. Thực trạng trên là do sinh viên chưa nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống chuẩn mực kế toán mà sinh viên phần nhiều đi học để phục vụ cho việc thi cử hết môn học trước mắt, nên những thứ không thi thì không cần thiết phải học.

***Thứ hai***, những thuật ngữ trừu tượng không rõ nghĩa bắt gặp phải trong quá trình nghiên cứu các chuẩn mực kế toán khiến sinh viên năm thứ hai rơi vào tình trạng lúng túng, khó hiểu. Kết quả là không thể vận dụng vào vào học tập một cách thông thạo.

### **Giải pháp**



**Đối với sinh viên**, sinh viên cần có ý thức tự học tự tìm hiểu về môn học nguyên lý kế toán.

**Một là**, như đã khẳng định trước đó nguyên lý kế toán giống như là môn vỡ lòng đối với các kế toán viên tương lai hay kiểm toán viên tương lai. Do đó để có thể đảm bảo việc học tập thuận lợi, phục vụ cho trước mắt là các kỳ thi, cũng như việc học các môn chuyên ngành sau này và xa hơn là vận dụng các nguyên lý cơ bản cho công việc hành nghề trong tương lai, sinh viên cần phải có ý thức tự tìm hiểu về môn học. Tự tìm hiểu ở đây không chỉ là học trong sách giáo trình mà còn cần kết hợp với việc tự tìm hiểu thông qua các quyển sách về ngành kế toán, qua internet và nguồn tin cậy nhất là thắc mắc, mạnh dạn đặt câu hỏi với các thầy cô trong lớp.

**Hai là**, tăng cường các hoạt động rèn luyện củng cố kiến thức, tìm hiểu bản chất các khái niệm kế toán thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Học nhóm, tham gia các diễn đàn kế toán, kiểm toán, các khóa học bổ trợ trực tuyến, tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học với chính những vấn đề khó để tìm hiểu khắc sâu làm sáng rõ vấn đề đó.

**Đối với các thầy cô**, sinh viên mong muốn các thầy cô chỉnh sửa để cuốn giáo trình ngày càng bám sát với thực tế, hướng dẫn sinh viên cách nghiên cứu và đưa ra các ví dụ thực tế để sinh viên được thảo luận về các tình huống đó. Các thầy cô truyền đạt một cách dễ hiểu và nhiệt tình trao đổi với các sinh viên về các tình huống trong cuộc sống cũng như sẵn sàng giải đáp các thắc mắc của sinh viên để tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa sinh viên – giảng viên và tạo thêm niềm cảm hứng học tập cho sinh viên. Những điều đó là vô cùng quan trọng để sinh viên ngày càng yêu ngành kế toán và có một tương lai sáng hơn.

#### **Tài liệu tham khảo**

- *Giáo trình Nguyên lý kế toán – NXB Tài Chính năm 2014*

## ỨNG DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CỦA CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN VÀO THỰC TẾ

*Phạm Minh Châu*

*CQ53/22.09*

Ngành Kế toán nói chung và các chuyên ngành của Kế toán nói riêng là lĩnh vực được đào tạo trong tất cả các trường tài chính, kinh tế hiện nay. Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế – xã hội, biểu hiện bằng sự gia tăng cả về số lượng và quy mô các doanh nghiệp, gia tăng về số lượng và tính chất của các hoạt động kinh tế đòi hỏi việc thu thập, xử lý, phân tích các thông tin kinh tế ngày một nhiều đã tạo ra cơ hội việc làm vô cùng lớn cho sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Tuy nhiên, việc ứng dụng mối quan hệ giữa các môn học của chuyên ngành kế toán – kiểm toán vào thực tế không hề là vấn đề dễ dàng đối với cả sinh viên đang học và sinh viên đã ra trường. Bài viết xin nêu ra một số thuận lợi, khó khăn và hướng giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng mối quan hệ giữa các môn học của chuyên ngành kế toán, kiểm toán vào thực tế.

### **Cơ hội nghề nghiệp**

Kế toán, kiểm toán đang là một trong số những ngành nghề “hot” nhất hiện nay cả về thị trường lao động và thu nhập. Cơ hội nghề nghiệp của sinh viên Kế - Kiểm ra trường là vô cùng lớn, đặc biệt là sinh viên Kế – Kiểm tốt nghiệp từ các trường đào tạo chuyên ngành uy tín, chất lượng như Học viện Tài chính, Đại học Thương mại, Đại học Ngoại thương...

### ***Thứ nhất, về thị trường lao động***

Theo số liệu điều tra từ Tổng cục Thống kê, tính đến thời điểm 31/12/2016, cả nước có 477.808 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong khi đó, thị trường dịch vụ kiểm toán độc lập mới chỉ có khoảng 150 doanh nghiệp với gần 11.000 lao động đang làm việc. Như vậy, nếu tính bình quân thì mỗi doanh nghiệp kiểm toán có khoảng hơn 3000 khách hàng tiềm năng. Qua đó có thể thấy tiềm năng nghề nghiệp trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán là vô cùng lớn.

Chưa kể đến việc số lượng các doanh nghiệp thành lập mới tăng nhanh trong những năm gần đây (110.000 doanh nghiệp thành lập mới năm 2016, 14.451 doanh nghiệp thành lập mới chỉ tính riêng 2 tháng đầu năm 2017, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2016) đã và đang mở ra một thị trường rộng lớn, “mảnh đất hành nghề màu mỡ” của lao động kế toán, kiểm toán trong tương lai.

### ***Thứ hai, về thu nhập***

Thống kê của Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), doanh thu của toàn ngành kiểm toán độc lập năm 2015 là 5.130 tỷ đồng (tăng 87% so với mức 2.743 tỷ đồng năm 2010), lợi nhuận sau thuế đạt hơn 120 tỷ đồng.

Theo báo cáo lương 2016 của Jobstreet, sinh viên mới ra trường có lương trung bình trong khoảng từ 2,8 triệu – 8,4 triệu đồng. Trong đó, vị trí Kế toán, Kiểm toán, Dịch vụ thuế cho ngành Luật – Dịch vụ luật có mức lương trung bình cao nhất với mức lương trung bình là 8,4 triệu đồng/tháng. Cũng theo báo cáo này, ngành Kinh doanh Dịch vụ Tài chính và Ngân hàng liên tục đều nằm trong top 10 ngành trả lương cao nhất cho sinh viên mới tốt nghiệp và nhân viên 1-3 năm kinh nghiệm. Rõ ràng, thu nhập tốt cũng là một trong điểm hấp dẫn việc lựa chọn của sinh viên đối với lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán.

### ***Thứ ba, đa dạng trong lựa chọn nghề nghiệp***

Sau khi ra trường, sinh viên chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán có thể đảm nhiệm rất nhiều các vị trí như kế toán viên, kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán, giám đốc tài chính, kiểm soát viên, kiểm toán nội bộ, kiểm toán Nhà nước, thanh tra kinh tế, nhân viên thuế, chuyên viên tư vấn tài chính, nhân viên ngân hàng, giảng viên, nhân viên phòng giao dịch, nhân viên ngân quỹ, nhân viên quản lý tài chính các dự án,... Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngân hàng, bảo hiểm, các cơ quan hành chính sự nghiệp, trường học, bệnh viện... Như vậy, sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán ra trường không chỉ có thể làm việc trong ngành Kế – Kiểm, mà còn có khả năng đảm nhiệm rất nhiều nghề nghiệp khác cũng như có thể thích nghi với nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau. Đó là một trong những lợi thế

rất lớn trong việc lựa chọn nghề nghiệp và hoạch định con đường sự nghiệp của sinh viên Kế toán, Kiểm toán.

Tuy nhiên, giữa việc học tập với việc ứng dụng mối quan hệ giữa các môn học chuyên ngành vào thực tiễn có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Sinh viên cần phải biết nắm bắt, phát huy được những thuận lợi và khắc phục các khó khăn này để tự chuẩn bị cho mình hành trang và tâm thế vững vàng nhất trước khi rời giảng đường Đại học và thực sự bước vào một giai đoạn mới nhiều khó khăn áp lực hơn: trường đời.

### **Thuận lợi**

*Thứ nhất*, chất lượng đào tạo ngành Kế toán, Kiểm toán ngày một nâng cao. Năm 2015, ngành Kế toán là một trong 5 ngành đào tạo bậc đại học đầu tiên ở Việt Nam được Hội đồng Kiểm định các Trường và Chương trình Đào tạo về Kinh doanh (ACBSP) của Hoa Kỳ công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Điều này tạo cơ sở thuận lợi cho sinh viên chuyên ngành Kế – Kiểm tiếp nhận và tích lũy nguồn kiến thức chất lượng, cập nhật, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực ngày một cao của thị trường lao động.

*Thứ hai*, cơ hội tiếp xúc, tiếp cận doanh nghiệp và trải nghiệm thực tế của sinh viên ngày càng thuận lợi và dễ dàng. Nền kinh tế tri thức ngày càng phát triển, nguồn nhân lực chất lượng cao đã và sẽ chiếm ưu thế trong thị trường lao động. Sự cạnh tranh về nhân lực giữa các doanh nghiệp ngày càng tăng buộc các doanh nghiệp phải đẩy mạnh chiến lược tìm kiếm và thu hút nhân lực. Trong đó, thị trường lao động tiềm năng chính là các sinh viên còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Việc doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tổ chức các sự kiện, các cuộc thi, các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn,... một mặt, nhằm phát hiện và bồi dưỡng nhân lực ngay từ sớm cho chính bản thân doanh nghiệp đó, mặt khác đã tạo ra cơ hội vô cùng lớn để các bạn sinh viên, nhất là sinh viên Kế – Kiểm có cơ hội ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế, được trải nghiệm môi trường doanh nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

*Thứ ba*, giai đoạn sinh viên là độ tuổi thích hợp nhất cho việc tích lũy cả kiến thức và vốn sống. Ở vào độ tuổi này, sinh viên tiếp nhận và xử lý vấn đề rất

nhanh nhạy, dễ thích nghi và lĩnh hội cái mới, sáng tạo, năng động với những sự thay đổi. Sinh viên cũng có thời gian tự do khá lớn, thuận lợi cho việc chủ động tiếp cận thực tế và môi trường bên ngoài trường Đại học. Hơn 80% những người đã đi làm khi được hỏi đều trả lời rằng sau khi đã đi làm thì việc học hỏi, tiếp thu kiến thức đều kém hẳn so với thời sinh viên. Nguyên nhân là do hạn chế về mặt thời gian, sự nhanh nhạy của não bộ đã suy giảm,... Như vậy, khoảng thời gian trên giảng đường Đại học chính là khoảng thời gian lý tưởng cho việc trau dồi kiến thức kết hợp với các trải nghiệm thực tế mà sinh viên cần biết nắm bắt và tận dụng.

### **Thực trạng, khó khăn**

*Thứ nhất*, các môn học chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán có mối liên hệ logic chặt chẽ và đòi hỏi khả năng tư duy khá cao. Muốn học tốt các môn học chuyên ngành Kế – Kiểm đòi hỏi sự chú tâm ngay từ đầu, óc tư duy, khả năng tổng hợp kiến thức tốt; mặt khác muốn vận dụng mối liên hệ giữa các môn học chuyên ngành vào thực tiễn, còn đòi hỏi phải hiểu kiến thức thật sâu và có khả năng xâu chuỗi, xử lý linh hoạt thông tin, tình huống mới có thể vận dụng tốt được. Trong khi đó, sinh viên hiện nay vẫn còn rất thụ động trong việc học tập, chứ chưa nói đến việc áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

*Thứ hai*, việc giảng dạy các môn học chuyên ngành hiện nay vẫn còn mang nặng lý thuyết, dẫn đến việc nhiều sinh viên ra trường bị sốc vì những tình huống xảy ra trong thực tiễn khác với những gì được học.

*Thứ ba*, phần lớn sinh viên Việt Nam nói chung, sinh viên các chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán nói riêng hiện nay vẫn còn mang nặng tư tưởng học khuôn mẫu, học theo lối mòn, phụ thuộc sách vở; thiếu linh hoạt, chủ động trong học tập và việc vận dụng kiến thức đã được học vào thực tế. Có thể khái quát thành một thứ bệnh chung của phần lớn sinh viên hiện nay, đó là thứ bệnh “ngại”: ngại bày tỏ quan điểm, ý kiến, ngại nghi ngờ, ngại nêu vấn đề, ngại đặt câu hỏi, ngại khó khăn, ngại thâm nhập thực tế.

### **Giải pháp**

Dưới góc nhìn từ một sinh viên, tác giả xin đề xuất một số hướng giải quyết liên quan trực tiếp đến việc thay đổi nhận thức và quá trình học tập của sinh viên:

*Thứ nhất, về phía Nhà nước, các cơ quan chức năng:* Hoàn thiện hệ thống văn bản Pháp luật: Thông tư, Luật, Chuẩn mực phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và các chính sách phát triển của đất nước, cập nhật kịp thời theo các chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho thể hệ trẻ hiểu đúng, hiểu đủ; từ hiểu đúng, hiểu đủ mới tạo được tiền đề, cơ sở để áp dụng lý thuyết vào thực tế hiệu quả và hợp pháp.

*Thứ hai, về phía doanh nghiệp:* Doanh nghiệp cần có nhiều hơn các chương trình, dự án hỗ trợ cho việc thâm nhập thực tế của sinh viên. Các doanh nghiệp cần kết hợp với nhà trường tạo ra các sân chơi, các cuộc thi, các chương trình học bổng, liên kết đào tạo, tham quan doanh nghiệp; đóng vai trò cầu nối trong việc đưa các lý thuyết được giảng dạy trong nhà trường đi vào thực tiễn. Với các sinh viên đang trong quá trình kiến tập, thực tập, doanh nghiệp cũng cần tạo nhiều cơ hội cho sinh viên tiếp cận với môi trường thực tế tại doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi để sinh viên có thể bộc lộ hết khả năng và tự tin áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

*Thứ ba, về phía nhà trường:* Cũng như doanh nghiệp, nhà trường cũng là nhân tố quan trọng đóng vai trò cầu nối. Một mặt, nhà trường phối kết hợp chương trình giảng dạy với các dự án đào tạo nhân lực của doanh nghiệp, tổ chức các chương trình thực tế tham quan doanh nghiệp cho sinh viên. Một mặt, do các môn học của chuyên ngành Kế – Kiểm có mối liên hệ chặt chẽ với nhau nên nhà trường cần có lộ trình đào tạo hợp lý, logic để đảm bảo trang bị cho sinh viên kiến thức quy củ, đầy đủ, có các chính sách khen thưởng, động viên kịp thời tạo động lực thúc đẩy sinh viên có ý thức chuyên tâm vào việc trau dồi kiến thức ngay từ đầu; đồng thời thay đổi phương pháp giảng dạy của giảng viên, tăng tính tương tác của sinh viên trong giờ học, thúc đẩy sinh viên chủ động tìm tòi, học hỏi từ bên ngoài.

*Thứ tư, về phía sinh viên:*

Các bạn sinh viên cần phải sớm thay đổi lối tư duy, lối học khuôn mẫu, cách học mang nặng lý thuyết; quá phụ thuộc vào sách vở hay bài giảng của thầy cô. Mặt khác, cần thay đổi cách thức tiếp cận vấn đề, nhìn nhận từ nhiều góc độ, tiếp nhận kiến thức không chỉ một chiều mà phải biết thường xuyên đặt câu hỏi. Trong quá trình học cần không ngừng tìm tòi thêm các tài liệu tham khảo từ bên ngoài cũng như cập nhật các nguồn kiến thức mới, các quy định, chuẩn mực mới của Nhà nước và của thế giới.

Bên cạnh tích lũy kiến thức, cần tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, trau dồi các kỹ năng mềm: ngoại ngữ, tin học, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm...; đọc nhiều sách. Chủ động thâm nhập thực tế, chủ động tìm kiếm các cơ hội cho mình từ việc năng động tham gia các sự kiện, cuộc thi, chương trình học bổng... để có sự nhìn nhận thực tế từ sớm và có sự chuẩn bị tốt nhất cho tương lai sau này.

*Tài liệu tham khảo:*

1. Th.s Đào Thị Hằng, *ĐH Tài chính – Quản trị Kinh doanh, Phát triển lĩnh vực Kiểm toán Độc lập tại Việt Nam, Bài đăng trên Tạp chí Tài chính kỳ 1, số tháng 7/2016.*
2. *Số liệu từ Tổng cục Thống kê.*

---

---

## BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

*Lê Thị Quỳnh Trang*

*CQ53/21.10*

Như chúng ta đã biết, đối với sinh viên khối kinh tế nói chung và sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán nói riêng thì môn học nguyên lý kế toán được coi như là nền tảng, là cơ sở căn bản (gốc rễ) trước khi đi sâu vào học chuyên ngành kế toán, kiểm toán và mang tính chất bắt buộc trong chương trình đào tạo.

Trước hết nói về môn học Nguyên lý kế toán, Ngay từ tên gọi "Nguyên lý kế toán" chúng ta đã hiểu rằng Nguyên lý (là khởi nguồn hay khởi đầu) và Nguyên lý kế toán là môn học khởi nguồn cho một chuyên ngành học hay môn học kế toán mang tính khoa học (Bởi vì nó khác với phương thức kế toán cổ điển là tự ghi chép và tự hiểu của mỗi người không theo một trình tự nhất định nào cả).

Khái niệm về kế toán có nhiều cách thức theo trình độ phát triển của mỗi quốc gia và mức độ hội nhập quốc tế. Cho nên khái niệm đó cũng mang tính tương đối. Tuy nhiên về bản chất của kế toán thì đều giống nhau, bởi nó là một trong những công cụ quản lý kinh tế - tài chính đặc lực nhất. Thông qua số liệu kế toán, báo cáo tài chính để phản ánh và giám đốc về tài sản và tình hình biến động của tài sản trong quá trình hoạt động của các tổ chức, đơn vị.

Theo Điều 4 của Luật Kế toán Việt Nam thì khái niệm Kế toán như sau: “Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.”

Đồng thời chúng ta cũng biết rằng kế toán là một môn khoa học độc lập trong hệ thống các môn khoa học kinh tế, do đó kế toán cần có một hệ thống các nguyên tắc vận dụng những nguyên lý, lý luận phản ánh hiện thực khách quan nhằm chỉ huy hoạt động nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn của con người”.



Đối tượng của kế toán là tài sản và các hoạt động kinh tế, tài chính (tức là sự vận động của tài sản). Kế toán cần phản ánh được các đối tượng đó bằng hệ thống các nguyên tắc nhất định. Đó chính là các cách thức được sử dụng để thu thập thông tin (phương pháp chứng từ kế toán), xử lý, kiểm tra, phân tích thông tin (phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá) và cung cấp thông tin (phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán).

Bởi vậy, trang bị kiến thức căn bản ngay từ môn này là sự bắt buộc, là tất yếu để mỗi chúng ta bước vào học những môn tiếp theo của chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Để học tốt môn này và làm cơ sở nền tảng tiền đề cho môn học kế toán kiểm toán thì người học cần thực hiện tốt những nội dung sau:

*Thứ nhất*, phải nắm chắc các khái niệm, chức năng, đối tượng, nguyên tắc, phương pháp kế toán: Kế toán, hạch toán; phân biệt hạch toán kế toán với các loại hạch toán khác, phân biệt kế toán tài chính với kế toán quản trị, kế toán thống kê và kế toán khác. Hiểu về chức năng nhiệm vụ của kế toán, đối tượng kế toán nghiên cứu là gì? mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn, nội dung các nguyên tắc kế toán chung.

*Thứ hai*, phải hiểu được ý nghĩa của chứng từ kế toán, vì đây là một phương pháp kế toán cơ bản, nội dung các yếu tố cơ bản trong một chứng từ kế toán, trình tự xử lý luân chuyển chứng từ kế toán, những quy định của pháp luật liên quan đến chứng từ kế toán.

*Thứ ba*, phải nắm được nội dung của phương pháp tính giá, các yêu cầu của quá trình tính giá, các nguyên tắc tính giá và trình tự tính giá từ đó biết vận dụng nguyên tắc và trình tự tính giá cho đối tượng cụ thể và kết hợp tính giá cho nhiều đối tượng.

*Thứ tư*, phải nắm được nội dung, kết cấu chung của các loại tài khoản kế toán, các cách phân loại tài khoản kế toán, các quan hệ đối ứng tài khoản. Nắm bắt được quy trình kiểm tra việc ghi chép phản ánh nghiệp vụ trên tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết (Tổng số liệu trên tài khoản chi tiết phải bằng số liệu trên tài khoản tổng hợp).

*Thứ năm*, phải nắm được nội dung, kết cấu của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, cơ sở số liệu và phương pháp lập các báo cáo đó. Biết vận dụng cơ sở dữ liệu để lập một báo cáo cụ thể (dưới dạng đơn giản)

*Thứ sáu*, phải nắm được nội dung, các nghiệp vụ chính trong mỗi quá trình như: mua hàng, sản xuất hàng hoá, bán hàng. Vận dụng sơ đồ kế toán thực hành các nghiệp vụ kinh tế cụ thể.

*Thứ bảy*, phải nắm được nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp (Tức là việc tổ chức sắp xếp, phân công nhiệm vụ, công việc từ Kế toán trưởng cho đến các bộ phận kế toán, đến các kế toán viên), các mô hình tổ chức bộ máy kế toán, các hình thức sổ kế toán (Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký số cái).

Trên đây là những nội dung cần phải hiểu được để làm tiền đề cho việc học, tiếp cận với các môn học kế toán, kiểm toán cũng như một số môn học kinh tế khác.

Chúng ta biết rằng Nguyên lý kế toán là môn học bắt buộc trong chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho khối ngành kinh tế. Các phương pháp kế toán là một nội dung quan trọng trong chương trình môn học Nguyên lý kế toán. Xác định đúng các phương pháp kế toán là cơ sở, tiền đề giúp sinh viên khối ngành kinh tế có thể tiếp cận, hiểu và vận dụng cũng như thực hiện được công tác kế toán.

Vậy phương pháp chứng từ kế toán cần được hiểu là phương pháp phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành theo thời gian và địa điểm phát sinh vào chứng từ kế toán và tổ chức quản lý, luân chuyển chứng từ phục vụ công tác quản lý và ghi sổ kế toán.

Phương pháp tài khoản kế toán là phương pháp kế toán phân loại để phản ánh và kiểm tra một cách thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình và sự vận động của từng đối tượng kế toán.

Phương pháp tính giá là phương pháp sử dụng thước đo giá trị tổng hợp và phân phối chi phí để xác định giá trị tài sản trong các đơn vị kế toán theo những nguyên tắc nhất định.

Phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán là phương pháp tổng hợp thông tin theo các mối quan hệ cân đối vốn có của kế hoạch và cung cấp các thông tin theo các chủ tiêu kinh tế-tài chính về tài sản và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị nhằm phục vụ công tác quản lý.

Các cách thức thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin của kế toán vừa thể hiện tính khách quan của khoa học kế toán lại vừa thể hiện tính chủ quan của người sử dụng. Đồng thời những phương pháp này có mối quan hệ mật thiết chặt chẽ với nhau, thể hiện sự liên hệ sâu chuỗi trong chu kỳ kế toán và phù hợp với cơ sở biện chứng của quá trình nhận thức từ đơn giản đến phức tạp, từ chi tiết đến tổng hợp.

*Đối với Kế toán:* Sau khi tiếp cận và nghiên cứu về môn học Nguyên lý kế toán là những kiến thức cội nguồn gốc rễ của kế toán chuyên ngành thì kế toán chuyên ngành đã đưa ra những vấn đề cụ thể hơn trên nền tảng của Nguyên lý kế toán để phục vụ công tác hạch toán và quản lý kinh tế tài chính cụ thể sát thực. Những vấn đề cụ thể cũng tập trung chủ yếu vào bốn phương pháp kế toán.

Phương pháp chứng từ kế toán là phương pháp phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực sự hoàn thành theo thời gian và địa điểm phát sinh vào chứng từ kế toán và tổ chức quản lý, luân chuyển chứng từ phục vụ công tác quản lý và ghi sổ kế toán. Các loại chứng từ như là phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hoá đơn mua bán hàng hoá, bảng tính lương v.v... Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu chi, hoạt động tài chính đều được phản ánh thể hiện, chứng minh trên chứng từ kế toán.

Phương pháp tài khoản kế toán là phương pháp kế toán phân loại để phản ánh và kiểm tra một cách thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình và sự vận động của từng đối tượng kế toán. Các tài khoản kế toán được gắn với các số hiệu và phân thành từng loại, từng cấp; có các tài khoản loại 1 đến loại 9, tài khoản cấp 1, cấp 2, cấp 3... Thực hiện ghi chép theo phương pháp ghi kép, mỗi nghiệp vụ kinh tế đều được phản ánh ít nhất trên 2 tài khoản vào bên Nợ và bên Có.

Phương pháp tính giá là phương pháp sử dụng thước đo giá trị tổng hợp và phân phối chi phí để xác định giá trị tài sản trong các đơn vị kế toán theo những nguyên tắc

nhất định. Những nguyên tắc này tùy vào tình hình thực tế của các đơn vị để áp dụng thống nhất trong suốt quá trình hoặc niên độ kế toán tài chính.

Phương pháp tổng hợp- cân đối kế toán là phương pháp tổng hợp thông tin theo các mối quan hệ cân đối vốn có của kế hoạch và cung cấp các thông tin theo các chủ tiêu kinh tế-tài chính về tài sản và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị nhằm phục vụ công tác quản lý và đánh giá hiệu quả công tác quản lý tài sản, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

*Đối với Kiểm toán:* Không có sự tách biệt độc lập hoàn toàn giữa hai chuyên ngành kế toán và kiểm toán - kiểm toán, hai chuyên ngành này có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau, đều xuất phát từ chuyên ngành Kế toán.

Điểm giống của hai chuyên ngành là sinh viên được đào tạo để phục vụ cho công tác kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước.

Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản và sự vận động của tài sản (hay là toàn bộ thông tin về tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính) trong doanh nghiệp nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định về kinh tế - xã hội và đánh giá hiệu quả của các hoạt động trong doanh nghiệp. Còn Kiểm toán là một hoạt động kiểm tra đặc biệt nhằm xác minh tính trung thực và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán, báo cáo tài chính của các tổ chức, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, bảo đảm việc tuân thủ các chuẩn mực và các quy định hiện hành.

Điểm khác nhau là chuyên ngành kế toán đi sâu vào chuyên môn kế toán tài chính, kế toán quản trị, chuẩn mực kế toán quốc tế ...nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức để có thể thực hiện công tác kế toán tốt ở các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Trong khi chuyên ngành kiểm toán đi sâu đào tạo các kiến thức thuộc phạm vi kiểm toán giúp sinh viên có thể nhanh chóng tiếp cận môi trường làm việc tại các công ty kiểm toán độc lập (doanh nghiệp kiểm toán), cơ quan kiểm toán nhà nước, vị trí kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia.

Để có thể làm tốt trong lĩnh vực kiểm toán, sinh viên phải học tốt các kiến thức về kế toán và cần có thêm thời gian làm việc thực tế. Mặt khác cần học và nghiên cứu thêm, nắm chắc về các chính sách, chế độ quy định pháp luật của Nhà nước liên quan phục vụ cho công việc kiểm toán để thực hiện như kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ.v.v...Nắm chắc các chính sách pháp luật liên quan như Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, các sắc Luật về Thuế như Thuế Thu nhập, Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu cũng như các Nghị định của Chính phủ, Thông tư, quyết định của các Bộ ngành liên quan.....Nội dung kiểm toán thực hiện theo các yêu cầu cụ thể như:

- Kiểm toán tài chính là việc kiểm toán để đánh giá, xác nhận tính đúng đắn, trung thực của các thông tin tài chính và báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán;
- Kiểm toán tuân thủ là việc kiểm toán để đánh giá và xác nhận việc tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện;
- Kiểm toán hoạt động là việc kiểm toán để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công.

Mối quan hệ giữa kế toán và kiểm toán là cả hai đều thuộc lĩnh vực về kế toán kiểm toán; đều làm việc trên những con số và dữ liệu từ nhiều đối tượng cung cấp để cung cấp thông tin cho người sử dụng báo cáo. Có kế toán thì mới có kiểm toán, kiểm toán cũng là từ cái gốc kế toán mà ra. Kiểm toán viên làm việc trên các số liệu do kế toán cung cấp và mục tiêu cuối cùng là đưa ra ý kiến đánh giá các thông tin mà kế toán đã lập ra. Kết quả kiểm toán được phản ánh song song với số liệu kế toán và đưa ra ý kiến xác nhận về mức độ phù hợp của các số liệu kế toán với các chuẩn mực đã được thiết lập.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên học ngành kế toán (chuyên ngành kế toán, kế toán - kiểm toán) có thể công tác ở vị trí kế toán viên, trợ lý kiểm toán tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cơ quan nhà nước. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể làm việc tại các công ty chứng khoán, sở tài chính, ngân hàng vì trong quá trình học đã được đào tạo các kiến thức liên quan đến những lĩnh vực này.

## PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG KẾT HỢP ĐỂ HỌC TỐT MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

*Dương Thị Thu Hà*

*CQ53/21.20*

Như chúng ta đã biết, đối với sinh viên khối kinh tế nói chung và sinh viên chuyên ngành kế toán – kiểm toán nói riêng thì môn Nguyên lý kế toán được ví như là nền tảng khi đi sâu vào học chuyên ngành và mang tính chất bắt buộc trong chương trình đào tạo. Do đó, nếu bạn nào bị mất kiến thức căn bản ngay từ môn này thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi học những môn tiếp theo của chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán. Để học tốt môn này người học cần thực hiện tốt những nội dung sau:

*Thứ nhất*, sinh viên phải nắm chắc các khái niệm, chức năng, đối tượng, nguyên tắc kế toán: Kế toán, hạch toán, phân biệt hạch toán kế toán với các loại hạch toán khác, hiểu về chức năng nhiệm vụ của kế toán, đối tượng kế toán nghiên cứu là gì? Mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn, nội dung các nguyên tắc kế toán chung.

*Thứ hai*, sinh viên phải hiểu được ý nghĩa của chứng từ kế toán, nội dung các yếu tố cơ bản trong một chứng từ kế toán, trình tự xử lý luân chuyển chứng từ kế toán, những quy định của pháp luật liên quan đến chứng từ kế toán.

*Thứ ba*, sinh viên phải nắm được nội dung của phương pháp tính giá, các yêu cầu của quá trình tính giá, các nguyên tắc tính giá và trình tự tính giá từ đó biết vận dụng nguyên tắc và trình tự tính giá cho đối tượng cụ thể và kết hợp tính giá cho nhiều đối tượng.

*Thứ tư*, sinh viên phải nắm được nội dung, kết cấu chung của các loại tài khoản kế toán, các cách phân loại tài khoản kế toán, các quan hệ đối ứng tài khoản. Nắm bắt được quy trình kiểm tra việc ghi chép phản ánh nghiệp vụ trên tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết.

*Thứ năm*, sinh viên phải nắm được nội dung, kết cấu của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, cơ sở số liệu và phương pháp lập các báo cáo đó. Biết vận dụng cơ sở dữ liệu để lập một báo cáo cụ thể (dưới dạng đơn giản)

*Thứ sáu*, sinh viên phải nắm được nội dung, các nghiệp vụ chính trong mỗi quá trình: mua hàng, sản xuất, bán hàng. Vận dụng sơ đồ kế toán thực hành các nghiệp vụ kinh tế cụ thể.

*Thứ bảy*, sinh viên phải nắm được nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong các doanh nghiệp, các mô hình tổ chức bộ máy kế toán, các hình thức sổ kế toán.

Để có thể lĩnh hội được các kiến thức cơ bản của môn học thì sinh viên cần:

- Nắm chắc đối tượng kế toán, vận dụng các nguyên tắc kế toán vào tình huống cụ thể, biết phân tích nghiệp vụ kinh tế, trên cơ sở đó thực hiện tính toán và định khoản chính xác.
- Thuộc hết hệ thống tài khoản kế toán bằng cách làm thật nhiều bài tập. Chỉ có như vậy mới giúp các bạn nhớ lâu và vận dụng nhanh vào bài tập. Nếu không thuộc hệ thống tài khoản này thì việc làm bài tập sẽ tốn nhiều thời gian.
- Nhớ cách định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng cách sinh viên phải chịu khó làm bài tập nguyên lý kế toán mà các thầy cô cho trên lớp cũng như tìm thêm những tài liệu bên ngoài. Ngoài ra, các bạn có thể tự nghĩ ra các nghiệp vụ và định khoản chúng.
- Liên kết được kiến thức giữa các chương bài, sử dụng kiến thức đã biết để tiếp nhận kiến thức chưa biết, bằng cách đó bạn sẽ dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm hơn và cũng có được kiến thức cũ.
- Học nhóm cũng là một trong những cách hiệu quả để học tốt môn nguyên lý kế toán. Chúng ta có thể tự tập hợp một nhóm nhỏ để cùng nhau giải bài tập cũng như giúp nhau giải đáp những thắc mắc còn chưa hiểu trong bài. Nếu như gặp những vấn đề khó hơn thì có thể hỏi trực tiếp giảng viên khi có giờ giảng trên lớp của môn học đó hoặc qua email, điện thoại (vào thời gian thích hợp).

- Môn học này không đòi hỏi bạn phải sáng tạo hay thông minh mới học được chỉ cần người học có tính cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ trong việc học là có thể đạt kết quả cao trong học tập.

- Phải luôn tự cập nhật những kiến thức mới.

Trên đây là những phương pháp cần phải lĩnh hội của sinh viên để học tốt và yêu thích môn học này. Khi đó, môn Nguyên lý kế toán sẽ không còn là nỗi ám ảnh đối với sinh viên khối ngành kinh tế bởi môn học này có tỷ lệ sinh viên phải thi lại và học lại tương đối cao so với các môn học khác.

Với bất kỳ môn học nào, quá trình học được chia ra làm 4 cấp độ từ nông đến sâu như sau:

- Học để biết
- Học để hiểu
- Học để vận dụng
- Học để sáng tạo

Trong thời gian còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta hãy phấn đấu học để hiểu và vận dụng một phần vào thực tế. Khi kiến thức đã “thấm thấu nhuần nhuyễn trong huyết mạch” của các bạn, việc phát hiện ra các ý tưởng mới để sáng tạo, phát triển các kiến thức có sẵn sẽ là đỉnh cao mới dành cho các sinh viên đam mê vươn tới.



## **CHỦ ĐỀ 2**

**VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC ĐỂ  
LÀM RÕ HƠN CÁC NỘI DUNG TRONG NGUYÊN LÝ KẾ  
TOÁN, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN CĂN BẢN**

---

---

## PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

*Tô Đại Phong*

*CQ53/21.15*

Triết học được gọi là khoa học của các khoa học, trong triết học phép biện chứng duy vật nói riêng, triết học Mác-xít nói chung có vị trí hết sức quan trọng trong khoa học và cuộc sống. Những tri thức của triết học đang là công cụ tư duy sắc bén để con người nhận thức và cải tạo thế giới, đang được vận dụng hàng ngày vào các lĩnh vực hoạt động của con người. Trong bài viết này, tác giả muốn trao đổi về cách vận dụng phép biện chứng duy vật trong nghiên cứu môn học nguyên lý kế toán.

Nguyên lý kế toán ra đời gắn liền với quá trình tái sản xuất, nó là tất yếu khách quan của mọi hình thái kinh tế xã hội. Lịch sử hình thành nguyên lý kế toán vận hành theo quá trình của nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Ban đầu, kế toán được hình thành từ những quan sát, đo lường của con người đối với kết quả lao động của họ. Sản xuất xã hội phát triển kéo theo sự phát triển của kế toán. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, kế toán được phát triển thành một khoa học. Ngày nay, khoa học kế toán được hiểu là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

Phương pháp biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật và hiện tượng luôn có mối quan hệ với nhau trong trạng thái vận động biến đổi để phát triển mà nguồn gốc của nó là sự đấu tranh của các mặt đối lập. Điều này được thể hiện rõ trong từng nội dung của nguyên lý kế toán. Cụ thể:

**Thứ nhất**, vận dụng hai nguyên lý của triết học là mối liên hệ phổ biến và sự phát triển để nghiên cứu về nguyên lý kế toán chúng ta thấy rằng, các nội dung cơ bản như khái niệm, bản chất, tài khoản hay chứng từ, tính giá hoặc báo cáo kế toán... đều có mối liên hệ rất chặt chẽ, mật thiết với nhau. Do vậy, khi nghiên cứu, ta phải đặt các nội dung này trong mối liên hệ sâu chuỗi giữa chúng thể hiện qua chu kỳ kế toán được hình thành trên cơ sở biện chứng của quá trình nhận thức. Các nội dung của nguyên lý

kế toán được xâu chuỗi với nhau, xuất phát từ cách phân loại kế toán ảnh hưởng bởi nguyên tắc kế toán, đối tượng kế toán là cơ sở để xác định tài khoản, chứng từ kế toán phục vụ cho việc tính giá và ghi sổ kế toán và cung cấp thông tin qua các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán là sản phẩm cuối cùng của chu trình kế toán, là bức tranh phản ánh một cách tổng quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính sự logic của các nội dung trên là biểu hiện một nguyên lý quan trọng của triết học- nguyên lý về mối liên hệ. Nguyên lý về sự phát triển trong triết học khẳng định mọi sự vật, hiện tượng luôn vận động biến đổi, là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc ở những cấp độ cao dần. Điều này được thể hiện rõ nét trong chương về đối tượng kế toán. Trong quá trình hoạt động của đơn vị tài sản và nguồn vốn không đứng im mà nó không ngừng vận động, chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác trong quá trình tái sản xuất, kết thúc một chu kỳ nó lại được bắt đầu bởi một chu kỳ với sự gia tăng về quy mô, số lượng giúp doanh nghiệp không những tồn tại mà còn phát triển mạnh. Bởi vậy, kết hợp nguyên lý về sự phát triển và các cặp phạm trù cơ bản khi nghiên cứu về đối tượng của kế toán (phạm trù cái chung) người ta phải nghiên cứu cả trạng thái tĩnh và trạng thái động, đó là tài sản, nguồn hình thành tài sản và sự vận động của tài sản trong đơn vị. Sau đó, đối với từng tài khoản cụ thể (phạm trù cái riêng) người ta cũng nghiên cứu về tình hình hiện có (đứng im) và sự biến động vận động) của từng đối tượng kế toán cụ thể trong kỳ. Các cặp phạm trù cơ bản trong triết học đã được sử dụng để xây dựng các nội dung của kế toán.

*Thứ hai*, sự chi phối của 3 quy luật triết học đến nguyên lý kế toán. Để xây dựng kết cấu của tài khoản, người ta dựa vào quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Trong nguyên lý kế toán các mối quan hệ về kinh tế và kế toán cũng luôn có các mặt đối lập, thể hiện qua các hoạt động: Thu-chi (tiền); nhập-xuất (hàng tồn kho); vay-trả (khoản vay)... Mặc dù cá đối tượng kế toán cụ thể được phản ánh trên những tài khoản khác nhau, có nội dung kinh tế, mục đích sử dụng, yêu cầu quản lý và tên gọi khác nhau nhưng xét về mặt vận động thì bất kỳ đối tượng kế toán nào cũng vận động theo hai mặt đối lập. Do đó, tài khoản kế toán được kết cấu theo kiểu hai bên chữ T để phản ánh hai mặt vận động của cùng một đối tượng kế toán đó là bên Nợ và bên Có. Quy luật mâu thuẫn này một lần nữa được thể hiện trong kế toán là tài sản-

nguồn vốn; doanh thu- chi phí, đó là những mặt đối lập về đối tượng kế toán (phạm trù cái chung). Những mặt đối lập này tạo nên mâu thuẫn, nó vừa thống nhất, vừa chuyển hóa lẫn nhau làm cho đối tượng kế toán luôn vận động, biến đổi. Trong kế toán, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí được thông qua các mối quan hệ đối ứng cơ bản, đó là:

Tài sản tăng, tài sản khác giảm;

Nguồn vốn tăng, nguồn vốn khác giảm;

Tài sản tăng, nguồn vốn tăng;

Tài sản giảm, nguồn vốn giảm.

Biểu hiện về sự chuyển hóa giữa các đối tượng kế toán trong thực tế tại các đơn vị là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ví dụ: Mua nguyên vật liệu đã thanh toán bằng tiền mặt, đối tượng kế toán là tiền mặt chuyển sang đối tượng kế toán là nguyên vật liệu. Quy luật lượng chất được vận dụng trong công thức tính giá thành sản phẩm. Quá trình tích lũy về lượng thể hiện ở quá trình tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ bao gồm tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Khi sản phẩm chưa hoàn thành thì quá trình tích lũy về lượng không ngừng tăng lên nhưng chưa hình thành chất mới. Vì vậy, giá trị của sản phẩm đang được kế toán tập hợp trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi sản phẩm hoàn thành, chi phí đã tập hợp được tạo thành một chất mới đó là thành phẩm, người kế toán có thể chuyển đổi từ đối tượng kế toán sản phẩm dở dang sang đối tượng kế toán thành phẩm.

Qua nghiên cứu về phép biện chứng duy vật thể hiện ở một số nội dung quan trọng trong nguyên lý kế toán, một lần nữa chúng ta có thể khẳng định không chỉ nguyên lý kế toán mà bất kỳ một môn học nào đều có mối liên hệ với các khoa học khác./.

## VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

*Hoàng Thị Hạnh*

*CQ52/21.19*

### **Tổng quan về triết học trong môn học nguyên lý kế toán**

Triết học là bộ môn nghiên cứu về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan, những vấn đề có kết nối với chân lý, sự tồn tại, kiến thức, giá trị, quy luật, ý thức và ngôn ngữ.

Triết học được gọi là khoa học của các khoa học, trong triết học chủ nghĩa duy vật biện chứng nói riêng, triết học Mac-Lenin chung có vị trí hết sức quan trọng trong khoa học và cuộc sống. Những tri thức của triết học đang là công cụ tư duy sắc bén để con người nhận thức và cải tạo thế giới, đang được vận dụng hằng ngày vào các lĩnh vực hoạt động của con người. Trong bài viết sẽ trao đổi về vận dụng triết học nói chung, phép biện chứng duy vật nói riêng trong nghiên cứu môn học nguyên lý kế toán.

### **Vận dụng triết học trong nguyên lý kế toán**

Kế toán là quá trình thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kế toán tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin giúp họ đưa ra những quyết định kinh tế hiệu quả liên quan đến đơn vị kế toán.

Nguyên lý kế toán ra đời gắn liền với quá trình tái sản xuất. Nó là tất yếu khách quan của mọi hình thái kinh tế xã hội. Lịch sử hình thành nguyên lý kế toán vận hành theo quá trình của nhận thức từ trực quan đến tư duy trừu tượng, ban đầu kế toán được hình thành từ những quan sát, đo lường của con người đối với kết quả lao động của họ. Sản xuất xã hội phát triển kéo theo sự phát triển của kế toán, ở hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa kế toán được phát triển thành một khoa học.

Ngày nay, khoa học kế toán được hiểu là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

Phương pháp biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật và hiện tượng luôn có mối quan hệ với nhau trong trạng thái vận động biến đổi để phát triển mà nguồn gốc của nó là sự đấu tranh của các mặt đối lập. Điều này được thể hiện rõ trong từng nội dung của nguyên lý kế toán. Cụ thể:

**Thứ nhất**, vận dụng hai nguyên lý của triết học là mối liên hệ phổ biến và sự phát triển để nghiên cứu về nguyên lý kế toán chúng ta thấy rằng các nội dung cơ bản như khái niệm, bản chất, tài khoản hay chứng từ, tính giá hoặc báo cáo kế toán... đều có mối liên hệ rất chặt chẽ, mật thiết với nhau. Các nội dung của nguyên lý kế toán được xuyên chuỗi với nhau, xuất phát từ cách phân loại kế toán ảnh hưởng bởi nguyên tắc kế toán, đối tượng kế toán là cơ sở xác định tài khoản, chứng từ kế toán phục vụ cho việc tính giá, ghi sổ kế toán và cung cấp thông tin qua các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán là sản phẩm cuối cùng của chu trình kế toán, là bức tranh phản ánh một cách tổng quát nhất tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thứ hai**, sự chi phối của triết học trong nguyên lý kế toán thể hiện qua cách xây dựng kết cấu của tài khoản, người ta dựa vào quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Mặc dù các đối tượng kế toán cụ thể được phản ánh trên những tài khoản khác nhau, có nội dung kinh tế, mục đích sử dụng, yêu cầu quản lý và tên gọi khác nhau nhưng xét về mặt bản chất vận động thì bất kỳ đối tượng kế toán nào cũng vận động theo hai mặt đối lập. Do đó, tài khoản kế toán được kết cấu theo kiểu hai bên chữ T phản ánh hai mặt vận động của cùng một đối tượng kế toán đó là bên “Nợ” và bên “Có”.

Quy luật mâu thuẫn còn được thể hiện trong kế toán về các đối tượng kế toán khác nhau (phạm trù cái chung) như tài sản-nguồn vốn, doanh thu - chi phí. Xuất phát từ quy luật này mà các nhà khoa học về kế toán đã xây dựng nên quy ước ghi chép trên mỗi tài khoản (phạm trù cái riêng). Quy ước đó là:

Tài khoản tài sản: có số dư bên Nợ, ghi nhận tăng bên Nợ, ghi giảm bên Có.

Tài khoản nguồn vốn; có số dư bên Có, ghi nhận tăng bên Có, ghi giảm bên Nợ.

Tài khoản chi phí; có kết cấu tương tự tài sản là ghi tăng bên Nợ, ghi giảm bên Có, nhưng không có số dư.

Tài khoản doanh thu: có kết cấu tương tự nguồn vốn là ghi tăng bên Có, ghi giảm bên Nợ, nhưng không có số dư.

Những mặt đối lập này trong nguyên lý kế toán tạo nên mâu thuẫn, nó vừa thống nhất, vừa chuyển hóa lẫn nhau làm cho đối tượng kế toán luôn luôn vận động, biến đổi. Trong kế toán, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí được biểu hiện thông qua các mối quan hệ đối ứng cơ bản như:

- Tài sản tăng - Tài sản giảm
- Tài sản tăng - Nguồn vốn tăng
- Tài sản tăng - Thu nhập tăng
- Tài sản giảm - Nguồn vốn giảm
- Tài sản giảm - Chi phí tăng
- Nguồn vốn tăng - Nguồn vốn giảm
- Nguồn vốn tăng - Chi phí tăng
- Nguồn vốn giảm - Thu nhập tăng

Quá trình tích lũy về lượng trong kế toán thể hiện ở quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Khi sản phẩm chưa hạch toán thì quá trình tích lũy về lượng không ngừng gia tăng nhưng chưa hình thành chất mới. Vì vậy, giá trị của sản phẩm đang được kế toán tập hợp trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi sản phẩm hoàn thành, chi phí đã được tập hợp được tạo thành một chất mới đó là thành phẩm, kế toán có thể đổi từ đối tượng kế toán sản phẩm dở dang sang đối tượng kế toán thành phẩm.

### **Vai trò của triết học trong học tập và thực tiễn của sinh viên**

Triết học nói chung và phương pháp duy vật biện chứng nói riêng có những đặc trưng cơ bản, như tính khách quan, tính toàn diện, tính lịch sử - cụ thể, tính thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; không chỉ phản ánh trạng thái hiện tồn, mà còn dự báo xu hướng phát triển của sự vật, hiện tượng. Tư duy biện chứng duy vật có vai trò to lớn

trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người nói chung và sinh viên nói riêng. Cụ thể đối với sinh viên học tập và nghiên cứu kế toán nó có vai trò nền tảng rất quan trọng:

**Thứ nhất**, tư duy biện chứng giúp sinh viên một mặt khắc phục được lối tư duy siêu hình phiến diện, nguy hiểm, mặt khác xem xét, đánh giá vấn đề một cách toàn diện, đúng đắn bản chất trong học tập và nghiên cứu kế toán.

**Thứ hai**, tư duy biện chứng giúp sinh viên khắc phục được tư tưởng bảo thủ, trì trệ và thái độ định kiến với cái mới, những thay đổi trong kế toán.

**Thứ ba**, tư duy biện chứng giúp sinh viên tránh những sai lầm, mò mẫm, phỏng đoán, thiếu cơ sở khoa học và nguy cơ rơi vào tình trạng ảo tưởng về nguyên tắc, bản chất, mối liên hệ giữa các thông tin, đối tượng trong kế toán.

**Thứ tư**, tư duy biện chứng giúp sinh viên kế toán nhìn nhận sự việc, hiện tượng một cách khách quan và khoa học, khắc phục sai lầm chủ quan.

**Thứ năm**, phương pháp duy vật biện chứng giúp sinh viên có điều kiện học tập và nghiên cứu các môn học nguyên lý kế toán một cách toàn diện, hiệu quả hơn.

**Thứ sáu**, tư duy biện chứng duy vật còn giúp sinh viên có khả năng gắn kết lý luận với thực tiễn trong học tập và nghiên cứu về kế toán.

### **Quán triệt tư tưởng vận dụng triết học trong nguyên lý kế toán**

Xuất phát từ vai trò, tầm quan trọng của triết học nói chung và phương pháp duy vật biện chứng nói riêng, trong quá trình học tập và nghiên cứu các môn chuyên ngành kế toán sinh viên cần tuân thủ các nguyên tắc của triết học trong cả nhận thức và thực tiễn:

+ **Nguyên tắc khách quan trong nhận thức**: yêu cầu sinh viên khi nhìn nhận đánh giá một sự kiện, hiện tượng phải xuất phát từ thực tế khách quan của sự kiện, hiện tượng để rút ra kết luận về bản chất, nội dung bên trong, các mối liên hệ phổ biến,... của sự kiện đó.



+ **Nguyên tắc toàn diện trong nhận thức và thực tiễn:** yêu cầu việc nhận thức bản chất sự kiện diễn ra phải đặt trong mối quan hệ tác động qua lại giữa các yếu tố, các đối tượng, thông tin kế toán, kiểm toán.

+ **Nguyên tắc phát triển trong nhận thức và thực tiễn:** yêu cầu phải đặt sự kiện diễn ra trong trạng thái vận động biến đổi để vừa thấy được trạng thái hiện tại vừa thấy được xu hướng vận động của nó trong tương lai và các hình thức biểu hiện cụ thể cũng như chỉ rõ nguồn gốc động lực của sự biến động đó.

+ **Nguyên tắc lịch sử cụ thể trong nhận thức và thực tiễn:** yêu cầu đánh giá về quy mô, tính chất nguồn gốc xảy ra sự kiện trong từng không gian, thời gian cụ thể từ đó có thể đánh giá, phân tích và quản lý các đối tượng, thông tin kế toán, kiểm toán hiệu quả.

+ **Nguyên tắc thống nhất giữa nhận thức và thực tiễn:** nhằm quán triệt mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, lấy thực tiễn là cơ sở xây dựng nhận thức lý luận đồng thời là cơ sở kiểm tra và bổ sung cho tính đúng đắn đã được kiểm chứng qua thực tiễn sẽ quay trở lại chỉ đạo hoạt động thực tiễn để đạt hiệu quả cao.

**Tài liệu tham khảo:**

3. *Giáo trình Nguyên lý kế toán - NXB Tài chính*
4. <http://kiemtoanavico.com/?act=detail&obj=lib&cID=69&aID=95>
5. <http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Triet-hoc-tinh-than/Vai-tro-cua-tu-duy-bien-chung-duy-vat-doi-voi-sinh-vien-dai-hoc-nuoc-ta-399.html>

## VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CĂN BẢN

*Nguyễn Thị Bích Hạnh*

*CQ53/22.05*

**Triết học** là bộ môn nghiên cứu về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan, những vấn đề có kết nối với chân lý, sự tồn tại, kiến thức, giá trị, quy luật, ý thức, và ngôn ngữ. Triết học được phân biệt với những môn khoa học khác bằng cách thức mà nó giải quyết những vấn đề trên, đó là ở tính phê phán, phương pháp tiếp cận có hệ thống chung nhất và sự phụ thuộc của nó vào tính duy lý trong việc lập luận.

Khắc phục tư tưởng duy tâm của các nhà triết học cổ điển Đức, đặc biệt là của Hegel, Mác và Engels đã xây dựng nên phép biện chứng duy vật. Các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau thành một hệ thống lý luận thống nhất. Trong triết học Mác - Lênin, phép biện chứng duy vật được coi là phương pháp chung nhất của mọi hoạt động thực tiễn, giúp con người nhận thức được thế giới.

**Phép biện chứng duy vật:** Là hệ thống các nguyên lý, phạm trù, quy luật cơ bản của phép biện chứng và lý luận nhận thức duy vật biện chứng thông qua hai nguyên lý và ba quy luật cơ bản:

**Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật** là hai nguyên lý cơ bản và đóng vai trò xương sống trong phép duy vật biện chứng của triết học Mác - Lênin khi xem xét, kiến giải sự vật, hiện tượng. Hai nguyên lý cơ bản gồm:

*Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến* là nguyên tắc lý luận xem xét sự vật, hiện tượng khách quan tồn tại trong mối liên hệ, ràng buộc lẫn nhau tác động, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một sự vật, của một hiện tượng trong thế giới. Nguyên lý này biểu hiện thông qua 06 cặp phạm trù cơ bản.

*Nguyên lý về sự phát triển* là nguyên tắc lý luận mà trong đó khi xem xét sự vật, hiện tượng khách quan phải luôn đặt chúng vào quá trình luôn luôn vận động và phát triển (vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật). Nguyên lý này biểu hiện thông qua ba quy luật cơ bản.

**Ba quy luật của phép biện chứng duy vật:**

*Quy luật mâu thuẫn*: chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển

*Quy luật lượng - chất*: chỉ ra cách thức, hình thức của sự phát triển

*Quy luật phủ định*: chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển.

Ba quy luật cơ bản này còn có ý nghĩa trong nhận thức và hành động. Những kết luận về mặt phương pháp luận của nó luôn được coi là "kim chỉ nam" cho hoạt động cách mạng của những người cộng sản.

Triết học Mác - Lênin nói chung và phép biện chứng duy vật trong triết học nói riêng không chỉ đang được vận dụng hàng ngày vào các lĩnh vực hoạt động của con người (kinh tế, chính trị, xã hội...) mà còn được vận dụng sâu sắc trong các môn học của chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành kế toán và kiểm toán.

**Phép biện chứng duy vật trong nguyên lý kế toán**

Nguyên lý kế toán ra đời gắn liền với quá trình tái sản xuất, nó là tất yếu khách quan của mọi hình thái kinh tế xã hội. Lịch sử hình thành nguyên lý kế toán vận hành theo quá trình của nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Ban đầu, kế toán được hình thành từ những quan sát, đo lường của con người đối với kết quả lao động của họ. Sản xuất xã hội phát triển kéo theo sự phát triển của kế toán, ở hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa kế toán được phát triển thành một khoa học.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về kế toán xong ngày nay, khoa học kế toán được hiểu là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

Phương pháp biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật và hiện tượng luôn có mối quan hệ với nhau trong trạng thái vận động biến đổi để phát triển

mà nguồn gốc của nó là sự đấu tranh của các mặt đối lập. Điều này được thể hiện rõ trong từng nội dung của nguyên lý kế toán. Cụ thể:

**Thứ nhất**, vận dụng hai nguyên lý của triết học là mối liên hệ phổ biến và sự phát triển để nghiên cứu về nguyên lý kế toán.

### **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**

Chúng ta thấy rằng, các nội dung cơ bản của kế toán như nghiệp vụ phát sinh, niên độ kế toán, tài khoản - chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo kế toán... đều có mối liên hệ rất mật thiết, chặt chẽ với nhau. Do vậy, khi nghiên cứu, ta phải đặt các nội dung này trong mối liên hệ xâu chuỗi giữa chúng thể hiện qua chu kỳ kế toán được hình thành trên cơ sở biện chứng của quá trình nhận thức.

VD1: Ngày 1/1/N, Doanh nghiệp A bán hàng hóa cho doanh nghiệp B với trị giá hàng hóa là 200tr, số còn lại B cam kết thanh toán vào ngày 1/1/N+1, kế toán của doanh nghiệp A sẽ ghi nhận như thế nào? Khi đó, kế toán công ty A sẽ ghi nhận doanh thu khi áp dụng kế toán dồn tích và không ghi khi áp dụng kế toán tiền. Sự xuất hiện của đối tượng kế toán này sẽ là cơ sở để xác định tài khoản kế toán: tài khoản doanh thu từ hoạt động bán hàng... Việc ghi chép trên tài khoản kế toán lại phải căn cứ, tổng hợp dựa trên các bằng chứng khách quan đó là các chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và đã hoàn thành. Đối với VD1, Trong kế toán dồn tích, chứng từ để ghi nhận vào tài khoản doanh thu là các bằng chứng khách quan chứng tỏ việc bán hàng và chuyển giao quyền sở hữu (còn trong kế toán tiền thì phải là phiếu thu tiền mặt hoặc giấy báo có ngân hàng) mà ở đây chính là việc bên B cam kết thanh toán cho bên A vào một thời điểm cụ thể. Và dựa trên các tài khoản kế toán để lập nên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động, các bảng chi tiết số phát sinh, sổ chi tiết, sổ cái, sổ nhật ký chứng từ....

### **Nguyên lý về sự phát triển**

Nguyên lý về sự phát triển trong triết học khẳng định mọi sự vật, hiện tượng luôn vận động biến đổi, là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc ở những cấp độ cao dần. Trong kế toán, quá trình hoạt động của đơn vị tài sản và nguồn vốn không đứng

im mà nó không ngừng vận động, chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác trong quá trình tái sản xuất, kết thúc một chu kỳ nó lại được bắt đầu bởi một chu kỳ với sự gia tăng về quy mô, số lượng giúp doanh nghiệp không những tồn tại mà còn phát triển mạnh. Bởi vậy, kết hợp nguyên lý về sự phát triển và các cặp phạm trù cơ bản khi nghiên cứu về đối tượng của kế toán (phạm trù cái chung) người ta phải nghiên cứu cả trạng thái tĩnh và trạng thái động, đó là tài sản, nguồn hình thành tài sản và sự vận động của tài sản trong đơn vị. Sau đó, đối với từng tài khoản cụ thể (phạm trù cái riêng) người ta cũng nghiên cứu về tình hình hiện có (đứng im) và sự biến động vận động) của từng đối tượng kế toán cụ thể trong kỳ. Trong đó:

Bảng cân đối kế toán: là số hiện có, phản ánh trạng thái tĩnh

Tài khoản kế toán: số phát sinh nợ, số phát sinh có, số dư đầu kì, số dư cuối kì (nếu có): phản ánh trạng thái tĩnh và động.

*Thứ hai*, sự chi phối của 3 quy luật triết học đến nguyên lý kế toán.

- **Quy luật mâu thuẫn** này một lần nữa được thể hiện trong kế toán là tài sản - nguồn vốn; doanh thu - chi phí, đó là những mặt đối lập về đối tượng kế toán (phạm trù cái chung). Xuất phát từ quy luật này mà các nhà khoa học về kế toán đã xây dựng nên quy ước ghi chép trên mỗi tài khoản (phạm trù cái riêng). Đó là:

+ Tài khoản Tài sản: quy ước tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư bên Nợ

+ Tài khoản Nguồn vốn: quy ước tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư bên Có.

+ Tài khoản Chi phí: quy ước tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ.

+ TK Doanh thu: quy ước tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ.

Những mặt đối lập này tạo nên mâu thuẫn, nó vừa thống nhất, vừa chuyển hóa lẫn nhau làm cho đối tượng kế toán luôn vận động, biến đổi.

Trong kế toán, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí được thông qua các mối quan hệ đối ứng cơ bản, đó là:

- Tài sản tăng, tài sản khác giảm;
- Nguồn vốn tăng, nguồn vốn khác giảm;
- Tài sản tăng, nguồn vốn tăng;
- Nguồn vốn tăng, nguồn vốn khác giảm.

Các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy luôn có sự tồn tại của các mặt đối lập, như: Nắng - Mưa; Ngày - Đêm; giàu - nghèo; yêu - ghét; sống - chết;... Trong nguyên lý kế toán các mối quan hệ về kinh tế và kế toán cũng không nằm ngoài quy luật này, thể hiện qua các hoạt động: Thu - chi (tiền); nhập - xuất (hàng tồn kho); vay - trả (khoản vay)...

- **Quy luật lượng chất** được vận dụng trong công thức tính giá thành sản phẩm:

Giá thành sản xuất = Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ + Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

Quá trình tích lũy về lượng thể hiện ở quá trình tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ bao gồm tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Khi sản phẩm chưa hoàn thành thì quá trình tích lũy về lượng không ngừng tăng lên nhưng chưa hình thành chất mới. Vì vậy, giá trị của sản phẩm đang được kế toán tập hợp trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi sản phẩm hoàn thành, chi phí đã tập hợp được tạo thành một chất mới đó là thành phẩm, người kế toán có thể chuyển đổi từ đối tượng kế toán sản phẩm dở dang sang đối tượng kế toán thành phẩm.

- **Quy luật phủ định** chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển

+ Trong quá trình hoạt động của đơn vị tài sản và nguồn vốn không đứng im mà nó không ngừng vận động, chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác trong quá trình tái sản xuất, kết thúc một chu kỳ nó lại được bắt đầu bởi một chu kỳ với sự gia tăng về quy mô, số lượng giúp doanh nghiệp không những tồn tại mà còn phát triển mạnh.

+ Thông tư 200/2014 thay thế quyết định 15 hoàn thiện hơn với 5 ưu điểm lớn:

1. Phù hợp, hiện đại và mang tính khả thi;
2. Tôn trọng bản chất hơn hình thức;
3. Linh hoạt và mở
4. Phù hợp với thông lệ quốc tế
5. Đề cao trách nhiệm của người hành nghề

+ Hiện nay, chúng ta không bắt buộc phải lập phiếu chi, phiếu thu, biểu mẫu sổ kế toán theo mẫu của BTC, theo thông tư 200, điều 9, khoản 3.

### **Phép biện chứng duy vật trong kiểm toán căn bản**

Kiểm toán là quá trình các kiểm toán viên (KTV) độc lập và có năng lực tiên hành thu thập và đánh giá các bằng chứng về các thông tin được kiểm toán nhằm xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin này với các chuẩn mực đã được thiết lập.

### **Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**

Mục tiêu của kiểm toán là xác nhận tính trung thực, hợp lý, hợp pháp của các thông tin trên BCTC và đưa ra được những ý kiến tư vấn. Trong hoạt động kiểm toán, việc nghiên cứu phép biện chứng duy vật nói chung và nguyên tắc logic biện chứng nói riêng - đặc biệt là nguyên tắc “toàn diện” - là một đòi hỏi khách quan, là một nhu cầu bức thiết để đổi mới tư duy KTV, đảm bảo được vai trò của kiểm toán. Cơ sở của nguyên tắc toàn diện là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. Nguyên tắc toàn diện cho rằng: “Muốn hiểu được sự vật cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu các mặt, các mối liên hệ của sự vật đó”.

Quán triệt nguyên tắc này, khi bắt đầu một cuộc kiểm toán, KTV thường không tiếp cận ngay vào đối tượng kiểm toán - thông tin tài chính. KTV cần phải tiến hành khảo sát và thu thập thông tin cơ bản về đơn vị được kiểm toán như: thông tin về ngành, thông tin về đơn vị. Những vấn đề ảnh hưởng tới hoạt động của ngành và của đơn vị là: điều kiện kinh tế; xu hướng tài chính; các quy định của nhà nước đối với

ngành; các quy định của ngành đối với quy chế tổ chức hoạt động, đặc biệt là về tổ chức và phân cấp hạch toán của các đơn vị...; quá trình thành lập của đơn vị (lịch sử phát triển); Đặc thù sản xuất kinh doanh và phương pháp hoạt động của đơn vị được kiểm toán; Thực trạng tài chính, kết quả hoạt động trong những năm vừa qua; Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị (Bộ máy quản lý, hệ thống kế toán, quy chế quản lý); các bên liên quan và những quan hệ kinh tế tài chính. Từ đó, KTV sẽ xác định được mức độ ảnh hưởng của nó đến thông tin trên BCTC để có hướng thực hiện các bước tiếp theo.

Đối với hoạt động kiểm toán, khi xem xét và đánh giá BCTC thì KTV không nên chỉ nghiên cứu một cách riêng rẽ từng báo cáo, từng khoản mục trong hay chỉ tiêu trong báo cáo mà phải đặt chúng trong mối liên hệ biện chứng với nhau. Thí dụ như quan hệ giữa các báo cáo với nhau, giữa báo cáo kỳ này với báo cáo kỳ trước, những tương quan giữa thu - chi, nhập - xuất - tồn, giữa nguồn và vốn, giữa giá vốn và giá bán. Có thể khi kiểm tra riêng rẽ từng khoản mục BCTC thì sự sai sót là không nghiêm trọng. Và như vậy, KTV sẽ kết luận về BCTC là trung thực và hợp lý. Thế nhưng, nếu đặt chúng trong mối liên hệ với nhau thì sai sót đó là rất nghiêm trọng và chứng tỏ rằng kết luận về BCTC là sai.

KTV cần phải ý thức được rằng các sai sót là một chuỗi mắt xích và liên quan chặt chẽ với nhau, mối tương quan của sai sót này với những sai sót kia có thể dẫn tới sai sót nghiêm trọng của BCTC. Hoặc có những sai sót chỉ xảy ra ở một chỉ tiêu nhưng lại có liên quan đến nhiều chỉ tiêu khác, nên khi xem xét một chỉ tiêu phải luôn đặt nó trong mối quan hệ với các chỉ tiêu khác trong BCTC. Ví dụ khi kiểm tra chỉ tiêu doanh thu, KTV cần phải nhìn nhận ở mọi khía cạnh như: đơn giá bán, khối lượng bán... Nếu giá bán sai hoặc khối lượng bán ghi sai sẽ dẫn tới doanh thu sai., khi doanh thu sai sẽ kéo theo một loạt các chỉ tiêu khác cũng sẽ sai mà KTV cần phải chú ý như: lợi nhuận và thuế... Hay việc sai chứng từ kế toán, phương pháp tính giá không nhất quán, dẫn đến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động cũng như báo cáo tài chính... bị sai.



Giai đoạn hoàn thành kiểm toán BCTC, KTV cần phải tổng hợp, rà soát lại những bằng chứng đã thu thập, các kết luận đã đưa ra cho các mục tiêu kiểm toán để hình thành nên ý kiến nhận xét cuối cùng. Các kết luận và bằng chứng cho mọi khía cạnh của cuộc kiểm toán như: Tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, tính trung thực, hợp lý của thông tin được kiểm toán; những sự kiện phát sinh; giả thiết hoạt động liên tục của đơn vị được kiểm toán;... KTV phân tích một cách tổng quát về tất cả các vấn đề đó trong mối liên hệ với nhau để có thể đưa ra một kết luận về thông tin trên BCTC. Như vậy, nguyên tắc "toàn diện" được vận dụng xuyên suốt tiến trình của một cuộc kiểm toán..

### **Nguyên lý về sự phát triển**

Mọi sự vật hiện tượng luôn vận động và phát triển, vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn...

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam đã không ngừng được cải thiện, phù hợp với các thông lệ quốc tế.

Cùng với hệ thống văn bản pháp luật về kế toán, kiểm toán Việt Nam được ban hành trong những năm qua như Luật Kiểm toán Nhà nước năm 2005, Luật Kiểm toán độc lập năm 2011, Luật Kế toán năm 2013; Bộ Tài chính đã công bố 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế, kể cả Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Tháng 12/2012, cơ quan này tiếp tục ban hành lại 37 Chuẩn mực kiểm toán (CMKiT) Việt Nam phù hợp với CMKiT mới nhất của quốc tế, là căn cứ để các cơ quan chức năng soạn thảo nhiều tài liệu hướng dẫn áp dụng CMKiT mới trong thực tế...

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VASs) hiện nay được xây dựng trên cơ sở vận dụng có chọn lọc chuẩn mực kế toán quốc tế (IASs/IFRSs) nên về cơ bản đã phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế. Về phương pháp kế toán, kiểm toán căn bản, Việt Nam đã áp dụng gần đầy đủ chuẩn mực kế toán quốc tế, trừ nguyên tắc giá thị trường (giá thực tế, giá có thể thực hiện) và chuẩn mực về công cụ tài chính, công cụ

tài chính phái sinh là chưa được công bố chính thức, dù rằng trong thực tế đã có một số doanh nghiệp (DN) áp dụng

*Như vậy*, các kiến thức trong môn triết học Mác - Lênin được vận dụng hết sức sâu sắc và triệt để trong bộ môn nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản.

***Tài liệu tham khảo:***

1. <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiiep/hoan-thien-he-thong-chuan-muc-kiem-toan-viet-nam-trong-boi-canhh-oi-nhap-50158.html>
2. *Giáo trình kiểm toán căn bản*, NXB Tài chính, TS. Nguyễn Viết Lợi, Ths. Đậu Ngọc Châu chủ biên.
3. *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB chính trị quốc gia.

## VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CĂN BẢN

*Bùi Thị Huyền - CQ54/21.09*

*Nguyễn Thị Hương Giang - CQ52/21.02*

Triết học đóng vai trò lý luận của thế giới quan, giữ vai trò định hướng cho quá trình củng cố và phát triển của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng người trong lịch sử giúp chúng ta xây dựng được phương pháp trong biện chứng và cải tạo thế giới. Do đó triết học trở thành công cụ đắc lực trong sự nghiệp giải phóng và phát triển của xã hội loài người. Cùng với đó kiến thức triết học cũng góp một phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nhiều ngành kinh tế, trong đó có kế toán và kiểm toán.

### **Triết học trong nguyên lý kế toán**

Nguyên lý kế toán ra đời gắn liền với quá trình sản xuất, nó là tất yếu khách quan của mọi hình thái xã hội. Lịch sử hình thành nguyên lý kế toán vận hành theo quá trình của nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Ban đầu, kế toán được hình thành từ những quan sát, đo lường của con người đối với kết quả lao động của họ. Sản xuất xã hội phát triển kéo theo sự phát triển của kế toán ở những ngành kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa kế toán phát triển thành một ngành khoa học. Ngày nay, kế toán được hiểu là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

Phương pháp biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật và hiện tượng luôn có mối quan hệ với nhau trong trạng thái vận động biến đổi để phát triển mà nguồn gốc của nó là sự đấu tranh giữa các mặt đối lập, điều này được thể hiện rõ ràng trong từng nội dung của nguyên lý kế toán. Cụ thể là:

**Một là**, vận dụng hai nguyên lý của triết học là mối liên hệ phổ biến và sự phát triển để nghiên cứu về nguyên lý kế toán. Chúng ta thấy rằng các nội dung cơ bản như khái niệm, bản chất, tài khoản hay chứng từ, tính giá hoặc báo cáo kế toán...đều có mối liên hệ rất chặt chẽ, mật thiết với nhau. Do vậy, khi nghiên cứu ta phải đặt các nội

dung này trong mỗi liên hệ sâu chuỗi giữa chúng thể hiện qua chu kì kế toán được hình thành trên cơ sở biện chứng của quá trình nhận thức. Chẳng hạn khi tìm hiểu về cách phân loại kế toán theo nguyên tắc ghi nhận thông tin, kế toán được chia thành: kế toán dồn tích và kế toán trên cơ sở tiền. Nếu chúng ta chỉ dừng lại ở đây, nghĩa là ta đã cô lập mọi sự vật và hiện tượng nên ta không nhìn nhận được bản chất của hai loại kế toán này. Do đó, chúng ta cần đặt nó trong mỗi liên hệ với các nội dung khác.

Các nội dung của nguyên lý kế toán được sâu chuỗi với nhau, xuất phát từ cách phân loại kế toán ảnh hưởng bởi nguyên tắc kế toán, đối tượng kế toán là cơ sở để xác định tài khoản, chứng từ kế hoạch phục vụ cho việc tính giá và ghi sổ kế toán và cung cấp thông tin kế toán. Báo cáo kế toán là sản phẩm cuối cùng của chu trình kế toán, là bức tranh phản ánh tổng quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính sự logic của các nội dung trên là một biểu hiện một nguyên lý quan trọng của triết học-nguyên lý của sự liên hệ.

Nguyên lý về sự phát triển trong triết học khẳng định mọi sự vật, hiện tượng luôn biến đổi, là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc ở những cấp độ cao dần. Điều này được thể hiện rõ nét trong chương về đối tượng kế toán. Trong quá trình hoạt động của đối tượng đơn vị tài sản và nguồn vốn không đứng im mà nó không ngừng vận động, chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác trong quá trình tái sản xuất, kết thúc một chu kì nó lại được bắt đầu bởi một chu kì với sự gia tăng về quy mô, số lượng giúp doanh nghiệp không ngừng tồn tại mà còn phát triển mạnh. Bởi vậy kết hợp nguyên lý về sự phát triển và các cặp phạm trù cơ bản khi nghiên cứu về đối tượng của kế toán (phạm trù cái chung) người ta phải nghiên cứu các trạng thái tĩnh và trạng thái động. Đó là tài sản, nguồn gốc hình thành tài sản và sự vận động của tài sản trong đơn vị. Sau đó đối với từng tài khoản cụ thể (phạm trù cái riêng) người ta cũng nghiên cứu về tình hình hiện có (đứng im) và sự biến động (vận động) của từng đối tượng kế toán cụ thể trong kì. Các cặp phạm trù cơ bản trong triết học đã được sử dụng để xây dựng các nội dung của kế toán.

**Hai là**, sự chi phối của 3 quy luật triết học đến nguyên lý kế toán. Để xây dựng kết cấu của tài khoản, người ta dựa vào quy luật đồng nhất và đấu tranh của các mặt

đổi lập. Các hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy luôn có sự tồn tại của các mặt đối lập như: nắng-mưa, ngày-đêm, giàu-ngèo, yêu-ghét, sống-chết... trong nguyên lý kế toán các nguyên lý về kinh tế và kế toán cũng không nằm ngoài quy luật này thể hiện qua các hoạt động: thu-chi (tiền), nhập-xuất (hàng tồn kho), vay-trả (khoản vay)... Mặc dù các đối tượng kế toán cụ thể được phản ánh trên các tài khoản khác nhau, có nội dung kinh tế, mục đích sử dụng yêu cầu quản lý và tên gọi khác nhau nhưng xét về mặt vận động thì bất kì đối tượng kế toán nào cũng vận động theo 2 mặt đối lập. Do đó, tài khoản kế toán được kết cấu theo kiểu hai bên chữ T để phản ánh 2 mặt vận động của cùng một đối tượng kế toán, đó là bên nợ và bên có.

Quy luật mâu thuẫn này một lần nữa được thể hiện trong kế toán là tài sản - nguồn vốn, doanh thu - chi phí, đó là những mặt đối lập của đối tượng kế toán (phạm trù cái chung). Xuất phát từ quy luật này mà các nhà khoa học về kế toán đã xây dựng nên quy ước ghi chép trên mỗi tài khoản (phạm trù cái riêng). Đó là:

*Tài khoản tài sản: quy ước tăng ghi bên nợ, giảm ghi bên có, số dư ghi bên nợ.*

*Tài khoản nguồn vốn: quy ước tăng ghi bên có, giảm ghi bên nợ, số dư ghi bên có.*

*Tài khoản chi phí: quy ước tăng ghi bên nợ, giảm ghi bên có, không có số dư cuối kỳ.*

*Tài khoản danh thu: quy ước tăng ghi bên có, giảm ghi bên nợ, không có số dư cuối kỳ.*

Những mặt đối lập này tạo nên mâu thuẫn, nó vừa thống nhất, vừa chuyển hóa lẫn nhau làm cho đối tượng kế toán luôn vận động, biến đổi. Trong kế toán, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí được thông qua các mối quan hệ đối ứng cơ bản, đó là: Tài sản tăng, tài sản khác giảm; Nguồn vốn tăng, nguồn vốn khác giảm; Tài sản tăng, nguồn vốn tăng.

Biểu hiện về sự chuyển hóa giữa các đối tượng kế toán trong thực tế tại các đơn vị là các doanh nghiệp thực tế phát sinh. Ví dụ như mua nguyên liệu đã thanh toán bằng tiền mặt, đối tượng kế toán là tiền mặt chuyển sang đối tượng kế toán là nguyên vật liệu.

Quy luật lượng chất được thể hiện vận dụng trong công thức tính giá thành sản phẩm:

Giá thành sản xuất	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	+	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	-	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ
-----------------------	---	------------------------------------	---	--	---	-------------------------------------

Quá trình tích lũy về lượng thể hiện ở quá trình tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ bao gồm tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Khi sản phẩm chưa hoàn thành thì quá trình tích lũy về lượng không ngừng tăng lên nhưng chưa hình thành chất mới. Vì vậy, giá trị của sản phẩm đang được kế toán tập hợp trên tài sản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi sản phẩm hoàn thành, chi phí đã tập hợp hình thành một chất mới đó là thành phẩm, người kế toán có thể chuyển đổi từ đối tượng kế toán sản phẩm dở dang sang đối tượng kế toán thành phẩm.

### **Triết học trong kiểm toán căn bản**

Kiểm toán là một hoạt động không thể thiếu trong quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường nhằm nâng cao chất lượng thông tin giúp người sử dụng đưa ra quyết định thích hợp. Một nền kinh tế phát triển lành mạnh với kênh cung cấp vốn từ thị trường chứng khoán và ngân hàng đòi hỏi phải được cung cấp các dịch vụ kiểm toán có chất lượng cao.

Như vậy vận dụng các môn triết học vào kiểm toán là nhu cầu cần thiết và quan trọng đối với nền kinh tế nói riêng và xã hội nói chung. Được biểu hiện thông qua:

Vận dụng nguyên tắc toàn diện vào hoạt động kiểm toán. Với tư cách là bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, kiểm toán trở nên đặc biệt quan trọng đối với các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và nhà nước. Những thông tin do kiểm toán cung cấp là căn cứ tin cậy cho nhà nước nhìn nhận, đánh giá, xử lý đúng đắn các vấn đề nảy sinh. Kiểm toán còn giúp các doanh nghiệp, tổ chức biết được và khắc phục sai sót, vi phạm trong quản lý nhằm mục đích xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin.

Kiểm toán là một hoạt động độc lập với chức năng là xác minh, thuyết phục và đánh giá để tạo niềm tin, đáp ứng sự mong đợi của những người quan tâm vào những kết luận của kiểm toán đối với tài chính và hoạt động của đơn vị, cho dù kết quả này

có hướng tới vào mục tiêu khác nhau như: tính trung thực của thông tin, tính tuân thủ trong việc thực hiện các nghiệp vụ, tính hiệu quả và hiệu năng của hoạt động.

Mục đích của kiểm toán là xác định tính trung thực, hợp lý, hợp pháp của các thông tin trên BTBC và đưa ra những ý kiến tư vấn (biểu hiện bằng “thư quản lý”). Để đạt được mục tiêu trên phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Đòi hỏi KTV khi kiểm toán một đơn vị phải tìm hiểu, xem xét một cách toàn diện rất nhiều góc độ (KTV là một người rất giỏi về chuyên môn, am tường nhiều lĩnh vực khác, có đạo đức tốt, khách quan và độc lập).

Trong hoạt động kiểm toán, việc nghiên cứu phép biện chứng nói chung và nguyên tắc logic nói riêng - đặc biệt là nguyên tắc toàn diện - là một đòi hỏi khách quan, là một nhu cầu bức thiết để đổi mới tư duy KTV và đảm bảo vai trò của kiểm toán trong điều kiện này. Nguyên tắc “toàn diện” cho rằng: muốn hiểu được sự vật cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu các mặt, các mối liên hệ của sự vật đó. Quán triệt nguyên tắc này, khi bắt đầu một cuộc kiểm toán, KTV thường không tiếp cận ngay vào đối tượng kiểm toán-thông tin tài chính. KTV cần phải tiến hành khảo sát và thu thập thông tin cơ bản về đơn vị được kiểm toán như: điều kiện kinh tế, xu hướng tài chính, các quy định của nhà nước đối với ngành, các quy định của ngành đối với quy chế tổ chức hoạt động, đặc biệt là về tổ chức và phân cách hoạch toán các đơn vị..., quá trình thành lập đơn vị (lịch sử phát triển), đặc thù sản xuất kinh doanh và phương pháp hoạt động của đơn vị của kiểm toán, tình trạng tài chính, kết quả hoạt động trong những năm vừa qua, hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị (bộ máy quản lý, hệ thống kế toán, quy chế quản lý), các bên liên quan và những quan hệ tài chính. Từ đó KTV sẽ xác định được mức độ ảnh hưởng của nó đến thông tin của BTCT để có hướng thực hiện các hướng tiếp theo.

Nhưng nguyên tắc “toàn diện” không đồng nghĩa với cách xem xét dàn trải, liệt kê những quan điểm khác nhau của sự vật hay hiện tượng đó mà phải làm nổi bật cái cơ bản, cái quan trọng nhất của sự vật, hiện tượng đó. Quan điểm “toàn diện” chân thực đòi hỏi chúng ta đi từ tri thức về nhiều mặt, nhiều mối quan hệ của sự vật đến chỗ khái quát rút ra bản chất chi phối sự tồn tại và phát triển của sự vật hay hiện tượng đó mà

phải làm nổi bật cái cơ bản. Trong hoạt động kiểm toán cũng như vậy. Sau khi tìm hiểu một cách tổng quát toàn bộ các nhân tố liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị như trình bày ở trên, KTV nhanh chóng tìm ra được điểm mạnh, điểm yếu của đối tượng để xác định các trọng tâm và quy mô trong cuộc kiểm toán. Việc này rất phù hợp với bản chất và đặc trưng kiểm toán là xác nhận mức độ phù hợp (trung thực và hợp lý) của thông tin. Vì kiểm toán chỉ đảm bảo thông tin được kiểm toán là tin cậy để có thể dựa trên đó đưa ra quyết định đúng đắn.

Đứng trên quan điểm biện chứng thì giữa các sự vật, hiện tượng cũng như các mặt, các bộ phận nội tại của chúng có mối liên hệ, ràng buộc mật thiết hàm chứa những sự thống nhất và mâu thuẫn giữa các mặt đối lập (cái chung và cái riêng, vận động và ổn định) và sự liên kết này được cụ thể hóa thành các quan hệ cân đối cụ thể. Đối với hoạt động kiểm toán, trong một cuộc kiểm toán cụ thể KTV phải tiến hành các thủ nghiệm, thủ tục kiểm soát và bày tỏ ý kiến về các hoạt động tài chính mà thực trạng hoạt động tài chính cũng không tách rời tính phổ quát của những mối liên hệ này. Khi xem xét và đánh giá BCTC thì KTV không nên chỉ nhìn cứu một cách riêng rẽ từng báo cáo, từng khoản mục trong hay chỉ tiêu trong báo cáo mà phải đặt chúng trong các mối liên hệ biện chứng với nhau. Như vậy, KTV sẽ kết luận về BCTC là trung thực và hợp lý. Thế nhưng nếu đặt chúng trong mối quan hệ với nhau thì sai sót đó là rất nghiêm trọng và chứng tỏ rằng kết luận như trên là hoàn toàn sai.

Trong quá trình tiến hành kiểm toán, KTV luôn sử dụng nhiều phương pháp, thủ tục khác nhau để kiểm tra, xác nhận thông tin về một khoản mục hay bộ phận. Ở đây muốn nhấn mạnh việc vận dụng nguyên tắc toàn diện để lựa chọn và sử dụng phương pháp kiểm toán. Chúng ta biết rằng mỗi sự vật, hiện tượng đều có bản chất riêng và được biểu hiện dưới những hình thái cụ thể. Điều này đòi hỏi việc nghiên cứu và kết luận bản chất sự việc, hiện tượng phải thấy được tính phổ biến và đa dạng trong hình thức biểu hiện của chúng. Điều minh chứng cho nguyên lý này rất nhiều, bài viết chỉ dẫn ra trường hợp tính khấu hao, giá trị hao mòn, đã chuyển nhập vào chi phí sản xuất. Điều này là cơ sở đảm bảo tính độc lập và khách quan của hoạt động kiểm toán, đảm bảo tính chuẩn xác của các xét toán mà KTV đưa ra. Có rất nhiều các thủ tục kiểm



toán cần thực hiện liên quan đến tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát và tính trung thực hợp lý của số liệu kế toán. Sau một loạt các thủ tục kiểm tra các khía cạnh như vậy, KTV mới có đủ bằng chứng để xác nhận chi tiêu hàng tồn kho mà trên BCTC là trung thực và hợp lý.

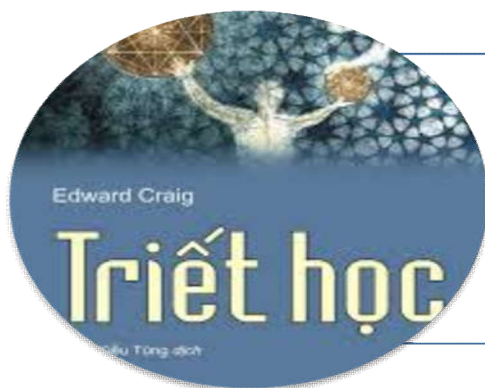
Trên đây là cách vận dụng kiến thức của môn triết học vào trong nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản. Nó có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết trong việc thực hiện tốt hơn chức năng kinh tế-tài chính, đồng thời khẳng định vai trò đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.

**TRIẾT HỌC VỚI NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN CĂN BẢN***Nguyễn Thị Ngọc Anh**CQ53/21.05*

Chúng ta đều biết rằng: “*Kế toán là quá trình thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về hoạt động kinh tế tài chính ở đơn vị cho các đối tượng sử dụng chúng*”. Các nhân viên kế toán làm việc chủ yếu với các con số, họ phải quan sát, đo lường, tính toán ra các chỉ tiêu kinh tế để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của các nhà quản lí. Đến đây chúng ta tạm coi nó là một môn khoa học với những con số.

Vậy còn triết học? Nói đến triết học, có rất nhiều bạn sinh viên đều nghĩ rằng: “*Đó là môn học khó nhằn, khó hiểu, mơ hồ và chẳng có chút ứng dụng nào vào cuộc sống*”.

Triết học đúng là môn khoa học mang tính trừu tượng nhưng nếu nói rằng triết học không có ứng dụng gì trong cuộc sống thì rất sai lầm. Triết học xuất hiện quanh ta, nó được biểu trong cuộc sống thường ngày trong cách hành xử của con người và triết học còn xuất hiện ngay cả trong những môn học khác đơn cử như môn Nguyên lý kế toán và Kiểm toán căn bản.



Sau đây là những điểm cho thấy hai môn học trên có vận dụng kiến thức của môn triết học.

**Thứ nhất**, Những kiến thức của triết học giúp chúng ta hiểu rõ, hiểu sâu về bản chất, đối tượng nghiên cứu của kế toán và kiểm toán. Phép biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật hiện tượng luôn có mối liên hệ với nhau vì thế khi xem xét nghiên cứu sự vật đó ta phải đặt chúng vào mối liên hệ với sự vật khác. Điều này được thể hiện rõ qua các nội dung của nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản.

*Ví dụ:*

Nghiên cứu về khái niệm về tài sản của doanh nghiệp ta sẽ trả lời những câu hỏi như tài sản là gì, chúng được hình thành như thế nào, các bộ phận cấu thành và đặc điểm của chúng ra sao để có một cách hiểu sâu sắc và toàn diện. “Tài sản là toàn bộ những nguồn lực của doanh nghiệp do doanh nghiệp sở hữu và kiểm soát và đem lại những lợi ích kinh tế nhất định cho doanh nghiệp trong tương lai”: Bán hàng tồn kho DN sẽ thu được tiền, Cho thuê cơ sở DN sẽ thu được lãi...

Kết quả hoạt động của hoạt động của doanh nghiệp được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (SOPL) phải được đánh giá theo dõi qua các kì kinh doanh, kết quả ấy phải được đặt trong mối quan hệ so sánh với các doanh nghiệp cạnh tranh để xem rằng kết quả ấy liệu rằng là hiệu quả để từ đó ban giám đốc có thể đưa ra những chiến lược đúng đắn cho doanh nghiệp của mình...

Dựa vào kết quả hoạt động qua các kỳ, các nhà quản trị sẽ liên kết những con số báo cáo lại, họ sẽ đánh giá sự hoạt động của doanh nghiệp: trong giai đoạn này tại sao doanh nghiệp lại bị thua lỗ, khi bị thua lỗ chiến lược kinh doanh sẽ là gì... nếu DN có lãi cao họ sẽ phân tích lợi nhuận ấy đến từ đâu, chi phí trong kỳ như thế nào để từ đó DN sẽ đạt được những kết quả tốt nhất trong kỳ hoạt động tới.

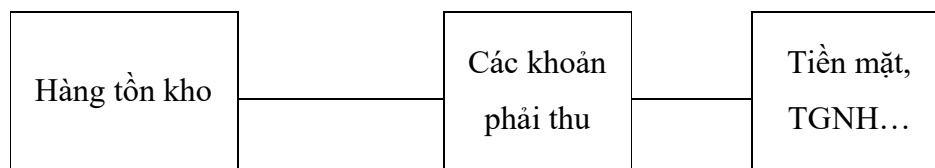
**Thứ hai**, Triết học dạy chúng ta rằng khi xem xét sự vật hiện tượng không đánh giá chúng trong trạng thái tĩnh mà phải nghiên cứu sự vật trong sự phát triển của nó.

Môn nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản cũng vậy, không một nhà lãnh đạo doanh nghiệp nào lại chỉ xem *kết quả hoạt động của doanh nghiệp* mình tại một thời điểm mà lại đưa ra kết luận ngay rằng: “Ồ, năm nay doanh nghiệp hoạt động có lãi”.

Bởi lẽ, tài sản của doanh nghiệp không chỉ đơn thuần tồn tại dưới dạng hữu hình chúng luôn luôn vận động và tồn tại dưới những hình thức khác nhau. Có khi chúng là hàng tồn kho nhưng có thể ngay hôm sau cũng có thể là những khoản phải thu của khách hàng ...

Ví dụ:

Ngày 2/4/20X6 Công ty A bán chịu hàng tồn kho là vật dụng xây dựng cho B. Ngày 12/4/20X6 B sẽ trả tiền cho công ty A, được thể hiện đơn giản qua sơ đồ sau:



**Thứ ba**, Nguyên lý về sự phát triển trong triết học khẳng định rằng mọi sự vật hiện tượng luôn vận động biến đổi. Đó là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc ở những cấp độ cao dần.

Điều này được thể hiện rõ nét qua đối tượng nghiên cứu của kế toán. Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp không đứng im mà chúng sẽ chuyển hóa từ dạng này qua dạng khác. Với sự biến đổi về lượng của mình chúng sẽ có sự biến đổi về chất.

Kết thúc một kỳ sản xuất nếu tài sản hay nguồn vốn của doanh nghiệp giảm đi đáng kể doanh nghiệp có thể phải thu hẹp quy mô, cắt giảm nhân sự... và ngược lại nếu doanh nghiệp có sự tăng đáng kể về tài sản hay nguồn vốn qua một số kỳ một cách ổn định doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô, hoạt động tái sản xuất sẽ hiệu quả hơn..

Vì thế, kết hợp nguyên lý về sự phát triển và các cặp phạm trù cơ bản khi nghiên cứu về đối tượng của kế toán (cái chung) chúng ta phải đặt chúng trong mối

liên hệ ràng buộc lẫn nhau. Sau đó, đối với từng tài khoản cụ thể (cái riêng) với các tài khoản liên quan và sự biến đổi của chúng trong kỳ.

**Thứ tư**, Sự chi phối của ba quy luật triết học đến nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản.

Để xây dựng kết cấu các tài khoản, chúng ta đã dựa vào quy luật thống nhất và sự đấu tranh của các mặt đối lập trong đó. Các hoạt động kế toán kiểm toán cũng có các mặt đối lập đó là: Bán hàng - mua hàng, Thu - chi, Vay - trả, Nhập - xuất (hàng tồn kho)... Các hoạt động đối lập kể trên giúp hoàn thiện các tài khoản, cho thấy sự vận động của tài sản. Mặc dù các đối tượng kế toán được phản ánh trên những tài khoản kế toán khác nhau có nội dung kinh tế, mục đích sử dụng có thể khác nhau nhưng bất kỳ đối tượng nào cũng vận động theo các mặt đối lập. Chính bởi lẽ đó kết cấu của các tài khoản được phản ánh trên tài khoản chữ T, đó là bên Nợ và bên Có.

Quy luật mâu thuẫn cũng được thể hiện trong kế toán. Mặc dù các đối tượng kế toán được phản ánh trên những tài khoản kế toán khác nhau có nội dung kinh tế, mục đích sử dụng có thể khác nhau nhưng bất kỳ đối tượng nào cũng vận động theo các mặt đối lập. Chính vì vậy kết cấu của các tài khoản được phản ánh trên tài khoản chữ T, đó là bên Nợ và bên Có.

Khi các mặt đối lập này được giải quyết chúng ta sẽ có số dư cuối kỳ của các tài khoản này. Để từ đây ta thấy được mối quan hệ đối ứng cơ bản đó là:

- Tài sản này tăng, tài sản khác giảm: Ví dụ như tiền giảm và hàng tồn kho tăng lên...
- Nguồn vốn này tăng, nguồn vốn khác giảm,
- Hoặc là tài sản tăng thì nguồn vốn cũng tăng...

Quy luật lượng chất được thể hiện qua phương trình kế toán, đó là

$$\text{Tài sản} = \text{Nguồn vốn (Vốn chủ sở hữu + nợ phải trả)}$$

Các cặp phạm trù của triết học được thể hiện cả trong quá trình kiểm toán. Các lỗi mắc phải là nguyên nhân dẫn đến những sai sót trên các báo cáo. Mỗi quan hệ nguyên nhân - kết quả chỉ ra rằng bất kì sự biến đổi nào đều có nguyên nhân có điều là chúng được tìm ra hay chưa mà thôi. Nguyên nhân đó có thể là những gian lận hay sai sót, là những lỗi thì phải tìm và sửa lỗi sao cho các báo cáo được đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

Như vậy phép biện chứng trong môn triết học có những vận dụng rất quan trọng trong kế toán nói chung và 2 môn nguyên lý kế toán và kiểm toán căn bản nói riêng. Triết học và các môn học kế toán có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Việc ứng dụng kiến thức của môn triết học giải thích hầu hết bản chất của các giao dịch kinh tế trong doanh nghiệp. Các môn học kế toán làm rõ kiến thức tưởng như khó hiểu của môn triết học để từ đó chúng ta có thể thấy rằng “*môn Triết học- Môn khoa học của mọi khoa học*”.

---

---

## VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CĂN BẢN

*Nhữ Thanh Nga*

*CQ53/22.05*

Triết học Mác – Lê Nin là bộ phận lý luận nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, xây dựng thế giới quan và phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lê Nin xây dựng thế giới quan và phương pháp luận làm cơ sở khoa học kinh tế - xã hội. Khoa học kế toán (bao gồm lý thuyết về kế toán - kiểm toán) thuộc lĩnh vực khoa học kinh tế - xã hội, là hệ thống tri thức lý luận hay lý thuyết về kế toán, kiểm toán. Lý thuyết trong khoa học kế toán bắt nguồn từ phép biện chứng duy vật trong triết học, phản ánh một cách khách quan và có hệ thống các quy luật vận động của các sự vật, hiện tượng, quá trình kinh tế thuộc phạm vi cung cấp thông tin kế toán của đơn vị.

Lý thuyết về kế toán - kiểm toán trong khoa học kế toán giúp xử lý, cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp một cách trung thực, khách quan, hợp lý, phản ánh đúng các mối quan hệ biện chứng giữa các đối tượng cụ thể của kế toán (tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí, kết quả) trong quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Triết học tạo cơ sở biện chứng cho Lý thuyết kế toán – kiểm toán dựa trên những phương diện sau:

**Thứ nhất**, Triết học phản ánh sự vận động của hai mặt đối lập và quan hệ biện chứng giữa “chất” và “lượng” trong khoa học kế toán.

### **I. Triết học phản ánh sự vận động của hai mặt đối lập và quan hệ biện chứng giữa “chất” và “lượng” trong nguyên lý kế toán.**

- Trong nguyên lý kế toán có hai công thức cơ bản:

$$\text{Vốn KD} = \text{Nợ phải trả} + \text{VCSH} \quad (1)$$

$$\text{Lợi nhuận} = \text{Doanh thu và thu nhập khác} - \text{Chi phí} \quad (2)$$

Đối tượng kế toán là *vốn, nguồn vốn và quá trình kinh doanh* thì tài khoản (TK) phản ánh tương ứng là TK Vốn, TK Nguồn vốn, TK Quá trình KD.

Có thể khái quát mô tả tài khoản bằng chữ T (trên thực tế chúng là các tờ sổ kế toán): Phần bên trái của TK gọi là bên Nợ (N), phần bên phải gọi là bên có (C)

N	Tên tài khoản (TK)	C

Theo triết học, mặt đối lập dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính, những khuynh hướng vận động trái ngược nhau nhưng đồng thời lại là điều kiện, là tiền đề của nhau (I)

- Từ công thức (1) và theo (I) cho thấy “Vốn KD” và “Nguồn vốn”(=Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu) là 2 *mặt đối lập* của cùng một lượng tài sản trong doanh nghiệp, vì vậy, kết cấu tài khoản “vốn KD” và “nguồn vốn” được xây dựng kết cấu ngược nhau.

Trong thực tế kinh doanh “nguồn vốn” là đại lượng rất trừu tượng, không thể nhìn bằng mắt thường để nhận biết được nguồn vốn của doanh nghiệp; ngược lại “vốn kinh doanh” được biểu hiện cụ thể thành: tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định... Vì vậy, việc thiết kế TK Vốn trước TK nguồn vốn sau phù hợp với quá trình nhận thức “đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng”.

- Từ công thức (2) cho thấy: “doanh thu và thu nhập khác”, “chi phí” là 2 *mặt đối lập* của cùng một đại lượng là “lợi nhuận”, vì vậy khi thiết kế kết cấu tài khoản được xây dựng kết cấu ngược nhau.

Theo triết học, quan hệ biện chứng giữa chất và lượng nghĩa là bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng là một thể thống nhất giữa hai mặt chất và lượng. Hai mặt đó



không tách rời nhau mà tác động lẫn nhau một cách biện chứng. Đến một “độ” nhất định, sự thay đổi về lượng tất yếu sẽ dẫn tới sự chuyển hóa về chất của sự vật, hiện tượng (II).

Theo nguyên lý kế toán, “DT và TNK” là một đại lượng có sau, để có một khoản doanh thu thì trước đó đã phải phát sinh một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Như vậy, chi phí bỏ ra trước (tiêu dùng của các yếu tố của quá trình sản xuất) đến một lượng nhất định làm thay đổi về chất là tạo ra sản phẩm để bán, lúc đó mới phát sinh doanh thu. Vì vậy phù hợp với quy luật “lượng đổi dẫn đến chất đổi” đã định nghĩa ở (II) trong triết học.

## **II. Triết học phản ánh sự vận động của hai mặt đối lập và quan hệ biện chứng giữa “chất” và “lượng” trong kiểm toán căn bản.**

Trong kiểm toán, có các cách phân loại kiểm toán như sau:

*Phân loại kiểm toán theo mục đích của kiểm toán* (hay theo đối tượng trực tiếp của kiểm toán: bao gồm kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán BCTC.

*Phân loại kiểm toán theo loại hình kiểm toán*: theo loại hình tổ chức kiểm toán, kiểm toán được chia làm ba loại là kiểm toán nội bộ được tổ chức bên trong mỗi đơn vị, kiểm toán Nhà nước và kiểm toán độc lập được tổ chức dưới dạng doanh nghiệp kiểm toán.

*Phân loại kiểm toán theo mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể kiểm toán*: theo hình thức này kiểm toán được chia thành kiểm toán bên trong (nội kiểm) và kiểm toán bên ngoài (ngoại kiểm).

*Phân loại kiểm toán theo quan hệ pháp lý đối với khách thể kiểm toán*: theo quan hệ này, kiểm toán được phân chia thành kiểm toán bắt buộc và kiểm toán tự nguyện.

*Phân loại kiểm toán theo tính chu kỳ của kiểm toán*: Theo cách phân loại này kiểm toán được chia thành kiểm toán thường kỳ, kiểm toán định kỳ, kiểm toán bất thường.

Những cách phân loại này rất phù hợp với mối quan hệ biện chứng giữa 2 mặt đối lập trong triết học (I), nghĩa là theo từng cách phân loại, thực hiện kiểm toán giữa những đối tượng khác nhau nhưng đồng thời là tiền đề tồn tại của nhau.

Quy trình kiểm toán trải qua 3 công đoạn là chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành.

- Giai đoạn chuẩn bị: phải tìm hiểu đối tượng kiểm toán và lập kế hoạch kiểm toán.
- Giai đoạn thực hiện: phải thực hiện kiểm soát và thu thập bằng chứng về những sai lệch trọng yếu
- Giai đoạn hoàn thành: lập và phát hành báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.

Quy trình này rất phù hợp với quan hệ biện chứng giữa “chất” và “lượng” trong triết học (II), nghĩa là khi giai đoạn chuẩn bị, thực hiện được tiến hành một cách chặt chẽ, sẽ dẫn đến sự hoàn thành trong quy trình kiểm toán.

**Thứ hai**, Triết học phản ánh đúng “mối quan hệ biện chứng” giữa các đối tượng trong khoa học kế toán.

Phương pháp biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật và hiện tượng luôn có mối quan hệ với nhau trong trạng thái vận động biến đổi để phát triển.

- **Trong nguyên lý kế toán**, kế toán sử dụng phương pháp tài khoản để phân loại các nghiệp vụ kinh tế theo từng đối tượng kế toán (từng TS, từng khoản NPT)... gọi là cách ghi vào tài khoản kế toán. Có 2 cách ghi vào tài khoản kế toán là ghi đơn và ghi kép (hình thức ghi TK phổ biến). Muốn ghi kép vào TK phải tiến hành định khoản kế toán.

Định khoản kế toán là việc xác định một nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào bên Nợ TK nào và phải ghi vào bên có TK nào với số tiền là bao nhiêu.

Trong quá trình hoạt động của đơn vị, các hoạt động kinh tế tài chính diễn ra thường xuyên, liên tục, đa dạng và phong phú gây nên sự biến động, thay đổi và chuyển hóa hình thái của tài sản và nguồn vốn nhưng vẫn không làm mất tính cân đối của Bảng cân đối kế toán của đơn vị được lập ở bất kỳ thời điểm lập báo cáo nào.

Trong quá trình đó, các yếu tố “vốn kinh doanh”, “nợ phải trả”, “vốn chủ sở hữu”, “doanh thu và thu nhập khác”, “chi phí” luôn có “mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau” theo (II) tạo ra giá trị tăng thêm và sự tăng trưởng của đơn vị.

**Trong lý thuyết kiểm toán căn bản**, nội dung về báo cáo kiểm toán về BCTC của KTV độc lập bao gồm các yếu tố cơ bản sau:

- Tiêu đề báo cáo kiểm toán
- Người nhận báo cáo kiểm toán
- Đoạn mở đầu hay đoạn giới thiệu:
  - Nhận dạng BCTC được kiểm toán
  - Nêu rõ trách nhiệm của ban giám đốc đơn vị và KTV
- Đoạn mô tả chuẩn mực áp dụng và công việc kiểm toán:
  - Cuộc kiểm toán được thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế hay các chuẩn mực và thông lệ kiểm toán quốc gia hoàn thành
  - Mô tả công việc mà KTV đã thực hiện trong quá trình kiểm toán.
- Ý kiến của KTV về BCTC
- Ngày ký báo cáo kiểm toán
- Địa chỉ của KTV
- Chữ ký của KTV
- Phụ lục báo cáo kiểm toán

Qua đây có thể thấy, nội dung trong báo cáo kiểm toán luôn có mối quan hệ với nhau. Một báo cáo kiểm toán chất lượng là một báo cáo tuân thủ đúng các yếu tố về mặt nội dung. Nói cách khác, nội dung trong báo cáo kiểm toán luôn có “mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau”.

**Thứ ba**, triết học phản ánh đồng thời “mối quan hệ biện chứng”, “mối quan hệ đối kháng”, “mối quan hệ giữa lượng và chất” và “mối quan hệ nhân quả” trong khoa học kế toán

**Trong nguyên lý kế toán**, thông qua quá trình xử lý thông tin bằng tài khoản kế toán một cách khoa học, kế toán luôn đảm bảo tính cân đối của bảng cân đối kế toán.

Tính cân đối của bảng cân đối kế toán được thể hiện qua công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng TS} \qquad \qquad \text{Tổng} \\ \text{(Tổng VKD)} \qquad = \text{nguồn vốn} \end{array}$$

Mọi hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp luôn xoay quanh những dạng sau:

(1) Hoạt động kinh tế tài chính diễn ra gây ảnh hưởng đến các loại tài sản (vốn KD): Hoạt động kinh tế tài chính này diễn ra làm tăng thêm một khoản tài sản này, đồng thời làm giảm bớt một khoản tài sản khác với giá trị tương ứng, lúc này kế toán sẽ ghi sổ kế toán theo định khoản:

Nợ “TK tài sản” – đối với tài sản tăng

Có “TK tài sản” – đối với tài sản giảm

Loại nghiệp vụ này thể hiện sự vận động đối lập của tài sản (vốn KD): “tăng” tài sản này, “giảm” tài sản khác. Đây cũng là dạng biểu hiện *quan hệ 2 mặt đối lập* trong doanh nghiệp, vì với cùng một lượng tài sản của doanh nghiệp, nhà quản lý quyết định tăng một loại tài sản thì phải chấp nhận giảm một loại tài sản khác.

(2) Hoạt động kinh tế tài chính diễn ra gây ảnh hưởng riêng đến các loại nguồn vốn: hoạt động kinh tế tài chính này diễn ra làm tăng thêm một nguồn vốn này, đồng thời làm giảm bớt một nguồn vốn khác với giá trị tương ứng, do đó làm tỷ trọng các nguồn vốn này thay đổi nhưng tổng nguồn vốn không thay đổi. Do đó làm **TỔNG TÀI SẢN = TỔNG NGUỒN VỐN**

Loại nghiệp vụ này thể hiện sự vận động đối lập của “nguồn vốn tăng” và “nguồn vốn giảm”. Mặt khác, quan hệ này cũng có ý nghĩa “bổ sung” cho nhau (khi thiếu nguồn vốn này có thể được bổ sung bằng nguồn vốn khác).

(3) Hoạt động kinh tế tài chính diễn ra gây ảnh hưởng làm tăng một loại tài sản cụ thể, đồng thời làm tăng một loại nguồn vốn tương ứng, do đó làm tổng tài sản và tổng nguồn vốn tăng lên cùng một giá trị. Vì vậy, **TỔNG TÀI SẢN = TỔNG NGUỒN VỐN**

(4) Hoạt động kinh tế tài chính diễn ra gây ảnh hưởng làm giảm một loại tài sản cụ thể đồng thời làm giảm một loại nguồn vốn tương ứng, do đó làm tổng tài sản và tổng nguồn vốn giảm cùng một giá trị. Vì vậy,  $TỔNG TÀI SẢN = TỔNG NGUỒN VỐN$ .

Loại nghiệp vụ (3) và (4) thể hiện mối quan hệ “*nhân quả*” mà “*nguồn vốn*” là “*nguyên nhân*”, “*tài sản (vốn)*” là “*kết quả*”. Điều này cho thấy nếu không có “*nguồn*” sẽ không có “*vốn*”

(5) Hoạt động kinh tế tài chính diễn ra làm giảm một loại tài sản, hoặc tăng nguồn vốn, đồng thời làm phát sinh chi phí:

Chi phí phát sinh: được ghi nhận khi các chi phí này làm giảm bớt các lợi ích kinh tế trong tương lai có liên qua đến việc *giảm bớt tài sản* hoặc *tăng nợ phải trả (thuộc nguồn vốn)*, kế toán ghi:

Nợ TK “chi phí”

Có TK “tài sản”

Hoặc có TK “Nợ phải trả”

- Xét trong cả một kỳ kế toán, chi phí phát sinh sẽ *tạo tài sản* (đối với chi phí quá trình mua hàng, chi phí sản xuất) hoặc làm *giảm vốn chủ sở hữu* (lợi nhuận); có nghĩa là cuối kỳ kết chuyển chi phí kế toán ghi:

Nợ TK “tài sản” (TS mới tạo ra), hoặc Nợ TK “Lợi nhuận chưa phân phối” (nếu trừ vào lợi nhuận)

Có TK “chi phí”

Sau khi kết chuyển, “chi phí” sẽ không còn số dư

(6) Hoạt động kinh tế tài chính diễn ra làm tăng một làm tăng một loại tài sản, hoặc giảm nguồn vốn, đồng thời làm phát sinh doanh thu và thu nhập khác:

- Khi phát sinh Doanh thu và thu nhập khác: được ghi nhận khi thu được lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến *sự gia tăng về tài sản* hoặc *giảm bớt nợ phải trả*, kế toán ghi:

Nợ TK “Nợ phải trả”, hoặc

Nợ TK “Tài sản” (tiền, phải thu của khách hàng)

Có TK “Doanh thu và thu nhập khác”

Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và thu nhập khác để xác định kết quả: Xét trong cả 1 kỳ kế toán, doanh thu và thu nhập khác phát sinh làm *tăng vốn chủ sở hữu* (lợi nhuận); kế toán ghi:

Nợ TK “Doanh thu và thu nhập khác”

Có TK “Lợi nhuận chưa phân phối”

Sau khi kết chuyển, TK “Doanh thu và thu nhập khác” sẽ không còn số dư.

Loại nghiệp vụ (4) và (5) thể hiện mối quan hệ “nhân quả” mà “*chi phí*” là “*nguyên nhân*”, “*doanh thu và thu nhập khác*” là “*kết quả*”. Điều này cho thấy nếu không bỏ ra các khoản “*chi phí*” sẽ không có “*doanh thu và thu nhập khác*”. Đồng thời cũng phản ánh quy luật “lượng đổi dẫn đến chất đổi”, bởi vì: khi tiêu dùng các yếu tố của quá trình sản xuất (vật liệu, tài sản cố định, sức lao động...) sau một quá trình chế biến chuyển từ nguyên vật liệu thành sản phẩm, sản phẩm được bán làm phát sinh doanh thu, thu tiền bán hàng; tiền bán hàng thu được lại tiếp tục đưa vào quá trình tái sản xuất mua các yếu tố sản xuất phục vụ cho quy trình sản xuất tiếp theo...cho nên mới hình thành loại tài khoản phản ánh quá trình sản xuất kinh doanh và quy luật ghi chép trên các tài khoản đó.

**Trong công tác kiểm toán BCTC**, báo cáo kiểm toán phải xác định tính kịp thời, trung thực, đầy đủ, khách quan và tính tin cậy của BCTC nhằm đưa ra những đánh giá, những kiến nghị và tư vấn để đảm bảo độ tin cậy của thông tin tài chính do đơn vị xử lý và cung cấp. Để hình thành nên ý kiến nhận xét về BCTC, KTV phải căn cứ vào kết quả kiểm toán và đánh giá, soát xét để đưa ra các kết luận về các khía cạnh sau:

(1) Các báo cáo tài chính lập ra có phù hợp với các thông lệ, nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành hoặc có được chấp nhận hay không.

(2) Các thông tin tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trên các mặt trọng yếu không.

(3) Các thông tin tài chính có phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành hay không.

(4) Toàn cảnh các thông tin tài chính của doanh nghiệp có nhất quán với hiểu biết của KTV về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hay không.

Những điều kiện trên đảm bảo cho tính minh bạch của báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp KTV đưa ra những nhận xét không thích hợp khi BCTC đã được kiểm toán, báo cáo kiểm toán vẫn tồn tại những *sai sót* và *gian lận* sẽ hình thành nên các *rủi ro kiểm toán*.

Như vậy, 4 điều kiện trên phản ánh rất đúng *mối quan hệ biện chứng* trong triết học (một BCKT không thể hoàn thành tốt thiếu một trong bốn điều kiện nêu trên), vừa phản ánh đúng mối quan hệ “*lượng đổi dẫn đến chất đổi*” tức là khi báo cáo kiểm toán phản ánh đúng mặt “lượng” mức độ minh bạch trong báo cáo tài chính sẽ dẫn đến sự thay đổi mặt “chất” trong kết quả kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Những điều kiện trên cũng phản ánh “*mối quan hệ nhân quả*” trong báo cáo kiểm toán, “mối quan hệ nhân quả” được phản ánh trong đó là “các điều kiện kiểm toán” là nguyên nhân “và rủi ro kiểm toán” là kết quả; nếu báo cáo kiểm toán đưa ra những nhận xét không phù hợp với điều kiện sẽ dẫn đến những rủi ro kiểm toán và nếu báo cáo kiểm toán đưa ra nhận xét phù hợp với điều kiện sẽ không xảy ra rủi ro kiểm toán.

Hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa triết học với khoa học kế toán, thậm chí nhân các nguyên tắc thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật trong hệ thống kế toán doanh nghiệp nói chung, hệ thống báo cáo kiểm toán nói riêng sẽ giúp đảm bảo những mạch nguồn của dòng tài chính trong doanh nghiệp đi đúng hướng, phản ánh đúng bản chất, thực trạng tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong hoạt động kế toán, kiểm toán.

---

---

## VẬN DỤNG PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT TRONG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

*Phạm Thị Hương Giang, Ngô Thuỳ Trang*

*CQ53/21.18*

Khi nghiên cứu về sự vật hiện tượng, mỗi chúng ta có những phương pháp nghiên cứu khác nhau dựa vào cách nhìn nhận sự vật hiện tượng, dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, dù nhìn sự vật, hiện tượng ở góc độ nào đi nữa, chúng ta cũng cần phải nắm được bản chất của vấn đề. Đó là chìa khoá để chúng ta có thể đánh giá chính xác về đối tượng mà chúng ta đang nghiên cứu. Trong thực tế, mỗi sự vật, hiện tượng đều vận động một cách liên tục, không ngừng. Nếu chúng ta chỉ xét sự vật hiện tượng ở một góc độ riêng rẽ, tức là xem xét đối tượng một cách phiến diện, thì rất dễ đưa đến những nhận định sai lệch. Vì thế, khi nghiên cứu chúng ta cần phải có những cái nhìn tổng thể, đa chiều để nắm bắt được từng đặc tính của sự vật hiện tượng. Từ đó tổng hợp nên các đặc tính bản chất của chúng. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định điều này thông qua phép biện chứng duy vật. Trong đề tài này, xin phép được trình bày một nội dung nhỏ trong lĩnh vực Kế Toán. Đó là: “Vận dụng phép biện chứng duy vật trong Nguyên lý Kế Toán”.

Kế toán ra đời, gắn liền với quá trình sản xuất, nó là tất yếu khách quan của mọi hình thái kinh tế, xã hội. Ban đầu, kế toán hình thành từ những quan sát đo lường của con người đối với kết quả lao động của họ. Sản xuất xã hội phát triển kéo theo sự phát triển của kế toán, ở kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa kế toán được phát triển thành một khoa học. Ngày nay, khoa học kế toán được biểu hiện là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động.

Phương pháp biện chứng của triết học khẳng định rằng mọi sự vật hiện tượng luôn có mối quan hệ với nhau trong trạng thái vận động biến đổi để phát triển mà



nguồn gốc của nó là sự đấu tranh của các mặt đối lập. Điều này được thể hiện rõ trong từng nội dung của Nguyên lý Kế toán. Cụ thể:

*Thứ nhất*, vận dụng hai nguyên lý của triết học là mối liên hệ phổ biến và sự phát triển để nghiên cứu về nguyên lý kế toán, chúng ta thấy rằng những nội dung cơ bản như khái niệm, bản chất, tài khoản hay chứng từ, tính giá hoặc báo cáo kế toán,... đều có mối liên hệ rất chặt chẽ, mật thiết với nhau. Do vậy, khi nghiên cứu, ta phải đặt các nội dung này trong mối liên hệ mật thiết, xuyên suốt với nhau thể hiện qua chu kỳ kế toán được hình thành trên cơ sở biện chứng của quá trình nhận thức. Chẳng hạn, khi tìm hiểu về cách phân loại kế toán theo nguyên tắc ghi nhận thông tin, kế toán được chia thành: kế toán dồn tích, kế toán tiền, nếu chúng ta chỉ dừng ở đây, nghĩa là ta đã cô lập mọi sự vật, hiện tượng, nên ta không nhìn nhận được bản chất của hai loại hình kế toán này. Do đó chúng ta cần đặt nó trong mối liên hệ với các nội dung khác. Cụ thể, với cách phân loại này, theo các nguyên tắc kế toán phải được chấp nhận chung, khi ghi nhận doanh thu hoặc chi phí thì đối tượng kế toán là các khoản phải thu của khách hàng hay phải trả người bán sẽ chỉ tồn tại trong kế toán dồn tích mà không tồn tại trong kế toán tiền. Sự xuất hiện của đối tượng kế toán này sẽ là cơ sở để xác định tài khoản kế toán. Vì tài khoản kế toán là phương tiện để phân loại và tổng hợp các thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến từng đối tượng kế toán. Việc ghi chép trên tài khoản kế toán phải dựa trên những bằng chứng khách quan. Tổng hợp đầy đủ các chứng từ kế toán là cơ sở để tính giá tài sản, ghi sổ kế toán. Sau đó, tiếp tục các mối liên hệ rất logic của tính giá ta xác định giá trị ghi vào từng định khoản, quá trình này phải tuân thủ theo các nguyên tắc.

Như vậy, các nội dung của nguyên lý kế toán được xuyên suốt với nhau, xuất phát từ cách phân loại kế toán ảnh hưởng bởi nguyên tắc kế toán, đối tượng kế toán là cơ sở để xác định tài khoản, chứng từ kế toán phục vụ cho việc tính giá, ghi sổ kế toán và cung cấp thông tin qua các báo cáo kế toán. Báo cáo kế toán là sản phẩm cuối cùng của chu trình kế toán, là bức tranh phản ánh một cách tổng quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính sự logic của các nội dung trên là biểu hiện một nguyên lý quan trọng của triết học - Nguyên lý về mối liên hệ.

Nguyên lý về sự phát triển trong triết học khẳng định mọi sự vật, hiện tượng luôn vận động, biến đổi, là quá trình diễn ra theo đường xoáy ốc ở những cấp độ cao dần. Bởi vậy, kết hợp nguyên lý về sự phát triển và các cặp phạm trù cơ bản khi nghiên cứu về đối tượng kế toán (phạm trù cái chung) người ta phải nghiên cứu cả trạng thái tĩnh và trạng thái động. Ví dụ, đối với từng tài khoản cụ thể (phạm trù cái riêng), người ta cũng nghiên cứu về tình hình hiện có và sự biến động của từng đối tượng kế toán cụ thể trong kỳ. Các cặp phạm trù cơ bản trong triết học đã được sử dụng để xây dựng các nội dung của kế toán.

**Thứ hai**, sự chi phối của 3 quy luật triết học đến nguyên lý kế toán. Để xây dựng kết cấu của tài khoản, người ta dựa vào quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Trong nguyên lý kế toán các mối quan hệ về kinh tế và kế toán cũng không nằm ngoài quy luật này, thể hiện qua các hoạt động: Thu - chi (tiền); nhập - xuất (hàng tồn kho); vay - trả (khoản vay)... Mặc dù các đối tượng kế toán cụ thể được phản ánh trên những tài khoản khác nhau, có nội dung kinh tế, mục đích sử dụng, yêu cầu quản lý và tên gọi khác nhau nhưng xét về mặt vận động thì bất kỳ đối tượng kế toán nào cũng vận động theo hai mặt đối lập. Do đó, tài khoản kế toán được kết cấu theo kiểu hai bên chữ T để phản ánh hai mặt vận động của cùng một đối tượng kế toán đó là bên Nợ và bên Có.

Quy luật mâu thuẫn này một lần nữa được thể hiện trong kế toán là tài sản - nguồn vốn; doanh thu - chi phí, đó là những mặt đối lập về đối tượng kế toán (phạm trù cái chung). Xuất phát từ quy luật này mà các nhà khoa học về kế toán đã xây dựng nên quy ước ghi chép trên mỗi tài khoản (phạm trù cái riêng). Đó là:

Tài khoản Tài sản: quy ước tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư bên Nợ.

Tài khoản Nguồn vốn: quy ước tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư bên Có.

Tài khoản Chi phí: quy ước tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ.

TK Doanh thu: quy ước tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ.

Những mặt đối lập này tạo nên mâu thuẫn, nó vừa thống nhất, vừa chuyển hóa lẫn nhau làm cho đối tượng kế toán luôn vận động, biến đổi. Trong kế toán, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí được thông qua các mối quan hệ đối ứng cơ bản, đó là: Tài sản tăng, tài sản khác giảm; Nguồn vốn tăng, nguồn vốn khác giảm; Tài sản tăng, nguồn vốn tăng; Nguồn vốn tăng, nguồn vốn khác giảm.

Biểu hiện về sự chuyển hóa giữa các đối tượng kế toán trong thực tế tại các đơn vị là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ví dụ: Mua nguyên vật liệu đã thanh toán bằng tiền mặt, đối tượng kế toán là tiền mặt chuyển sang đối tượng kế toán là nguyên vật liệu.

Quy luật lượng chất được vận dụng trong công thức tính giá thành sản phẩm:

Giá thành sản xuất	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	+	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	-	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ
-----------------------	---	------------------------------------	---	--	---	-------------------------------------

Quá trình tích lũy về lượng thể hiện ở quá trình tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ bao gồm tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Khi sản phẩm chưa hoàn thành thì quá trình tích lũy về lượng không ngừng tăng lên nhưng chưa hình thành chất mới. Vì vậy, giá trị của sản phẩm đang được kế toán tập hợp trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi sản phẩm hoàn thành, chi phí đã tập hợp được tạo thành một chất mới đó là thành phẩm, người kế toán có thể chuyển đổi từ đối tượng kế toán sản phẩm dở dang sang đối tượng kế toán thành phẩm.

Qua nghiên cứu về phép biện chứng duy vật thể hiện ở một số nội dung quan trọng trong nguyên lý kế toán, một lần nữa chúng ta có thể khẳng định, không chỉ nguyên lý kế toán mà bất kỳ một môn học nào đều có mối liên hệ với các khoa học khác.

## VẬN DỤNG CÁC KIẾN THỨC CỦA MÔN TRIẾT HỌC TRONG KIỂM TOÁN

*Hoàng Thị Hạnh*

*CQ52/21.19*

Triết học nghiên cứu thế giới với tư cách là một chỉnh thể, tìm ra những quy luật chung nhất chi phối sự vận động của chỉnh thể đó nói chung, của xã hội loài người, của con người trong cuộc sống cộng đồng nói riêng và thể hiện nó một cách có hệ thống dưới dạng duy lý. Đã có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về triết học, nhưng đều bao hàm những nội dung cơ bản giống nhau. Vì vậy có thể hiểu: Triết học là hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới; về vị trí, vai trò của con người trong thế giới ấy.

Triết học được ví như khoa học của mọi khoa học, là nền tảng cơ sở tư duy nhận thức của mọi chuyên ngành, lĩnh vực trong đó có kiểm toán - một trong những lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế.

Việc nghiên cứu và vận dụng kiểm toán trong thực tế cũng cần có một hệ thống các phương pháp kiểm toán giúp KTV đạt được mục tiêu kiểm toán. Các phương pháp kiểm toán cũng không thể tách rời những quy luật và mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa cái phổ biến và cái đơn nhất, giữa sự vận động và tính không mất đi của vật chất trong quá trình vận động. Như vậy, xét về mặt phương pháp luận kiểm toán đòi hỏi kiểm toán viên phải đứng trên quan điểm biện chứng khi phân tích, lý giải các đối tượng kiểm toán. Điều này là cơ sở đảm bảo tính độc lập và khách quan của hoạt động kiểm toán, đảm bảo tính đúng đắn của các xét đoán mà kiểm toán viên nêu ra. Tuy nhiên, để có thể phân tích diễn giải vấn đề và tiến tới lựa chọn, sử dụng một phương pháp kiểm toán thích hợp và hiệu quả nhất cho mỗi phần hành kiểm toán thì việc nắm bắt một cách khoa học và hệ thống các phương pháp chung và cơ sở phương pháp luận là chưa đủ mà kiểm toán còn phải vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp kỹ thuật liên quan của khoa học thống kê, toán học, phân tích kinh tế, lôgic học. Chẳng

hạn các phương pháp chọn mẫu với lượng khả năng sai sót cùng các mối quan hệ tương quan trong việc xem xét, dự báo các mối liên hệ cụ thể, hay phương pháp phân tích biến động của các chỉ tiêu liên quan (doanh số, chi phí, lợi nhuận...) trong khoa học phân tích thống kê.

Qua phân tích trên, chúng ta thấy phương pháp kiểm toán là sự vận dụng phương pháp luận biện chứng và các bộ môn khoa học tự nhiên và kinh tế vào quá trình thu thập bằng chứng, xác minh, đánh giá, nhận xét các thông tin do đối tượng kiểm toán cung cấp và những tài liệu khác có liên quan, nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan cho kết luận kiểm toán. Ví dụ khi kiểm tra thông tin về khoản mục hàng tồn kho trên báo cáo tài chính, kiểm toán viên cần dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau như: Quản lý việc mua, bán, nhập xuất hàng tồn kho như thế nào thì phải tìm hiểu về quy chế kiểm soát và bảo quản hàng tồn kho; Hàng tồn kho có tồn tại hay không thì kiểm tra kho; có thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hay không thì kiểm tra hóa đơn, chứng từ, giấy biên nhận; có phản ánh đúng giá trị hay không thì phải tính toán lại;...KTV cần thực hiện nhiều thủ tục kiểm toán để kiểm tra tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát và tính trung thực hợp lý của báo cáo tài chính. Sau khi thực hiện các thủ tục này, kiểm toán viên mới có đủ bằng chứng để xác nhận chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo tài chính có trung thực và hợp lý hay không?

Trong giai đoạn kết thúc kiểm toán, kiểm toán viên phải tổng hợp, rà soát lại các bằng chứng đã thu thập được. Từ đó, KTV phân tích, đánh giá một cách tổng quát tất cả các bằng chứng đó trong mối liên hệ với nhau để đưa ra một kết luận về thông tin được kiểm toán. Như vậy, nguyên tắc “toàn diện” trong triết học được vận dụng xuyên suốt tiến trình của một cuộc kiểm

Hiện nay, với sự phát triển và hội nhập kinh tế như hiện nay, chất lượng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng kiểm toán viên trong tương lai. Chính vì vậy, nhận thức sâu sắc tầm quan trọng cũng như vận dụng toàn diện triết học trong kiểm toán là điều rất cần thiết. Để đạt được mục tiêu này cần thực hiện các giải pháp đồng bộ từ các phía sau:

**Về phía các KTV:** cần thiết tăng cường đào tạo, giáo dục nâng cao nhận thức và trình độ hiểu biết của kiểm toán viên trong giảng đường đại học, cũng như trong suốt quá trình hoạt động của kiểm toán viên nhằm giúp kiểm toán viên nhìn nhận sự vật, hiện tượng được toàn diện, khách quan hơn trên mọi khía cạnh, mọi góc độ và trong mối liên hệ biện chứng của chúng. Kiến thức cơ bản về triết học sẽ giúp kiểm toán viên nhìn nhận một sự vật hiện tượng khách quan hơn, toàn diện hơn. Hơn nữa, sự vật hiện tượng được nhìn nhận ở nhiều mặt, các mối quan hệ và biết đặt chúng trong từng điều kiện cụ thể để xem xét. Từ đó giúp kiểm toán đưa ra nhận định đúng về sự vật, hiện tượng.

**Về phía Nhà nước:** cần ban hành sớm và đầy đủ văn bản pháp quy về kiểm toán trên cơ sở vận dụng và tuân thủ các nguyên lý khách quan trong triết học. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật và các văn bản quy phạm dưới luật còn chưa đồng bộ. Nhiều văn bản chưa phù hợp với nhu cầu thực tiễn, thậm chí còn xảy ra hiện tượng chồng chéo, từ đó có thể dẫn đến nhiều sai phạm, kết luận sai lệch trong công tác kiểm toán. Chính vì vậy, cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán.

Như vậy, vận dụng triết học vào hoạt động kiểm toán hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết, góp phần giúp kiểm toán thực hiện tốt hơn chức năng trong việc xác nhận các thông tin kinh tế - tài chính, đồng thời khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội.

#### **Tài liệu tham khảo**

*Giáo trình Lý thuyết kiểm toán - NXB tài chính*

<http://www.sav.gov.vn/929-1-ndt/van-dung-nguyen-tac-toan-dien-vao-hoat-dong-kiem-toan-va-dieu-kien-de-thuc-hien-tot-nguyen-tac-nay-.sav>

---

---

## MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊN IN VỚI KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

*Nguyễn Minh Hằng*

*CQ 54/21.06*

Kế toán là hoạt động ghi chép, phân loại tổng hợp theo một cách riêng những khoản tiền, các nghiệp vụ và các sự kiện mà chúng có ít nhất một phần tính chất tài chính và trình bày kết quả của nó. Kế toán doanh nghiệp là ngôn ngữ kinh doanh, khoa học thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản và sự vận động của tài sản trong doanh nghiệp nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định về kinh tế - xã hội và đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp. Thực tế đã chứng minh kế toán là một nhu cầu tất yếu khách quan của mọi hình thái kinh tế xã hội, là một công cụ quan trọng phục vụ quá trình quản lý kinh tế.

Qua nghiên cứu chuyên ngành kế toán doanh nghiệp cùng với những nội dung cơ bản của môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lên in mà ấn tượng với em là những cặp phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Qua nghiên cứu, em nhận thấy có những sự tương đồng, có sự liên quan tới những nội dung cơ bản của công tác kế toán cũng như môn kế toán doanh nghiệp. Trong phạm vi bài hội thảo em xin được trình bày về mối quan hệ giữa một số cặp phạm trù cơ bản trong triết học với môn kế toán doanh nghiệp.

### **1. Cặp phạm trù cái riêng và cái chung**

Cái riêng là phạm trù triết học dùng để chỉ một sự vật, một hiện tượng, một quá trình hay một hệ thống các sự vật tạo thành một chỉnh thể tồn tại độc lập với cái riêng khác. Cái chung là một phạm trù triết học dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính giống nhau được lặp lại trong nhiều cái riêng khác. Theo triết học duy vật biện chứng: Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. Cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ đưa đến cái chung. Trong hoạt động thực tiễn cần lưu ý, nắm được cái

chung là chìa khoá giải quyết cái riêng. Không nên tuyệt đối hoá cái chung, cũng không nên tuyệt đối hoá cái riêng. Khi vận dụng cái chung vào cái riêng thì phải xuất phát, căn cứ từ cái riêng mà vận dụng để tránh giáo điều.

*Vận dụng vào kế toán doanh nghiệp:* Mỗi doanh nghiệp là một tế bào của xã hội, sự lớn mạnh của mỗi doanh nghiệp tạo nên sức mạnh của toàn bộ nền kinh tế. Như vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. Hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung, công tác kế toán của doanh nghiệp nói chung phải tuân thủ pháp luật của nhà nước, chịu sự tác động của các chính sách kinh tế của chính phủ, bình đẳng trong kinh doanh và tuân thủ những quy định và chuẩn mực nghề nghiệp hiện hành. Ngược lại, những quy định, quy tắc, chuẩn mực phải trên cơ sở thực tiễn hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và phục vụ sự phát triển của tất cả các doanh nghiệp và các đơn vị trong toàn bộ nền kinh tế. Các chính sách, quy định cần được hướng dẫn cụ thể, chi tiết giúp cho các doanh nghiệp vận dụng đúng, tuân thủ những quy định của nhà nước nhưng cũng phát huy tính chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, tạo nên sức mạnh của toàn bộ nền kinh tế. Trong mỗi doanh nghiệp cụ thể, khi phân bổ nguồn lực, tổ chức từng bộ phận kế toán phải dựa trên cơ sở yêu cầu của từng bộ phận sản xuất, nhưng không thể tách rời mục tiêu chung của doanh nghiệp, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực sản xuất của doanh nghiệp.

## **2. Phạm trù nguyên nhân và kết quả**

Nguyên nhân là phạm trù triết học dùng để chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt, các bộ phận, các thuộc tính trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra một sự biến đổi nhất định. Kết quả là phạm trù triết học dùng để chỉ những biến đổi xuất hiện do nguyên nhân tạo ra.

Triết học duy vật biện chứng cho rằng, mỗi liên hệ nhân quả có tính khách quan, tính phổ biến và tính tất yếu. Quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả được thể hiện ở chỗ: Nguyên nhân là cái sinh ra kết quả, nên nguyên nhân luôn có trước kết quả về mặt thời gian. Tuy nhiên, không phải mọi sự nối tiếp nhau về thời gian đều là quan hệ nhân quả. Muốn phân biệt nguyên nhân và kết quả thì phải tìm ở quan hệ sản



sinh, tức là cái nào sinh ra cái nào. Một nguyên nhân có thể sinh ra nhiều kết quả khác nhau tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, ngược lại, một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân gây ra. Trong những điều kiện nhất định, nguyên nhân và kết quả có thể chuyển hoá lẫn nhau. Nghĩa là cái trong quan hệ này được coi là nguyên nhân thì trong quan hệ khác có thể là kết quả. Kết quả, sau khi xuất hiện lại tác động trở lại nguyên nhân (hoặc thúc đẩy nguyên nhân tác động theo hướng tích cực, hoặc ngược lại).

*Vận dụng vào kế toán doanh nghiệp:* Trong kế toán của doanh nghiệp, cần xác định rõ những nguyên nhân, những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cụ thể, việc ghi chép, tính toán các hoạt động kinh tế phải đầy đủ theo đúng trình tự quy định để có thể xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở những ghi chép của kế toán, tiến hành phân tích nguyên nhân chủ quan và khách quan tạo nên kết quả hoạt động của doanh nghiệp, xác định đâu là nguyên nhân chủ yếu? Ở bộ phận nào? Có thể xử lý được không? Qua đó, tìm ra các giải pháp cụ thể và hữu hiệu khắc phục hậu quả hoặc những yếu kém trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cho kế toán thực sự là công cụ hữu hiệu cho các nhà quản lý.

### **3. Cặp phạm trù nội dung và hình thức**

Nội dung là phạm trù triết học chỉ tổng hợp tất cả các mặt, các yếu tố, các quá trình tạo nên sự vật. Hình thức là phạm trù triết học chỉ phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền vững giữa các yếu tố của sự vật. Mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức: Giữa nội dung và hình thức có sự thống nhất hữu cơ với nhau. Không có hình thức nào không chứa nội dung, cũng như không có nội dung nào lại không tồn tại trong một hình thức nhất định. Nội dung nào sẽ có hình thức tương ứng vậy. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức còn thể hiện ở chỗ, các yếu tố tạo thành sự vật vừa góp phần tạo nên nội dung vừa tham gia tạo nên hình thức. Vì vậy, nội dung, hình thức không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với nhau. Nội dung giữ vai trò quyết định hình thức trong quá trình vận động, phát triển của sự vật.

Trong quan hệ thống nhất giữa nội dung và hình thức thì nội dung quyết định hình thức. Nội dung biến đổi nhanh, hình thức thường biến đổi chậm hơn nội dung. Do vậy, hình thức khi ấy sẽ trở nên lạc hậu so với nội dung và kìm hãm nội dung phát triển. Hình thức sẽ phải thay đổi cho phù hợp với nội dung. Khi nội dung thay đổi thì sớm hay muộn hình thức cũng thay đổi theo. Nội dung và hình thức có tính độc lập tương đối với nhau, mặc dù bị quy định bởi nội dung, nhưng hình thức có tính độc lập tương đối so với nội dung nên có thể tác động trở lại nội dung. Cùng một hình thức có thể thể hiện những nội dung khác nhau. Hình thức cũng có tác động đối với nội dung, nhất là khi hình thức mới ra đời, theo hướng hoặc là tạo điều kiện, hoặc kìm hãm nội dung phát triển. Nếu hình thức phù hợp với nội dung sẽ thúc đẩy nội dung phát triển. Ngược lại, nếu hình thức không phù hợp với nội dung sẽ kìm hãm nội dung phát triển.

*Vận dụng vào kế toán doanh nghiệp:* Trong tổ chức công tác kế toán cũng như các phần hành kế toán của doanh nghiệp phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của công việc trong từng bộ phận. Việc tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán và các báo cáo kế toán phải phù hợp với mỗi doanh nghiệp cụ thể, phản ánh được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cụ thể. Việc áp dụng hình thức kế toán phù hợp và tổ chức kế toán hợp lý vừa tiết kiệm chi phí quản lý, vừa đáp ứng yêu cầu quản trị và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Ngược lại, tổ chức sản xuất nói chung, tổ chức công tác kế toán nói riêng không hợp lý sẽ gây lãng phí nguồn lực và chi phí quản lý, khó kiểm soát được sự vận động của tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp, kìm hãm và bỏ lỡ cơ hội cho sự phát triển của doanh nghiệp.

#### **4. Cặp phạm trù bản chất và hiện tượng**

Bản chất là phạm trù triết học chỉ tổng hợp tất cả các mặt, các mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định ở bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật đó. Bản chất gắn bó với cái chung nhưng không phải cái chung nào cũng là bản chất. Chỉ những cái chung nào quy định sự vận động, phát triển của sự vật mới là cái chung bản chất. Bản chất và quy luật là những phạm trù cùng bậc, tuy nhiên bản chất rộng hơn, phong phú hơn quy luật. Hiện tượng là phạm trù triết học chỉ cái là biểu hiện ra bên ngoài của bản chất.

Quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng: Bản chất và hiện tượng thống nhất trong sự vật. Điều này thể hiện: Bản chất bao giờ cũng bộc lộ ra qua hiện tượng, còn hiện tượng bao giờ cũng là sự thể hiện của bản chất nhất định. Bản chất nào thì sẽ thể hiện ra qua hiện tượng ấy. Không có bản chất thuần túy tách rời hiện tượng, không thể hiện ra qua hiện tượng và ngược lại, không có hiện tượng nào mà lại không thể hiện bản chất nhất định. Bản chất khác nhau sẽ bộc lộ ra qua các hiện tượng khác nhau.

*Vận dụng vào kế toán doanh nghiệp:* Công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, công tác quản trị doanh nghiệp nói chung cần quan sát những biểu hiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các tiêu chí đánh giá và tính toán các chỉ tiêu cụ thể đồng bộ theo thời gian để so sánh nhằm tìm ra bản chất của những biến động trong hoạt động kinh doanh, tìm ra cách thức hợp lý để tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp. Đồng thời, trên cơ sở những thay đổi quyết định quản trị cần theo dõi, quan sát biểu hiện của những diễn biến hoạt động trong doanh nghiệp xem những quyết định đó thực sự đúng và có hiệu quả hay không?

### **5. Cặp phạm trù khả năng và hiện thực**

Hiện thực là phạm trù triết học chỉ mọi cái đang tồn tại thực sự trong tự nhiên, xã hội, tư duy. Khả năng là phạm trù triết học chỉ những xu hướng, những cái đang còn là mầm mống, tồn tại hiện thực trong sự vật, mà trong sự vận động của chúng sẽ xuất hiện khi có điều kiện tương ứng. Trong khả năng tất nhiên lại có khả năng gần, khả năng xa. Khả năng gần là khả năng có gần đủ những điều kiện để trở thành hiện thực.

Mối quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực thể hiện ở chỗ: Khả năng và hiện thực tồn tại trong mối quan hệ chặt chẽ không tách rời nhau, thường xuyên chuyển hoá lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật. Điều này nói lên rằng, trong cùng một điều kiện, mỗi sự vật có thể có một số khả năng khác nhau (phụ thuộc vào điều kiện cụ thể). Quá trình vận động, phát triển của sự vật ở một lát cắt nhất định chính là quá trình khả năng trở thành hiện thực. Khi hiện thực mới xuất hiện thì trong nó lại xuất hiện những khả năng mới. Những khả năng mới này, trong những điều kiện

cụ thể thích hợp lại trở thành những hiện thực mới. Cứ như vậy, sự vận động phát triển vô cùng tận và khả năng, hiện thực luôn chuyển hoá cho nhau.

Trong tự nhiên, khả năng trở thành hiện thực diễn ra một cách tự phát, nghĩa là không cần sự tác động của con người. Trong xã hội, bên cạnh các điều kiện khách quan, muốn khả năng trở thành hiện thực phải thông qua hoạt động thực tiễn có ý thức của con người. Ngoài những khả năng vốn có, trong những điều kiện mới thì sự vật sẽ xuất hiện thêm những khả năng mới, đồng thời bản thân mỗi khả năng cũng thay đổi theo sự thay đổi của điều kiện. Để khả năng trở thành hiện thực thường cần không chỉ một điều kiện mà là một tập hợp nhiều điều kiện.

*Vận dụng vào kế toán doanh nghiệp:* Kế toán doanh nghiệp không chỉ nhằm cung cấp thông tin trong quá khứ và hiện tại phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp nhằm đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn cung cấp những thông tin dự báo giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định quản trị trong tương lai. Vì thế, những phân tích kinh tế trong hiện tại và quá khứ là căn cứ quan trọng để xác định xu thế vận động; cùng với những nhân tố tác động, kế toán dự đoán khả năng trong tương lai. Trên cơ sở đó xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai. Để hiện thực hóa các khả năng đó, các nhà quản trị doanh nghiệp cũng như doanh nghiệp cần phải tuân thủ những điều kiện, những ràng buộc khắt khe của thị trường cũng như tính được sự biến động về kinh tế vĩ mô, vi mô, sự thay đổi về định hướng, chính sách, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

## **CHỦ ĐỀ 3**

**MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH VỚI CÁC  
MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN**

## MỐI QUAN HỆ GIỮA MÔN PHÁP LUẬT KINH TẾ, THUẾ, PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH, TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VỚI MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

*Thân Thị Hòa - CQ52/21.02*

*Nguyễn Thị Hiền - CQ51/22.07*

Kế toán là quá trình xác định, ghi chép, tổng hợp và báo cáo các thông tin kinh tế cho những người ra quyết định. Kế toán gồm 2 bộ phận chính gồm: kế toán tài chính tập trung vào các nhu cầu cụ thể của những người bên ngoài doanh nghiệp, chẳng hạn như các cổ đông, nhà cung cấp hàng hóa, ngân hàng cho vay và các cơ quan quản lý nhà nước; và kế toán quản trị nhằm để phục vụ cho những người ra quyết định bên trong công ty, như các nhà quản trị cấp cao, các phòng ban, hiệu trưởng hay trưởng khoa các trường đại học, ban giám đốc bệnh viện và các cấp quản lý trong nội bộ tổ chức.

Kiểm toán là một quá trình do các kiểm toán viên có đủ năng lực và độc lập tiến hành nhằm thu thập các bằng chứng về những thông tin được kiểm toán để từ đó đưa ra lời xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin đó với các chuẩn mực đã thiết lập.

### **\* Mối quan hệ giữa môn thuế với kế toán, kiểm toán**

Các quy định của **chính sách thuế** và chuẩn mực, chế độ kế toán có **sự độc lập tương đối**. Thông tin kế toán được cung cấp cho các đối tượng sử dụng khác nhau và cần thực hiện điều chỉnh cho mục đích tính nghĩa vụ thuế. Quan điểm này đảm bảo chính sách kế toán và chính sách thuế được xây dựng theo các mục tiêu khác nhau, phù hợp với đặc thù của từng chính sách. Với tư cách là một công cụ điều tiết kinh tế, chính sách thuế hướng đến mục tiêu điều tiết kinh tế vĩ mô và đảm bảo nguồn thu của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, phù hợp với mục tiêu phát triển và các chính sách kinh tế khác. Trong khi đó, hệ thống kế toán được xây dựng nhằm cung cấp thông tin tài chính thích hợp và tin cậy cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin,

nhằm giúp chủ thể ra các quyết định kinh tế phù hợp. Vì vậy, thông tin kế toán cần đảm bảo tính trung lập, không nhất thiết thiên về mục đích tính thuế của đơn vị.

Ngược lại, sự khác biệt giữa chính sách thuế và kế toán làm gia tăng tính phức tạp cho công tác kế toán tại các đơn vị, cũng như sự phức tạp trong việc sử dụng thông tin kế toán để kê khai, quyết toán thuế. Về phương diện quản lý nhà nước sự khác biệt giữa chính sách kế toán và chính sách thuế cũng gây ra những khó khăn, phức tạp nhất định đối với công tác quản lý, kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ thuế của các đơn vị.

Qua phân tích 2 quan điểm trên, có thể nhận thấy giữa môn học thuế và kế toán, kiểm toán có mối quan hệ chặt chẽ, và việc nắm bắt khoảng cách hay sự khác biệt giữa các quy định này sẽ giúp sinh viên nắm rõ được kiến thức, nâng cao hiệu quả học tập đồng thời hữu ích với việc hành nghề kế toán, kiểm toán trong tương lai.

#### **\* Mối quan hệ giữa pháp luật kinh tế với kế toán**

Pháp luật kinh tế bao gồm các quy phạm pháp luật của các ngành luật có đối tượng điều chỉnh là các quan hệ kinh tế liên quan chặt chẽ với nhau trong quá trình tổ chức quản lý kinh tế và các hoạt động kinh doanh.

Kinh tế giữ vai trò quyết định đối với pháp luật, kinh tế là nguồn gốc dẫn đến sự ra đời của pháp luật, kinh tế quyết định nội dung, hình thức và sự phát triển của pháp luật, cơ cấu kinh tế quyết định cơ cấu của hệ thống pháp luật tính chất của các quan hệ kinh tế quyết định tính chất của các quan hệ pháp luật. Bên cạnh đó, pháp luật kinh tế tác động trở lại nền kinh tế: pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất quản lý kinh tế thực hiện các chính sách và mục tiêu kinh tế pháp luật xác định cơ chế quan hệ kinh tế trong mỗi thời kì phát triển, pháp luật phát triển theo hai hướng, có thể thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của kinh tế.

Qua phân tích có thể thấy để có thể học tốt kế toán, kiểm toán cũng như nâng cao trình độ trong quá trình hành nghề kế toán kiểm toán sau này, việc nắm vững các kiến thức pháp luật kinh tế là hết sức cần thiết.

#### **\* Mối quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp và kế toán**

Tài chính doanh nghiệp là một hệ thống các quan hệ kinh tế dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình tạo lập và phân phối nguồn tài chính và quỹ tiền tệ, quá trình tạo lập và chu chuyển nguồn vốn của doanh nghiệp nhằm phục vụ mục đích sản xuất để đạt được mục tiêu chung của doanh nghiệp đó. Tài chính doanh nghiệp giúp cho chủ doanh nghiệp lên kế hoạch đầu tư thông qua xem xét báo cáo tài chính, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ... từ đó đưa ra chính sách đầu tư hợp lý cho doanh nghiệp. Đồng thời, thông qua kế toán, doanh nghiệp biết được tình hình hoạt động, kinh doanh của công ty, hiệu quả kinh doanh ra sao. Từ đó đưa ra những các nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Qua phân tích có thể thấy giữa môn học kế toán doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp có mối quan hệ bổ trợ, qua lại. Môn học kế toán là nền tảng để thực hiện các kỹ thuật phân tích tài chính doanh nghiệp, môn học tài chính doanh nghiệp là cơ sở giúp đánh giá tính hợp lý, đánh giá được xu hướng của các số liệu kế toán. Nắm bắt được mối quan hệ và những kiến thức cơ bản này sẽ giúp sinh viên nâng cao được kết quả học tập và nghiên cứu./.



## ĐỔI MỚI NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN TRONG ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN

*Vũ Tuấn Anh*

*CQ51/22.05*

### 1. Đặt vấn đề

Thực tế cho thấy có những kế toán giỏi thì làm kiểm toán cũng giỏi, những người đã từng làm việc kế toán khi thi tuyển vào những công ty kiểm toán thì khả năng trúng tuyển rất cao đặc biệt đối với những người đã làm kế toán trưởng cho các doanh nghiệp. Để làm tốt công việc kiểm toán thì kiểm toán viên phải hiểu rõ về chuẩn mực, chế độ kế toán, nguyên tắc và những sai phạm của kế toán. Hơn nữa trong các môn thi chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề thì cũng bao gồm cả môn học kế toán.

Về mặt lý thuyết, có nhiều quan niệm, khái niệm khác nhau về kiểm toán. Có quan niệm cho rằng kiểm toán là kiểm tra kế toán, lại có quan niệm cho rằng kiểm toán là kiểm toán báo cáo tài chính. Tuy nhiên theo quan điểm hiện đại, kiểm toán không chỉ có kiểm toán báo cáo tài chính mà còn có kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động.

Theo định nghĩa của liên đoàn kế toán quốc tế “Kiểm toán là việc kiểm toán viên độc lập kiểm tra và trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính”. Theo định nghĩa này đối tượng kiểm toán là báo cáo tài chính, nội dung là kiểm tra và bày tỏ quan điểm, người thực hiện là kiểm toán viên độc lập.

Giáo trình “Kiểm toán căn bản-NXB Tài Chính” đã nêu một định nghĩa chung về kiểm toán như sau:

“Kiểm toán là quá trình các chuyên gia độc lập và có thẩm quyền tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng về các thông tin cần kiểm toán có thể định lượng của một đơn vị cụ thể, nhằm mục đích xác nhận và báo cáo về sự phù hợp giữa các thông tin này với các chuẩn mực đã được thiết lập.”

Theo Luật kiểm toán độc lập ở Việt Nam, Kiểm toán báo cáo tài chính là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán; Kiểm toán tuân thủ là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về việc tuân thủ pháp luật, quy chế, quy định mà đơn vị được kiểm toán phải thực hiện; Kiểm toán hoạt động là việc kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam kiểm tra, đưa ra ý kiến về tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của một bộ phận hoặc toàn bộ đơn vị được kiểm toán.

Giáo trình Nguyên lý kế toán-NXB Tài Chính đã đưa ra định nghĩa chung về kế toán như sau: “*Theo Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) thì Kế toán là nghệ thuật ghi chép, phân loại, tổng hợp và trình bày kết quả theo cách riêng có hình thái tiền đối với các sự kiện và nghiệp vụ có tính chất Tài chính*”.

Theo Kermit D.Larson thì Kế toán là một loại hoạt động dịch vụ. Chức năng của Kế toán là cung cấp các thông tin số lượng về các tổ chức, thông tin đó trước hết có bản chất tài chính và cso mục đích sử dụng trong quá trình ra các quyết định kinh tế.

Kế toán và kiểm toán có mối quan hệ mật thiết với nhau, vì vậy trong đào tạo chuyên ngành kiểm toán thì không thể thiếu được các môn học kế toán. Đối với những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán cần phải có các kiến thức kế toán. Tuy nhiên để những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán có thể có khả năng thực hành kiểm toán tốt, trở thành những kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên giỏi thì việc đổi mới nội dung các môn học kế toán cho phù hợp với ngành kiểm toán là cần thiết, đặc biệt cần phải đẩy mạnh nội dung các môn học trong chương trình đào tạo kiểm toán.

## **2. Thực trạng**

Trong khung chương trình đào tạo ngành kiểm toán tại Học viện tài chính nói riêng và các trường đại học khác như đại học Kinh tế quốc dân, trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đều có các môn học kế toán như kế toán quản trị, chuẩn mực kế toán quốc tế, kế toán tài chính, nguyên lý kế toán ...Nhìn chung nội dung các môn học này trong những năm qua đã có những đổi mới căn bản về nội dung và hình thức. Ngoài việc cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản, môn học còn cung cấp cho họ những kỹ năng tính toán, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách cụ thể, tỉ mỉ vào các tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính. Tuy nhiên nội dung các môn học còn nặng về lý thuyết, nội dung thực hành kế toán sát với thực tế còn ít. Hơn nữa, đối với sinh viên chuyên ngành kiểm toán thì đòi hỏi kiến thức kế toán phải vững không chỉ về mặt lý thuyết mà còn cả thực hành thì khi đó việc kiểm toán mới hiệu quả.

Thực tế cũng cho thấy những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán Việt Nam mới ra trường rất ít người có thể áp dụng một cách thành thạo những gì mình đã học được ở nhà trường vào công việc mà doanh nghiệp giao cho dù là một công việc không quá phức tạp mà cần phải đào tạo và hướng dẫn lại của các công ty. Chính vì vậy khi được đào tạo ở trường đại học các sinh viên cần phải có kiến thức về kế toán cả lý thuyết và thực hành. Khi có kinh nghiệm về kế toán thì việc tiếp cận thực tế kiểm toán cũng nhanh hơn.

Hơn nữa, kiểm toán có những yêu cầu đặc trưng so với những ngành khác đòi hỏi tính trung thực, thận trọng bởi vì công việc này gắn liền với tài liệu, sổ sách, giấy tờ chứa đựng những con số “biết nói” về tình hình tài chính doanh nghiệp, chính vì vậy sinh viên chuyên ngành kiểm toán học kế toán không chỉ để nắm những kiến thức kế toán đơn thuần mà học kế toán đứng trên góc độ của người làm kiểm toán, các nội dung của môn học kế toán như môn học kế toán tài chính phải có những nội dung liên quan đến nội dung kiểm toán, đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp kiểm toán về phần kiến thức kế toán.

Theo quan điểm cá nhân dưới góc nhìn sinh viên, thì chương trình đào tạo kiểm toán còn một số hạn chế như sau:

*Một là*, chương trình đào tạo hiện nay dành cho chuyên ngành kiểm toán tại Học Viện với các môn chuyên ngành bao gồm:

- Phần bắt buộc: Kế toán tài chính 1, 2, kế toán quản trị, kiểm toán (4 học phần)
- Phần tự chọn: Định giá tài sản, thuế.

Bên cạnh các môn chuyên ngành sinh viên chuyên ngành kiểm toán còn được tiếp cận với rất nhiều các môn học kế toán như nguyên lý kế toán, tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán quốc tế, kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, đại cương về kế toán tập đoàn, kế toán hành chính sự nghiệp. Tuy nhiên nội dung của các môn học này dành cho chuyên ngành kế toán và kiểm toán là như nhau và không có sự khác biệt. Với số lượng lớn các môn học kế toán như trên nhưng thời lượng giảng dạy hạn chế khiến cho sinh viên không chỉ ở chuyên ngành kiểm toán mà còn ở chuyên ngành kế toán chưa thể tìm hiểu và nắm bắt được bản chất vấn đề, vì vậy việc cân đối lại nội dung cũng như thời lượng các vấn đề nghiên cứu của các môn học kế toán là cần thiết.

*Hai là*, trong giai đoạn hội nhập kinh tế sâu rộng như hiện nay, các quy định pháp lý về kế toán, kiểm toán như luật, chuẩn mực, thông tư liên tục có sự thay đổi và cập nhật. Tuy nhiên, việc liên tục cập nhật sách nội dung giáo trình, bài tập thực hành và các tài liệu tham khảo cũng còn nhiều khó khăn do độ trễ về mặt thời gian, mỗi sự thay đổi đều cần qua nhiều cấp thẩm định, các vấn đề về chi phí liên quan.

*Ba là*, số lượng bài tập trong các sách giáo trình kế toán, kiểm toán còn hạn chế, chưa có sự thay đổi và cập nhật thường xuyên. Nội dung các bài tập trong giáo trình kiểm toán được xây dựng bằng cách rút gọn các tình huống kế toán tại doanh nghiệp khiến cho sinh viên chưa hình dung được khái quát thực tế quy trình kiểm toán tại doanh nghiệp.

*Bốn là*, với chương trình đào tạo kiểm toán được đề cập ở trên thì gần như toàn bộ chương trình đào tạo là các môn học kế toán học thuật, số lượng các môn học kế toán thực hành còn rất khiêm tốn.

### **3. Giải pháp**

Chính vì những vấn đề thực tế như trên, một số đề xuất nhằm nâng cao mối quan hệ giữa các môn học kế toán, kiểm toán và đẩy mạnh nội dung các môn học kế toán trong đào tạo chuyên ngành kiểm toán như sau:

*Một là*, rà soát lại nội dung cụ thể của các môn học kế toán để tránh trùng lặp, giảm tải những vấn đề quá phức tạp và cân đối lại thời lượng giảng dạy cho các môn học và các nội dung cần trao đổi với sinh viên.

*Hai là*, thường xuyên bổ sung những kiến thức mới như các thông lệ, chuẩn mực kế toán không chỉ của Việt Nam mà còn cả chuẩn mực chung mang tính quốc tế về kế toán nhằm cung cấp những lý luận cơ bản và tạo điều kiện cung cấp thông tin hội nhập về kế toán, đồng thời điều này cũng giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn bản chất của việc xử lý các nghiệp vụ chứ không đơn thuần là chỉ hiểu một cách máy móc các nguyên tắc, phương pháp hạch toán được quy định. Các giảng viên trong bộ môn kế toán đòi hỏi phải thường xuyên chủ động xây dựng các slide bài giảng theo các quy định kế toán hiện hành mới nhất của Nhà nước và có sự điều chỉnh hệ thống bài tập tương ứng với các nội dung đó; đồng thời nhấn mạnh trong quá trình giảng dạy những sự thay đổi này và trao đổi thảo luận với sinh viên tại sao cần thiết phải có sự thay đổi đó.

*Ba là*, xây dựng đa dạng hóa nội dung phần bài tập, hướng dẫn tự học các môn học kế toán sát với thực tế công việc kế toán ở các doanh nghiệp cho từng phần hành kế toán. Các nội dung cũng phải rất cụ thể chứ không khái quát rút gọn các nghiệp vụ để giúp sinh viên nắm rõ cụ thể thực tế kế toán ở doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp.

*Bốn là*, trong các môn học kế toán chuyên ngành kiểm toán được thiết kế thì cần có thêm môn thực hành kế toán với một mô hình kế toán tại các doanh nghiệp nhưng lại được thiết lập tại trường Đại học để sinh viên có nhiều thuận lợi hơn trong việc tìm hiểu thực tế về kế toán. Vì thực tế các sinh viên khi đi thực tập thì chỉ mang tính hình thức, nhiều doanh nghiệp không tạo điều kiện cho các sinh viên tiếp cận giấy tờ, chứng từ, sổ sách và báo cáo với nhiều lý do khác nhau nên việc xây dựng một mô

hình kế toán giống như tại các doanh nghiệp nhưng đặt tại trường đại học để cho sinh viên thực hành kế toán là rất cần thiết.

Trong đào tạo chuyên ngành kiểm toán không thể thiếu các môn học kế toán và việc xây dựng đổi mới nội dung các môn học kế toán cho phù hợp với chuyên ngành kiểm toán là rất cần thiết, những sự thay đổi này cũng để nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành kiểm toán cho phù hợp với yêu cầu thực tế công việc.

***Tài liệu tham khảo***

- *Giáo trình Nguyên lý kế toán – NXB Tài Chính*
- *Giáo trình Kiểm toán căn bản – NXB Tài Chính*
- *<http://khoakinhte.vinhuni.edu.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc/seo/doi-moi-noi-dung-mon-hoc-ke-toan-trong-dao-cao-chuyen-nganh-kiem-toan-45356>*

---

---

## NGHIÊN CỨU VẬN DỤNG CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH VÀO THỰC TẾ - SINH VIÊN VÀ GIÁO VIÊN PHẢI LÀM GÌ?

*Nguyễn Thị Hiền - CQ51/22.07*

*Thân Thị Hòa - CQ52/21.02*

Ngày nay trình độ bằng cấp chưa đủ để quyết định trong việc tuyển dụng lao động của nhiều doanh nghiệp và người sử dụng lao động. Họ còn căn cứ với thực tế bạn học được gì trong môi trường đại học, ứng dụng được gì từ những cái bạn đã học. Chính vì vậy, không chỉ những kiến thức học mang tính lý thuyết, mà các bạn phải biết ứng dụng những gì mình đã học vào công việc. Đặc biệt trong quá trình học, giáo viên cần lưu ý lồng ghép ứng dụng của môn học vào thực tiễn, liên hệ giữa các môn học

### **1. Thực trạng quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên hiện nay**

Làm thế nào để vận dụng kiến thức các môn học nói chung và các môn chuyên ngành nói riêng vào thực tế công việc một cách hiệu quả vẫn là vấn đề khiến cho phần lớn sinh viên quan tâm.

- Cập nhật kiến thức chuyên môn: Một số kiến thức sinh viên được học trong nhà trường còn lạc hậu, chưa được đổi mới để theo kịp với những yêu cầu chuyên môn của thực tế, do vậy sinh viên còn bỡ ngỡ với công việc, nhất là những năm gần đây, những thông tư chuẩn mực đang quá trình hoàn thiện theo cơ chế kinh tế mới thay đổi nhiều lần, ...Sinh viên chưa linh động trong việc cập nhật những kiến thức chuyên môn mới và cũng chưa có kinh nghiệm để cập nhật, bổ sung những kiến thức loại này cho mình, sinh viên còn mang nặng tính lý thuyết ở nhà trường, trong khi đó khả năng thực hành còn kém, bắt nhịp theo công việc chậm, từ đó gây tâm lý thiếu tự tin cho một số sinh viên.

- Định hướng nghề nghiệp: Đa số sinh viên chưa có cái nhìn định hướng nghề nghiệp của mình trong tương lai ngay cả khi đang học đại học, vì vậy mà không có kế hoạch rõ ràng cụ thể để học tập và nghiên cứu đối với ngành nghề của họ, khi ra trường còn lúng túng, thậm chí còn có nhiều bạn sinh viên còn bi quan về nghề nghiệp

của mình. Đa số sinh viên ra trường không biết các chọn lựa vị trí cho công việc mình làm, hoặc tìm các cơ quan, doanh nghiệp nào phù hợp với họ, không ít sinh viên làm trái ngành trái nghề.

- Khả năng vận dụng công nghệ thông tin vào công việc: Ngày nay công nghệ thông tin là một công cụ hữu ích, đặc biệt trong kế toán, kiểm toán chúng ta không thể không nhắc tới. Nó đã và đang mang lại những ứng dụng tuyệt vời, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả làm việc của người lao động. Nhưng theo khảo sát cho thấy, khả năng tự học tin học ứng dụng ở sinh viên là chính, tuy có được đào tạo nhưng mức độ chưa đủ và không sát với những nhu cầu thực tế

Từ thực trạng trên của sinh viên, để nâng cao hiệu quả việc học trong khoa kế toán phải có sự cố gắng từ hai phía, từ giáo viên và sinh viên

## **2. Giải pháp ứng dụng thực tập mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế kiểm đạt hiệu quả**

### *Thứ nhất, về phía giáo viên*

- Khi bước vào những môn cơ sở ngành như nguyên lý kế toán, nên yêu cầu sinh viên chú trọng những vấn đề trọng yếu, những kiến thức cần lưu ý để học tập các môn tiếp theo, không chỉ giao bài tập đơn thuần mà phải có chiến lược ngay từ đầu để sinh viên có thể nghiêm túc với môn cơ sở ngành này.

- Rèn luyện kỹ năng tự định hướng học tập, thiết lập mục tiêu cho sinh viên ngay từ đầu, cần theo sát định hướng cho từng sinh viên. Tuy bước này giáo viên bỏ ra thời gian nhưng lại rất quan trọng cho cả quá trình học.

+ Thiết lập mục tiêu: Xem xét nguyện vọng của sinh viên qua môn học này cần đạt được gì, có nguyện vọng gì.

+ Lập kế hoạch học tập: Người học vạch ra kế hoạch gần xa. Kế hoạch cũng bao gồm những phương pháp thực hiện, thời gian thực hiện, nguồn tài liệu và công cụ học tập.



+ Thực hiện: thực hiện theo kế hoạch đã đề ra. Giai đoạn này yêu cầu người học phải chịu trách nhiệm tự giác thực hiện theo kế hoạch đề ra nhằm phát triển bản thân

+ Đánh giá kết quả: Tự đánh giá những thành quả đạt được và so sánh với giá trị ban đầu. Trong quá trình học tập tự định hướng, người học và giảng viên nên cùng thảo luận với nhau nên học cái gì và có kế hoạch học tập như thế nào cho phù hợp với mục tiêu trước mắt, mục tiêu lâu dài. Mục đích của giảng viên là đáp ứng nhu cầu của người học hơn là dạy một khối lượng kiến thức và kỹ năng có được. Phương pháp này đòi hỏi người học phải năng động, tự giác trong việc học của mình, đồng thời phương pháp này cũng yêu cầu giảng viên có trình độ cao để đáp ứng nhu cầu học của sinh viên. Giảng viên cũng là người có năng lực tổ chức, quản lý, theo sát kế hoạch học tập của sinh viên ngay từ đầu.

- Tiếp theo là tạo điều kiện tiếp cận với mô hình thực tế cho sinh viên

Ở trường học, các giáo viên nên áp dụng các mô hình mẫu, mối quan hệ giữa môn học kế toán tài chính và tổ chức công tác kế toán. Từ phía giáo viên nên xây dựng mô hình học thực tế. Khi học kế toán tài chính nên cho các nghiệp vụ cụ thể và cho các sinh viên làm các chứng từ liên quan. Có thể tổ chức hoạt động theo nhóm thành mô hình phân công chức vụ. Ví dụ một bạn làm kế toán quỹ thì xuất chứng từ gì, xin chữ kí của ai...

- Liên hệ với các doanh nghiệp để thực tế nghề nghiệp

Dường như bất kì công ty nào cũng muốn phát triển nhân sự trong đó chương trình thực tập cũng là một phần trong kế hoạch phát triển nhân sự của công ty. Thông qua quá trình đầu tư đào tạo và huấn luyện sinh viên thực tập, các công ty có thể đánh giá và chọn lựa được những nhân viên tốt làm việc trong tương lai. Thực tế cho thấy, phần lớn các bạn sinh viên hoàn thành công việc thực tập tốt thường được mời làm việc tại công ty sau chương trình thực tập. Do đó, giáo viên nên tạo cầu nối giữa sinh viên và doanh nghiệp. Thông thường, nhu cầu tuyển dụng các sinh viên thực tập của các công ty không nhiều. Đồng thời sinh viên còn nhút nhát trong việc chủ động liên

hệ với các công ty nên các giảng viên có thể thông qua một số kênh liên lạc làm cầu nối thông tin giữa sinh viên và các công ty.

- Ngoài việc đào tạo và giảng dạy vững chắc kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho sinh viên, nhà trường nên tổ chức những buổi học ngoại khóa, bổ sung cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên cuối khóa những kiến thức chung, cần thiết về môi trường của các cơ quan, doanh nghiệp một cách thực tế.

### ***Thứ hai, về phía sinh viên***

- Nên có “kĩ năng học”. Điều này nghe tưởng chừng đơn giản nhưng thực tế lại không phải như vậy. Phải thẳng thắn nhìn nhận rằng phần lớn sinh viên của chúng ta vẫn có thói quen học thụ động, nghĩa là chỉ chủ động học những gì được dạy mà chưa chủ động học và tìm học những gì mình thấy cần. Trong khi ở môi trường làm việc, không phải lúc nào và ở đâu người lao động cũng được dạy theo kiểu như vậy

- Sinh viên nên chủ động, tự giác học tập và rèn luyện để nắm vững kiến thức chuyên môn trong chương trình đào tạo, đồng thời sinh viên cần phải tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tìm hiểu sâu hơn và cập nhật thông tin nhanh chóng, kịp thời về chuyên ngành mình học. Hơn nữa, sinh viên cần phải học hỏi, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, ứng dụng tin học, công nghệ thông tin vào ngành nghề của mình

- Vừa học, vừa làm là một giải pháp hữu hiệu giúp sinh viên chuyên ngành kế toán có thể tăng cường, củng cố kiến thức, đồng thời tiếp cận nhanh với nghề nghiệp. Trong quá trình học ở trường, sinh viên có thể củng cố kiến thức, chuyên môn, nâng cao kĩ năng, trình độ và trau dồi kinh nghiệm của mình bằng việc tìm kiếm công việc làm thêm phù hợp với công việc thực tế phù hợp với ngành học. Do đó, sinh viên có thể vừa làm, vừa học việc, tiếp cận dần dần với công việc

- Thực tập tốt nghiệp là một học phần bắt buộc đối với sinh viên các ngành nói chung, và sinh viên chuyên ngành kế toán kiểm toán nói riêng, là một phương thức hữu hiệu để tiếp cận với thực tế nghề nghiệp giúp sinh viên hoàn thiện chương trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện của mình. Do đó, mỗi sinh viên cần hiểu rõ tầm quan trọng của giai đoạn này để có thái độ nghiêm túc học hỏi trong quá trình thực tập

## THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP HỌC TẬP CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

*Lê Thị Huyền Anh*

*CQ52/21.01*

Kế toán - Kiểm toán luôn luôn là một trong những lĩnh vực được đa số các bạn sinh viên lựa chọn để học tập, nghiên cứu cũng như muốn làm việc trong tương lai, mặc dù đó có thể không phải là chuyên ngành đào tạo của các bạn. Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, khi có sự tham gia ngày càng nhiều các doanh nghiệp nước ngoài hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ nước ngoài thì nhu cầu về lao động là kế toán viên hoặc kiểm toán viên luôn được quan tâm hàng đầu và ngày một gia tăng. Bên cạnh gia tăng về nhu cầu thì nhà tuyển dụng yêu cầu chất lượng, đòi hỏi các ứng cử viên cũng ngày một cao hơn và khó hơn, sinh viên không chỉ kiểm tra kiến thức chuyên môn mà còn là việc ứng dụng kiến thức đó vào thực tế như thế nào, chưa kể còn kỹ năng mềm, kiến thức xã hội và IQ. Vì vậy việc đầu tiên sinh viên cần nắm chắc kiến thức chuyên ngành ngay trên trường học, nó là hành trang tốt nhất và là điểm cộng cho những sinh viên mới tốt nghiệp ra trường khi tham gia thực tập hoặc xin việc làm.

Một vấn đề đặt ra lúc này là với hệ thống đào tạo gồm nhiều môn học chuyên ngành liên quan đến kế toán kiểm toán trong các trường đại học nói chung và Học viện Tài chính nói riêng như: kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ, kiểm toán căn bản và kiểm toán báo cáo tài chính... thì có chăng đã đủ tốt và hợp lý để sinh viên ra trường vừa tự tin với kiến thức đã học vừa hiểu sâu, nắm rõ và ứng dụng linh hoạt kiến thức chuyên ngành đó vào thực tế? Và thực tế cho thấy rằng, số lượng nhân sự ngành kế toán, kiểm toán được đào tạo hàng năm của các cơ sở đào tạo là rất lớn nhưng trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng mềm khác lại chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển và hội nhập sâu rộng của nền kinh tế trong dài hạn. Nhiều sinh

viên ra trường chưa thể nắm bắt được công việc kế toán hay kiểm toán ngay khi được giao mà phải mất thời gian đào tạo lại. Do vậy, ngay từ khi học trên trường đại học, mỗi sinh viên ngành Kế toán, Kiểm toán nói chung cũng như sinh viên khối ngành Kế toán, Kiểm toán của Học viện Tài chính nói riêng nên tự rèn luyện cho mình kỹ năng áp dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành vào thực tế công việc.

Vậy thực trạng áp dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành vào thực tế của sinh viên như thế nào?

Chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán là một khối ngành có số sinh viên được đào tạo đông nhất đối với các trường đào tạo khối ngành kinh tế và hằng năm thu hút đông đảo các bạn học sinh thi tuyển vào nhiều nhất. Với số lượng đông đảo như vậy thì chắc chắn mức độ cạnh tranh công việc cũng như có hội được thực tập và làm việc đúng chuyên ngành lại càng trở nên khó khăn. Thực trạng cho thấy, hầu hết sinh viên khi bước vào năm 3, năm 4 là giai đoạn các bạn học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành đều gặp phải khó khăn trong việc vận dụng mối quan hệ về kiến thức môn học để hiểu rõ, chắc kiến thức thông qua áp dụng chúng vào thực tế. Sinh viên nào cũng biết nhiệm vụ của kế toán là "thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và lập báo cáo kế toán dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động", biết rõ cách hạch toán khi các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, thuộc hết hệ thống sổ sách kế toán, hay lên bảng cân đối kế toán trên lý thuyết một cách trôi chảy... nhưng khi áp dụng vào công việc thực tế thì lại khó khăn khi không biết cách lập hoá đơn, không biết một nghiệp vụ tài chính phát sinh thì cần những chứng từ nào, không nắm rõ cách xử lý số liệu khi đã có đầy đủ các chứng từ, đặc biệt là không thể lên báo cáo tài chính cung cấp cho các đối tượng sử dụng. Đây là đối với môn liên quan đến kế toán tài chính, còn liên quan đến kế toán quản trị, khó khăn hơn là các bạn thậm chí chỉ học tập và nghiên cứu hoàn toàn trong giáo trình, học lý thuyết suông mà hiếm khi hoặc không bao giờ dùng kiến thức đó áp dụng vào thực tế, dùng vào thực hành. Các môn liên quan đến chuyên ngành kiểm toán cũng vậy, kiểm toán là quá trình kiểm tra và xác nhận thông tin trên báo cáo tài chính có sai sót hay gian lận nào không để đánh giá mức độ tin cậy của thông tin cho các đối tượng sử dụng thì sinh viên kỹ năng đọc hiểu

báo cáo tài chính của doanh nghiệp thậm chí còn chưa tốt, chưa đề cập đến việc qua báo cáo đó để đánh giá, kiểm tra thông tin tài chính... Qua một số thực trạng đang tồn tại ở sinh viên Kế toán, Kiểm toán về áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế, có thể thấy được một số nguyên nhân hay khó khăn có thể dẫn đến tình trạng này.

Khó khăn đến từ yếu tố khách quan: do sự chênh lệch và khác biệt quá lớn giữa lý thuyết và thực tế làm cho mặc dù các bạn có nghiên cứu và học tập thật tốt kiến thức chuyên ngành trên trường thì khi áp dụng vào thực tế vẫn thấy lúng túng và khó hiểu. Hay hệ thống giáo trình chưa cập nhật thường xuyên và đầy đủ với thay đổi thực tế dẫn đến một số kiến thức đã không còn đúng khi thực hành, dẫn đến hiểu sai, áp dụng sai. Hay giảng viên giảng dạy có kiến thức về chuyên ngành cực tốt nhưng khi giảng dạy không hướng dẫn sinh viên cách tìm đọc những Case Study thực tế để sinh viên vận dụng, áp dụng kiến thức đã học xử lý, giải thích tình huống bởi lý thuyết đôi lúc khó hiểu, khó tiếp thu hơn là khi lý thuyết đó được vận dụng để xử lý một tình huống cụ thể; hơn nữa điều này sẽ gây hứng thú cho sinh viên khi tiếp thu kiến thức và khắc phục khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành. Mặt khác, những khó khăn trong việc nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành về kế toán kiểm toán vào thực tế còn xuất phát từ chính bản thân các bạn sinh viên. Trách nhiệm và khả năng chủ động tìm tòi kiến thức mới, ngoài kiến thức đã học trên trường không tốt bởi các bạn quá phụ thuộc vào giảng viên khiến các bạn không biết kiến thức mình học được để làm gì, áp dụng vào cái gì. Hoặc đối với những tài liệu thực tế bằng tiếng anh nếu các bạn sinh viên có khả năng đọc hiểu ngoại ngữ không tốt thì việc nghiên cứu và áp dụng cũng khá hạn chế. Tâm lý học để thi, học để qua môn khiến tầm quan trọng các môn chuyên ngành của các bạn bị giảm sút, thay vì học để có kiến thức, học để ra trường làm được việc, học cho tương lai bản thân, điều này thậm chí khiến cho các bạn không có đủ kiến thức để áp dụng vào thực tế. Qua đó phải chăng "thiếu tính chủ động" đang là khó khăn lớn nhất khiến khoảng cách giữa học tập và thực hành của các bạn sinh viên càng xa hơn.

Mặc dù bên cạnh những khó khăn gặp phải thì các bạn sinh viên cũng có không ít thuận lợi trong quá trình nghiên cứu và ứng dụng kiến thức vào thực tế. Môi trường

kinh tế sôi động và sự phát triển công nghệ thông tin khiến các bạn dễ dàng học hỏi kiến thức và kỹ năng thực tế để xử lý tình huống liên quan đến kiến thức chuyên ngành đã học: việc có được một báo cáo tài chính của một doanh nghiệp cụ thể để nghiên cứu tìm hiểu và phân tích các chỉ tiêu kinh tế tài chính trên đó trở nên dễ dàng; các công cụ tính toán như excel, các phần mềm kế toán hỗ trợ các bạn tốt hơn khi tính toán, kiểm tra độ tin cậy trong kiểm toán; phân tích các chỉ tiêu kinh tế tài chính trong kế toán quản trị; hay xử lý thông tin liên quan đến tiền mặt, nợ phải thu, chi phí, doanh thu trong kế toán tài chính... Nhu cầu về lao động kế toán, kiểm toán trên thị trường không bao giờ thiếu, do vậy các bạn có thể dễ dàng tìm kiếm cơ hội thực tập cho mình ngay từ khi là năm 3.

Mặt khác môi trường học tập tốt với đội ngũ giảng viên giỏi kiến thức chuyên môn, giỏi kinh nghiệm thực tế tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho các bạn học hỏi và thực hành ở mọi lúc mọi nơi. Việc nghiên cứu khoa học liên quan đến Kế toán, Kiểm toán cũng không còn khó khăn khi có sự hướng dẫn của các giáo viên dày dặn kinh nghiệm trong trường...

Như vậy bên cạnh những thuận lợi để khắc phục những khó khăn trong nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán vào thực tế, em có đề xuất một số giải pháp như sau: Giảng viên nên thiết kế bài giảng có những bài tập thực tế để sinh viên xử lý và hướng dẫn sinh viên thực hành các bài tập lớn mô phỏng theo mô hình công việc thực tế ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, ngân hàng, xây dựng... mà theo đó sinh viên sẽ đóng các vai trò kế toán khác nhau: kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản, kế toán công nợ... giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng thể hơn về một tổ chức và hình dung được vai trò cũng như những công việc cụ thể phải làm sau khi ra trường. Giảng viên hướng dẫn sinh viên cách tư duy tổng thể mang tính quản trị nhiều hơn. Mặt khác, điều quan trọng là sinh viên phải tự chủ động tìm hiểu sự thay đổi của chuẩn mực, thông tư, nghị định, các yêu cầu trong công việc thực tế, các yêu cầu kỹ năng và thái độ của công việc thực tế, biết sử dụng linh hoạt những kiến thức được học với sự thay đổi thường xuyên của công việc. Bên cạnh đó nên bổ sung những môn học chuyên ngành bằng tiếng anh

trong hệ thống đào tạo trong các trường kinh tế để sinh viên có thể giảm bớt ngỡ khi áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế tại những doanh nghiệp có hệ thống kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế.

Như vậy, nếu quá trình nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên sâu ngành kế toán, kiểm toán vào thực tế được cải thiện và có hiệu quả thì sinh viên ra trường rất có lợi thế về cơ hội việc làm, tiết kiệm được chi phí đào tạo lại, tiết kiệm thời gian, tự tin hơn trước nhà tuyển dụng và hơn thế nữa cơ hội các bạn có việc làm và làm đúng chuyên ngành ngay sau khi mới ra trường là điều chắc chắn.

## MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI MÔN HỌC KẾ TOÁN - GÓC NHÌN TỪ SINH VIÊN

Nguyễn Thị Phương Linh

CQ52/21.07

*“Một người cán bộ kế toán phải là người không những phải nắm rõ chế độ, luật kế toán mà còn phải nắm được chế độ chính sách tài chính, chế độ chính sách thuế, phải hội tụ cả 3 trong một thì các em mới có thể trở thành những cán bộ kế toán thực thụ và tài năng”.* Đó là lời giảng của thầy Thái Bá Công- người đang dạy chúng em môn kế toán doanh nghiệp xây lắp, lời giảng của thầy vẫn cứ văng vẳng bên tai em, khiến chúng em chột dạ khi mà đã là sinh viên năm 3, đã chuẩn bị ra trường vào đời, chuẩn bị là những cán bộ kế toán tương lai mà vẫn đang mù mờ, hoang mang về con đường phía trước. Thầy nói rất đúng, để làm được kế toán giỏi thì ngoài việc nắm rõ chế độ, chuẩn mực, chuyên môn kế toán ra, thì còn phải biết đến luật kinh tế, chế độ chính sách thuế, chế độ chính sách tài chính trong các doanh nghiệp. Thật cảm ơn nhà trường khi đã cho chúng em được học cả pháp luật kinh tế, thuế, tài chính doanh nghiệp... để chúng em có những hiểu biết nhất định về mối liên hệ, sự gắn kết của những môn học này đối với kế toán.

### **Giới thiệu chung về môn học kế toán:**

Có rất nhiều các định nghĩa khác nhau về kế toán.

Theo Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC): *“Kế toán là nghệ thuật ghi chép, phân loại, tổng hợp và trình bày kết quả theo cách riêng có dưới hình thái tiền đối với các sự kiện và nghiệp vụ có tính chất tài chính”.*

Theo Ủy ban thực hành Kiểm toán quốc tế (IACP): *“Kế toán là tập hợp các nhiệm vụ ở một đơn vị mà ở đó các nghiệp vụ được xử lý như một phương tiện duy trì các ghi chép tài chính”.*

Theo Hiệp hội Kế toán Mỹ (AAA): *“Kế toán là quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin kinh tế nhằm đưa ra các quyết định kinh doanh hữu hiệu”.*



Các định nghĩa về kế toán tuy khác nhau về mặt hình thức nhưng chúng đều phản ánh kế toán là quá trình thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế-tài chính. Đó là các thông tin tiền tệ về các hoạt động kinh tế-tài chính của đơn vị, và được cung cấp cho các đối tượng sử dụng để họ đưa ra các quyết định phù hợp. Việc thu nhận thông tin được thực hiện qua phương pháp chứng từ kế toán, tức là phải biết đối với một nghiệp vụ cụ thể cần các loại chứng từ gì liên quan, trình tự luân chuyển chứng từ ra làm sao, nội dung chứng từ như thế nào để phù hợp và đúng theo quy định của Nhà nước. Việc xử lý và hệ thống hóa thông tin được thể hiện thông qua phương pháp tính giá và phương pháp tài khoản kế toán; tức là áp dụng nguyên tắc tính giá nào, vận dụng các kỹ thuật tính giá ra làm sao, định khoản vào các tài khoản tổng hợp, tài khoản chi tiết nào... đối với một nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc cung cấp thông tin được thể hiện qua phương pháp tổng hợp- cân đối kế toán, tức là phải xem nghiệp vụ phát sinh đó tác động tới báo cáo tài chính nào, tác động như thế nào, trên chỉ tiêu nào.

Có quan điểm cho rằng, học kế toán là học định khoản, suốt ngày nợ nợ có có. Nhưng về bản chất, đó chỉ là một phần trong vô số các vấn đề mà người kế toán phải học. Sản phẩm cuối cùng của người làm kế toán đó là báo cáo tài chính. Dựa vào báo cáo tài chính mà các đối tượng sử dụng thông tin kế toán như chủ doanh nghiệp, nhà nước, nhà đầu tư, chủ nợ,... có thể đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các quyết định hợp lý.

### **Mối quan hệ giữa các môn học với các môn kế toán.**

*Mối quan hệ giữa môn pháp luật kinh tế với các môn kế toán.*

Công tác kế toán được thực hiện trong đơn vị kế toán, vậy để công tác kế toán được thực hiện tốt, người làm kế toán phải hiểu rất rõ về đơn vị mình công tác, phải xác định xem doanh nghiệp mình thuộc loại hình công ty nào: Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh hay Doanh nghiệp tư nhân... từ đó nắm được đặc điểm của từng loại hình công ty, cơ cấu tổ chức bộ máy trong công ty, các quy chế pháp lý về tài sản trong công ty, việc mua lại chuyên nhượng vốn góp, phát hành cổ phiếu, trái phiếu trong công ty là có hợp lý không để có thể hạch toán đúng nhất đối với các nghiệp vụ liên quan đến vốn đầu tư của chủ sở hữu trong đơn vị. Các

công ty ra đời kéo theo là các hoạt động sản xuất, thương mại cũng phát triển theo, kèm theo đó sẽ là phải kí kết các hợp đồng kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng lao động, hợp đồng vận chuyển hàng hóa... Các loại hợp đồng này cũng là chứng từ kế toán, hơn nữa kế toán sẽ căn cứ vào các loại hợp đồng này để lập các hóa đơn, chứng từ liên quan. Như vậy nếu không hiểu rõ về pháp luật hợp đồng, không nắm được như thế nào là một bản hợp đồng hợp lệ, hợp pháp mà đã lập các chứng từ liên quan là vô cùng nguy hiểm, gây tổn hại cho công ty. Và môn học pháp luật kinh tế giúp ta biết được những điều trên, giúp sinh viên hiểu về việc pháp luật kinh tế quy định những gì trong các doanh nghiệp, pháp luật hợp đồng, pháp luật phá sản, pháp luật giải quyết tranh chấp, pháp luật tài chính... Giúp cho người làm kế toán có thể hiểu rõ hơn về loại hình doanh nghiệp mình, từ đó hạch toán các nghiệp vụ được chính xác nhất cũng như có những tư vấn cho doanh nghiệp nếu doanh nghiệp thực hiện không đúng như luật yêu cầu.

*Mối quan hệ giữa môn thuế nhà nước với các môn kế toán*

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc từ các tổ chức và cá nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được Pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng. Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước, là công cụ giúp Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế-xã hội. Chính vì vậy mà cán bộ kế toán càng phải là người hiểu và nắm chắc chế độ chính sách thuế. Môn học Thuế nhà nước giúp sinh viên có hiểu biết tổng quan về thuế, về đặc điểm, vai trò, hệ thống cũng như phân loại thuế. Đặc biệt, hiểu rõ bản chất của các loại thuế như thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân. Ở kế toán, có riêng hẳn một bộ phận là kế toán thuế, trên bảng hệ thống tài khoản kế toán có một loạt các tài khoản về thuế nằm trong mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Tài khoản 333). Như vậy có thể thấy, môn thuế có liên quan chặt chẽ và trực tiếp với kế toán.

Học về thuế GTGT, sinh viên có thể nắm được các nội dung cơ bản của thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam, biết được về phạm vi áp dụng thuế, các đối tượng không chịu thuế; biết cách tính thuế GTGT đầu ra, đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT phải

nộp cho Nhà nước, biết xác định giá tính thuế, biết trong trường hợp nào được áp dụng các mức thuế suất đặc biệt 0%, 5%, 10% hay được miễn giảm hoàn thuế... từ đó, kế toán có thể tính toán chính xác số thuế GTGT phải nộp lại cho Nhà nước.

Học về thuế TTĐB để biết được những hàng hóa, dịch vụ như thế nào phải chịu thuế và chịu với mức thuế bao nhiêu phần trăm; ai là người phải chịu thuế, trường hợp nào không phải chịu thuế, trường hợp nào được miễn, giảm, hoàn thuế, cách tính số thuế TTĐB phải nộp cho Nhà nước là bao nhiêu. Từ đó hạch toán số thuế TTĐB phải nộp cho nhà nước vào tài khoản 3332.

Học về thuế TNDN để tính số thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, hoặc buôn bán có lãi. Số thuế TNDN phải nộp là phần doanh thu và thu nhập khác sau khi đã trừ đi các khoản chi phí hợp lý. Học thuế TNDN giúp kế toán hiểu hơn về các chi phí như thế nào là chi phí không hợp lý, không được hạch toán vào chi phí trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh...

Nhìn chung việc học thuế giúp cho kế toán hạch toán cũng như tính toán chính xác hơn các loại thuế phải nộp cho Nhà nước, làm tròn nghĩa vụ đóng thuế của doanh nghiệp đối với cơ quan thuế.

*Mối quan hệ của môn tài chính doanh nghiệp với các môn kế toán.*

Tài chính doanh nghiệp là một hệ thống các quan hệ kinh tế dưới hình thái giá trị phát sinh trong quá trình tạo lập, phân phối nguồn tài chính và quỹ tiền tệ, quá trình tạo lập và chuyển nguồn vốn của doanh nghiệp nhằm phục vụ mục đích sản xuất để đạt được mục tiêu chung của doanh nghiệp. Có thể thấy, tài chính doanh nghiệp nghiên cứu việc quản lý và sử dụng vốn trong doanh nghiệp, liên quan trực tiếp đến các tài khoản mà kế toán phải hạch toán về dòng tiền, nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản, các khoản đầu tư, nợ phải trả và nguồn vốn. Một số minh chứng cụ thể như sau:

Tài chính doanh nghiệp nghiên cứu và đưa ra các hệ số tài chính nhằm đánh giá hiệu suất, hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán của đơn vị. Thông qua các hệ số phản ánh khả năng thanh toán như hệ số khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện thời... để đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh

ngành khi đến hạn; thông qua các hệ số hiệu suất hoạt động như số vòng quay vốn lưu động, hiệu suất sử dụng vốn cố định; các hệ số hiệu quả hoạt động của đơn vị như tỷ suất sinh lời (ROS), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROE) để biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không. Và căn cứ để tính toán và đưa ra các hệ số này chính là các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán. Thông qua bảng cân đối kế toán nói riêng và báo cáo tài chính nói chung, doanh nghiệp có thể phân tích diễn biến nguồn và sử dụng vốn của mình, qua đó biết được doanh nghiệp đang sử dụng vốn chủ yếu vào việc gì và như vậy có hợp lý hay không? Người làm kế toán là người lập ra báo cáo tài chính, như vậy anh lập ra nó thì anh phải hiểu nó, phải biết nó viết cái gì và thể hiện điều gì. Chính vì thế mỗi một nhân viên kế toán đều phải biết đọc hiểu báo cáo tài chính, từ báo cáo tài chính mà đánh giá được tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vậy việc nắm được các hệ số tài chính trên có thể giúp người kế toán hiểu rõ hơn, đưa ra những phán đoán chính xác hơn về công ty.

Tài chính doanh nghiệp cũng nghiên cứu việc quản trị nguồn vốn kinh doanh bao gồm vốn cố định và vốn lưu động. Về quản trị vốn cố định, tài chính doanh nghiệp có chỉ ra các phương pháp khấu hao, cách trích khấu hao cũng như ưu nhược điểm của từng loại khấu hao; điều này giúp người học kế toán tính toán chính xác số khấu hao được phân bổ vào chi phí hợp lý trong kỳ, giúp người làm kế toán xem xét lựa chọn cách trích khấu hao sao cho có lợi nhất, phù hợp nhất với mục tiêu và tình hình sản xuất của công ty. Về quản trị vốn lưu động như: quản trị vốn bằng tiền, giúp kế toán tiền xác định mức tiền mặt hợp lý, tối thiểu để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu tiền của doanh nghiệp; quản trị vốn tồn kho dự trữ giúp kế toán chi phí và giá thành tính toán, tập hợp chi phí tính giá thành, lựa chọn phương pháp tính giá phù hợp; quản trị các khoản phải thu giúp kế toán công nợ biết được tốc độ thu hồi các khoản phải thu, kỳ thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là khoảng bao nhiêu ngày, từ đó kết hợp với các phòng ban khác trong công ty có kế hoạch thúc dục, thu hồi công nợ hợp lý.

Ngoài ra, Phân tích tài chính doanh nghiệp là đi phân tích về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích về các hệ số tài chính trong doanh nghiệp; phân tích lượng vốn lưu động cần thiết cho các kỳ kế toán tương lai như

dự báo về các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán như dự báo hàng tồn kho dự trữ, dự báo các khoản nợ phải thu, phải trả trong doanh nghiệp... Hiểu rõ về điều này sẽ giúp người học kế toán dễ dàng hơn trong công tác lập kế toán quản trị, nhằm đưa ra các báo cáo quản trị hữu ích cho chủ sở hữu doanh nghiệp.

*Tóm lại,* Các môn học như pháp luật kinh tế, thuế, tài chính doanh nghiệp hay phân tích tài chính doanh nghiệp... đều là các môn học có mối liên quan mật thiết với các môn kế toán. Nếu chỉ học kế toán mà không biết đến các môn học này thì người học sẽ rất thụ động, không hiểu và nắm rõ tình hình chung trong doanh nghiệp cũng như pháp luật kinh doanh, pháp luật kế toán mà nhà nước quy định. Điều này cũng giống như đi đánh giặc mà chỉ biết võ và không biết mưu kế, sách lược, cách dụng người, như vậy sẽ hao binh tổn tướng mà cuối cùng vẫn thất bại.

Khi liên hệ sang sinh viên nói chung và sinh viên chuyên ngành kế toán nói riêng, thật đáng buồn thay khi mà hầu hết các bạn sinh viên đều học một cách rất hời hợt, không hiểu rõ bản chất vấn đề. Chưa nói đến chuyện hiểu và nắm được các chế độ, chính sách thuế, hay chế độ chính sách tài chính mà ngay cả chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, các thông tư hướng dẫn các bạn cũng không chịu khó đọc hiểu và tìm tòi. Khi thầy cô hỏi đến chỉ tiêu này, điều khoản này được trình bày ở chuẩn mực kế toán số bao nhiêu cũng không biết, vậy thì làm sao mà biết có bao nhiêu văn bản luật được thi hành, bao nhiêu văn bản còn có hiệu lực ở thời điểm hiện tại? Thật sự đáng buồn khi mà sinh viên chúng ta không thể lĩnh hội được hết ngay từ chính những môn học chuyên ngành gắn với mình. Cần lắm sự thay đổi ngay từ cách nhìn nhận đến việc chịu khó trau dồi các kiến thức cho bản thân của các bạn sinh viên nói chung và đặc biệt là sinh viên chuyên ngành kế toán kiểm toán nói riêng.

***Tài liệu tham khảo:***

- *Giáo trình Nguyên lý kế toán- Nhà xuất bản Tài chính - Học Viện Tài Chính (2014)*
- *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp- Học Viện Tài Chính*
- *Giáo trình Pháp luật kinh tế- Học Viện Tài Chính*
- *Giáo trình môn Thuế nhà nước- Học Viện Tài Chính*

---

---

**NGÀNH KẾ TOÁN TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ PHƯƠNG  
PHÁP HỌC TỐT CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN ĐỐI VỚI  
SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

*Cao Thị Hiền*

*CQ53/21.07*

Kế toán là một bộ phận không thể thiếu ở tất cả các đơn vị tổ chức. Vì vậy thị trường việc làm của nghề này rất rộng lớn. Nghề kế toán đòi hỏi phải trung thực, cẩn thận, năng động, sáng tạo... Trước những thay đổi liên tục xu hướng các ngành nghề khác nhau thì kế toán vẫn là ngành học mang tính ổn định cao, thu hút được nhiều sinh viên chọn học và gắn bó. Đặc biệt với những chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao, người học dễ dàng nắm bắt được cho bản thân một tương lai nghề nghiệp hấp dẫn.

***Ngành kế toán trong bối cảnh hội nhập***

Năm 2015, ngành kế toán là một trong 5 ngành đào tạo bậc đại học đầu tiên ở Việt Nam được Hội đồng kiểm định các trường và Chương trình Đào tạo về Kinh doanh (ACBSP) của Hoa Kỳ công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

Ngành Kế toán tại Việt Nam sau 20 năm cải cách đã có những bước phát triển mạnh mẽ, từng bước hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Những đổi mới căn bản trong hoạt động kế toán hiện nay là yêu cầu về một hệ thống thông tin tài chính kế toán công khai, minh bạch phục vụ trực tiếp cho quyết định của các nhà quản lý, các chủ đầu tư. Thông tin tài chính – kế toán được trình bày, công bố phải đảm bảo độ tin cậy theo các chuẩn mực, nguyên tắc và thông lệ quốc tế.

Kể từ năm 2017, Kế toán là 1 trong 8 lĩnh vực, ngành nghề được di chuyển hoạt động tự do trong cộng đồng ASEAN, tạo ra điều kiện làm việc mở rộng trong môi trường quốc tế. Tuy nhiên, khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp làm dịch vụ kế toán, kiểm toán cũng như đội ngũ kế toán viên Việt Nam hiện nay còn chưa cao. Nhân sự ngành kế toán có chứng chỉ theo đúng nghĩa và quy chuẩn quốc tế còn quá mỏng về số lượng và hạn chế về chất lượng. Để đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho

ngành kế toán, kiểm toán, gia tăng khả năng cạnh tranh trong thị trường lao động quốc tế, nhiều trường đại học trên cả nước đã đưa ngành kế toán, kiểm toán vào chương trình đào tạo, xây dựng chương trình từng bước đáp ứng những nhu cầu nghiêm ngặt của quốc tế.

### ***Ngành kế toán học những gì?***

Kế toán là công việc ghi chép, thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của một tổ chức, một doanh nghiệp, một cơ quan nhà nước, một cơ sở kinh doanh tư nhân... Đây là một bộ phận đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Từ quản lý ở phạm vi từng đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp cho đến quản lý ở phạm vi toàn bộ nền kinh tế.

Sinh viên kế toán được cung cấp kiến thức về khung pháp lý của kế toán kiểm toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế; Các quy định về đạo đức nghề nghiệp của kế toán kiểm toán; Kiến thức về thu nhập, xử lý, kiểm tra và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua các nghiệp vụ của kế toán: Tính phí, làm dự toán, phân bổ ngân sách, quản lý doanh thu theo sát các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

Các môn học phục vụ đắc lực cho nghề nghiệp: Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị, hệ thống thuế Việt Nam, kế toán thuế, kế toán máy, tổ chức hạch toán kế toán...

### ***Mối quan hệ giữa các môn học của chuyên ngành kế toán***

Các môn học chuyên ngành kế toán có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau và giúp sinh viên hình thành được một nền tảng vững chắc về nghề kế toán. Ban đầu sinh viên sẽ được học các môn học cơ sở, cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán như môn nguyên lý kế toán, qua đó tạo cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu các môn học kế toán chuyên ngành. Như vậy, để trở thành một nhân viên kế toán thì sinh viên cần học tốt các môn học chuyên ngành kế toán theo từng giai đoạn học để nâng cao khả năng thu thập, xử lý, phân tích và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát

sinh trong doanh nghiệp. Giải quyết tốt những tình huống kế toán về các loại tài sản trong doanh nghiệp

### ***Phương pháp học tốt các môn học chuyên ngành kế toán***

Kế toán luôn được coi là một ngành nghề quan trọng của xã hội hiện đại, nhất là trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay. Chắc chắn sẽ hứa hẹn nhiều tương lai đối với sinh viên của khoa khi ra trường. Vậy khi là một sinh viên chuyên ngành kế toán của Học viện Tài Chính cần có phương pháp học tập đúng đắn để có thể nâng cao trình độ, chuẩn bị tốt hơn những kiến thức và kỹ năng đáp ứng những yêu cầu hiện tại của đất nước và quốc tế đối với ngành kế toán. Dưới đây là những phương pháp giúp sinh viên khoa kế toán học tập các môn chuyên ngành hiệu quả.

#### ***Một là, sắp xếp thời gian hợp lý***

Điều đầu tiên cần nói đến là việc định hình được mục tiêu mình cần đạt được là gì trong quá trình học và phân bổ thời gian học hợp lý cho từng mục tiêu nhỏ. Sắp xếp xem khi nào mình sẽ học, học cái gì, nên bắt đầu bằng những việc dễ hoặc đơn giản để khiến bản thân có được sự tự tin cần thiết. Đơn giản hóa những chỉ dẫn phức tạp và dần nâng lên từ đó. Luyện tập và lặp lại những bài cơ bản nếu có thể để củng cố kiến thức.

#### ***Hai là, chủ động trong phương pháp học tập***

Trong quá trình học mỗi sinh viên cần chịu khó tìm tòi, linh hoạt, thử mọi cái có thể, học bằng cách thử. Tìm những ví dụ cụ thể, có thể và những ý tưởng khác để trình bày nếu chưa thật sự hiểu bài. Tham khảo thầy cô giáo cho những bản tóm tắt bài giảng hoặc nguồn thông tin có kiến thức tương tự. Chịu khó tìm cách tiếp cận vấn đề mà trong đó bản thân mỗi sinh viên tự khám phá, tìm tòi, làm mô hình,...Việc chủ động trong phương pháp học tập giúp bản thân mỗi sinh viên ghi nhớ sâu hơn về kiến thức mình được học tại nhà trường, đặc biệt phù hợp với phương pháp học tập tại trường đại học hiện nay tự học là chính.

#### ***Ba là, hệ thống kiến thức hiệu quả***



Việc học tập trên lớp hiện nay còn mang tính nặng về lý thuyết vì vậy việc hệ thống được kiến thức trọng tâm trong quá trình học là vô cùng quan trọng. Mỗi bài học trong một môn đều liên quan đến nhau, kiến thức này mở đầu cho kiến thức kia. Do đó, với mỗi môn học sinh viên nên sử dụng sơ đồ hóa để sắp xếp các thông tin để tiếp thu một cách tốt hơn những kiến thức cần học. Sử dụng hình ảnh, tranh vẽ để miêu tả luận điểm giúp ghi nhớ sâu hơn kiến thức. Việc lập sơ đồ giúp tìm mối liên hệ giữa các chương trong một môn học và giữa các môn học với nhau để kết nối kiến thức.

**Bốn là, phát huy hiệu quả làm việc nhóm**

Phương pháp học nhóm là một phương pháp hiệu quả giúp sinh viên củng cố và nâng cao kiến thức của mình trong quá trình học. Việc học nhóm có thể áp dụng trong các giờ học trên lớp hoặc sau mỗi giờ lên lớp có thể thúc đẩy tinh thần hợp tác, sự phối hợp, hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm, từ đó tạo ra những giải pháp mới cho mọi vấn đề khó khăn. Những kỹ năng và sự hiểu biết của cả nhóm có lợi ích lớn đối với từng cá nhân, khuyến khích óc sáng tạo và những ý tưởng, củng cố những mảng kiến thức bản thân còn chưa nắm vững. Bên cạnh đó việc học nhóm còn giúp sinh viên trang bị thêm các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chịu đựng đối tác, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý....

Tóm lại, vai trò hiện nay của kế toán đối với ngành kinh tế là cực kì quan trọng. Hoạt động của kế toán cần thiết ở tất cả các cơ quan hành chính cũng như các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, quy mô. Mỗi sinh viên ngay từ khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường cần tích cực rèn luyện, trau dồi kiến thức để nâng cao khả năng và trình độ của bản thân, đáp ứng yêu cầu trong nước và hội nhập toàn cầu./.

## KHÓ KHĂN TRONG VIỆC NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG MỐI QUAN HỆ CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN VÀO THỰC TẾ

*Nguyễn Ngọc Dũng*

*CQ53/22.09*

Học Viện Tài Chính trực thuộc Bộ Tài Chính và chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, là một trong những trường đại học công lập hàng đầu thuộc khối kinh tế tại Việt Nam. Học viện đào tạo chủ yếu các chuyên ngành về Kế toán và Tài Chính.

Khoa Kế toán có lịch sử ra đời và phát triển gắn liền với Học Viện Tài Chính. Ngay từ ngày đầu thành lập, Khoa Kế toán luôn là một trong những khoa có quy mô đào tạo lớn nhất của nhà trường. Đến nay với quy mô ngày càng mở rộng, Khoa Kế toán đã tham gia đào tạo hàng vạn cử nhân ngành kế toán, tham gia trực tiếp vào quá trình giảng dạy, hướng dẫn hàng trăm học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, và phân tích hoạt động kinh tế trong và ngoài Học viện. Khoa Kế toán là một khoa nghiệp vụ thực hiện giảng dạy và đào tạo cho tất cả các chuyên ngành, các hệ và các cấp đào tạo từ đại học đến sau đại học trong toàn Học viện.

Từ khi thành lập đến nay, Học viện Tài chính đã đào tạo được hơn 300 tiến sĩ, hơn 5.000 thạc sĩ và hơn 85.000 cử nhân kinh tế và gần 500 cử nhân, thạc sĩ cho đất nước bạn Lào và Campuchia. Cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kế toán- Kiểm toán- Tài Chính cho nhiều tập đoàn cũng như doanh nghiệp lớn trên thị trường.

Đề có được những thành tựu như trên, phải kể đến công tác đào tạo, phát triển chuyên môn cho sinh viên, cũng như giảng viên của Học Viện Tài Chính. Đây là công việc không thể thiếu ở những Cơ Quan, Tổ chức cũng như tại các trường Đại học. Nhằm cập nhật những kiến thức thay đổi mỗi ngày, những kỹ năng để hoàn thiện bản

thân của sinh viên và giảng viên. Từ đó đáp ứng được những nhu cầu trong công việc giảng dạy cũng như việc học của sinh viên trên giảng đường.

Nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế toán- kiểm toán vào thực tế.

**Thực trạng về việc nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học kế toán – kiểm toán ở trường Học Viện Tài Chính:**

Học Viện Tài Chính nói chung cũng như Khoa Kế toán đã và đang thực hiện rất nhiều các công tác phát triển hoạt động chuyên môn, có thể kể tới như:

- Hội thảo của Khoa Kế toán được tổ chức thường niên, thu hút các sinh viên trong Khoa đóng góp các bài viết cũng như ý kiến về những vấn đề gần gũi nhưng cũng rất quan trọng cho sinh viên. Hai hội thảo mới nhất của Khoa Kế toán: Hội thảo về “ Phương pháp luận học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm của sinh viên Học Viện Tài Chính” và hội thảo “ Mối quan hệ giữa các môn học của Chuyên ngành kế toán, kiểm toán- Góc nhìn từ sinh viên”... Từ đó sinh viên có thể rút ra các bài học, phương pháp học và nghiên cứu hợp lí, giúp cải thiện chất lượng học tập và nghiên cứu.

- Những chuyến đi thực tế tới các tập đoàn (Toyota Việt Nam, VNPT), Các công ty Kiểm toán (PwC, KPMG)... giúp các bạn sinh viên có cái nhìn thực tế về môi trường làm việc, tạo động lực phấn đấu cho mỗi bạn sinh viên.

- Những buổi hội thảo có sự liên kết với những đơn vị ngoài học viện: Xu hướng áp dụng IFRS tại Việt Nam, Hội thảo định hướng nghề nghiệp và tư vấn kỹ năng ứng tuyển,... Những kỹ năng không thể thiếu cho những bạn sinh viên trong thời buổi hội nhập ngày nay, trang bị hành trang vững trải để sẵn sàng hoạt động trong bất kỳ môi trường nào.

- Cuộc thi học thuật do Khoa Kế toán tổ chức: Festival Khoa Kế Toán- Bạn là Kế toán trưởng tương lai.

**Khó khăn trong nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán vào thực tế:**

***Về phía Học Viện Tài Chính:***

- Đặc thù đào tạo ngành nghề kế toán kiểm toán mang tính ứng dụng thực tiễn cao hơn so với các ngành nghề khác, theo đó, hệ thống học liệu (giáo trình, tài liệu học...) và giảng viên cần có sự cập nhật thường xuyên các thay đổi của hệ thống pháp luật đang áp dụng trong thực tế, để sinh viên có được cái nhìn gần gũi hơn và có thể ứng dụng tốt hơn ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Các kiến thức của các môn chuyên ngành được xem là kiến thức quan trọng, là nền tảng để sinh viên có thể áp dụng vào thực tế. Khi đi làm thực tế sinh viên thường gặp phải những khó khăn như: BCTC sẽ được lập trên Excel, các bút toán sẽ được ghi nhận vào các phần mềm kế toán, áp dụng nhiều kỹ năng mềm,...trong khi tại trường đại học, số lượng môn kế toán về lý thuyết nhiều hơn so với các môn thực hành. Do đó, cần tăng cường các môn học liên quan đến việc áp dụng phần mềm kế toán, kế toán ứng dụng... để sinh viên có thể áp dụng những kiến thức nền tảng vào thực hành một cách nhanh chóng và dễ dàng.

***Về phía sinh viên:***

- Việc nghiên cứu kiến thức chuyên ngành chưa thực sự sâu, có những bộ phận thường không theo dõi bài giảng ngay từ đầu mà đợi tới cuối môn mới học. Kiến thức bị dồn lên, khó mà tiếp thu được.

- Sai lầm khi một bộ phận sinh viên có suy nghĩ khi ra trường và xin việc vào công ty sẽ được đào tạo lại từ đầu. Dẫn tới việc chệnh mảng học hành và nghiên cứu.

- Ý thức tự học, tự tìm tòi học hỏi của sinh viên là chưa cao. Với môi trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, việc tận dụng nguồn tài nguyên, kiến thức trên internet để tự học là vô cùng quan trọng.

- Phong trào học tập và NCKH giữa các bạn sinh viên chưa được đẩy mạnh, việc NCKH chưa được đào tạo bài bản, dẫn tới dễ lan man, mất thời gian mà không có được hiệu quả cao. Bên cạnh đó việc chưa biết cách chọn đề tài cũng khiến các bạn chọn phải những đề tài khó, trừu tượng, các giả thuyết không xác thực, gây khó khăn trong việc nghiên cứu.

- Quỹ thời gian hạn hẹp: lịch học trên trường, cộng thêm việc các bạn đi học tiếng anh và sinh hoạt các hoạt động đã chiếm khá nhiều thời gian của các bạn sinh viên. Các bạn có ít thời gian để nghiên cứu thêm kiến thức chuyên ngành.

**Giải pháp trong nghiên cứu và ứng dụng mối quan hệ các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán vào thực tế:**

- Chương trình đào tạo của Học viện nên đưa thêm kiến thức thực tế vào trong quá trình giảng dạy: các khóa học dạy lập BCTC bằng excel, dạy cải thiện kỹ năng giao tiếp, khóa thực hành sử dụng các phần mềm kế toán hiện hành,...

- Đưa thêm Tiếng Anh vào các môn học chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán. Phối hợp với các Doanh nghiệp, Công ty kiểm toán lớn để đào tạo sinh viên về kiến thức thực tế, các phần hành phải làm trong công việc thực tế.

- Sinh viên nên đi tham dự các buổi hội thảo về NCKH, rút kinh nghiệm cho bản thân, có được những bài học từ những người đi trước về phương pháp học tập, từ đó cải thiện kết quả học tập cũng như kiến thức và kỹ năng cho bản thân.

- Sinh viên cần tìm hiểu trước về môi trường làm việc của các Doanh nghiệp, những chia sẻ của các anh chị đã tốt nghiệp. Từ đó chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai.

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC MÔN  
HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP  
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN**

*Vũ Tuấn Anh*

*CQ51/22.05*

Hiện nay, chương trình đào tạo cử nhân ngành kế toán, kiểm toán tại Học Viện Tài Chính được xây dựng với rất nhiều môn học chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức học thuật nền tảng và chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán chất lượng cao cho xã hội. Tuy nhiên với số lượng khá lớn các môn học cơ sở ngành, các môn chuyên ngành kế toán, kiểm toán, một bộ phận sinh viên hiện nay rơi vào tình trạng học trước quên sau, học môn sau thì quên kiến thức môn học trước; nhiều sinh viên cảm thấy khối lượng kiến thức các môn học quá nhiều, chương trình học nặng khiến họ không thể nắm bắt được những nội dung này. Đây là những bài toán không hề đơn giản với sinh viên Học Viện Tài Chính nói riêng và sinh viên các chuyên ngành kế toán, kiểm toán nói chung.

Có thể khẳng định rằng chương trình đào tạo hiện nay tại Học Viện Tài Chính được xây dựng khá chặt chẽ và hợp lý. Những năm học đầu tiên tất cả sinh viên không chỉ riêng sinh viên chuyên ngành kế toán kiểm toán sẽ được tiếp cận với các môn học đại cương như Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô... Những môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học chuyên ngành bởi nó sẽ là cơ sở phương pháp nghiên cứu chung của các lĩnh vực kinh tế. Bên cạnh đó, hệ thống các môn học cơ sở ngành, môn ngành như nguyên lý kế toán, kiểm toán căn bản sẽ tiếp tục xây dựng nền móng cho ngôi nhà kế toán kiểm toán của mỗi sinh viên. Ngôi nhà ấy sẽ được hoàn thiện ngày càng đẹp hơn vững chãi hơn với rất nhiều các môn học chuyên ngành được thiết kế cho từng chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Mỗi một môn học được ví như những bộ phận khác nhau để xây dựng nên một ngôi nhà hoàn chỉnh, sẽ có những môn học chiếm thời lượng hơn hay không gian lớn

hơn trong ngôi nhà đó nhưng môn học nào cũng đóng một vai trò quan trọng vì chỉ khi có sự gắn kết giữa chúng mới tạo nên một tổng thể hoàn chỉnh.

Bài toán được đề cập ở trên có thể nhận thấy xuất phát từ một nguyên nhân chủ yếu đó là việc liên kết kiến thức giữa các môn học còn yếu. Các môn học kế toán, kiểm toán được xây dựng gổ đầu và liên tiếp và liên kết chặt chẽ với nhau, môn học sau bổ trợ và phát triển cho môn học trước đó, đồng thời môn học trước sẽ là nền tảng cơ sở quan trọng cho những môn học sau. Vì vậy, việc nắm bắt các mối quan hệ này và hiểu được nội dung liên kết kiến thức sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống kiến thức, không những giúp ích cho việc ghi nhớ lâu dài mà đơn giản hóa khối lượng kiến thức cần phải ghi nhớ, khiến cho việc xây dựng ngôi nhà ở trên được hoàn thành nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, công sức và cả chi phí. Do đó, vấn đề đặt ra là cần phải tăng cường nâng cao việc vận dụng mối quan hệ giữa các môn học kế toán kiểm toán trong sinh viên hiện nay.

Một số đề xuất nhằm tăng cường việc vận dụng mối quan hệ giữa các môn học kế toán kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả học tập và nghiên cứu trong sinh viên.

#### ***Thứ nhất, thường xuyên ôn tập kiến thức các môn học cũ***

Trong quá trình học thì việc ghi nhớ nội dung kiến học của môn học khá thuận lợi do sự tiếp xúc liên tục với kiến thức hàng ngày, hàng tuần cộng thêm sự hỗ trợ từ phía giảng viên và quá trình tự nghiên cứu của sinh viên. Tuy nhiên do khối lượng thông tin mà não bộ chúng ta tiếp nhận hàng ngày là khá lớn, lượng kiến thức đó sẽ nhanh chóng bị lãng quên sau một thời gian ngắn. Vì vậy, việc thường xuyên ôn tập kiến thức các môn học cũ là cần thiết. Bởi lẽ nó không chỉ giúp ích cho chúng ta nhuần nhuyễn kiến thức mà sẽ tiếp tục đôn hành và củng cố cho các môn học sau đó.

Ví dụ đối với các môn học của chuyên ngành kế toán. Có thể nhận thấy những nội dung như các nguyên tắc kế toán, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sẽ đều là những nội dung được đề cập tại các môn học chuyên ngành như kế toán tài chính, kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, kế toán doanh nghiệp xây lắp. Do đó, nếu nắm chắc các kiến thức của các môn học trước thì sinh viên sẽ chỉ cần

tư duy và vận dụng chúng trong các môn học sau với các tình huống đặc thù đối với các doanh nghiệp cụ thể. Bằng việc ôn tập thường xuyên, sinh viên sẽ hình thành mối quan hệ giữa các vấn đề trong các môn học, theo đó việc học và quá trình ôn thi lại trở nên bớt áp lực, tiết kiệm thời gian và mang lại hiệu quả tích cực, nhanh chóng nhận thấy sự tiến bộ.

Một ví dụ khác thể hiện thông qua các môn học dành cho sinh viên chuyên ngành kiểm toán. Sau khi học xong môn kiểm toán căn bản, sinh viên sẽ nắm được những cơ sở dẫn liệu, kỹ thuật, phương pháp, thủ tục kiểm toán nói chung. Kế thừa những nội dung này là việc áp dụng chúng vào các chu kỳ, khoản mục trên báo cáo tài chính mà đó cũng chính là nội dung của các môn học kiểm toán tiếp theo. Nếu như nắm vững và thường xuyên ôn tập lại những kỹ thuật và thủ tục kiểm toán, sinh viên sẽ hoàn toàn chủ động tìm hiểu các vấn đề mới, tiếp cận chúng một cách đơn giản theo đúng bản chất thay vì chỉ đơn thuần ghi nhớ.

#### ***Thứ hai, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên***

Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên là một hoạt động học thuật có tác động tích cực đến quá trình học tập và rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu dành cho sinh viên. Nghiên cứu khoa học đòi hỏi sinh viên cần phải tìm hiểu và đào sâu một vấn đề một cách tổng hợp, vận dụng kiến thức ở nhiều môn học khác nhau để phân tích làm sáng tỏ một quan điểm hay tìm hiểu nhiều khía cạnh của vấn đề đó.

Chắc chắn rằng đây sẽ là một phương pháp hiệu quả nâng cao việc vận dụng mối quan hệ giữa bản thân các môn học kế toán, kiểm toán cũng như mối quan hệ chặt chẽ giữa các môn kế toán và kiểm toán. Đặc biệt là đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán hiện nay có rất nhiều vấn đề có thể tiếp tục khai thác và phát triển. Sinh viên kế toán có thể tiến hành các đề tài về kế toán hoặc kiểm toán và ngược lại, việc lựa chọn đề tài phụ thuộc và khả năng, niềm đam mê và yêu thích của mỗi sinh viên.

Sinh viên Học Viện đã và đang được hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất để tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức khác nhau cụ thể là: Kỷ yếu, nội san, công trình nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó còn có các hoạt động



khuyến khích phong trào hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên như cuộc thi Cây bút vàng. Mỗi sinh viên nên lựa chọn cho mình các hình thức nghiên cứu khoa học phù hợp với bản thân, mỗi hình thức sẽ có những yêu cầu cụ thể khác nhau nhưng đều mang lại những lợi ích nhất định đối với sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên kế toán, kiểm toán có thể lựa chọn những vấn đề của chuyên ngành mình đang học là đề tài nghiên cứu, thông qua đó tạo ra nhiều cơ hội hơn nữa để góp phần nâng cao hiệu quả vận dụng kiến thức và tìm hiểu mối quan hệ giữa các môn học kế toán kiểm toán.

### ***Thứ ba tham gia các cuộc thi thực tế nghề nghiệp***

Các cuộc thi thực tế nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hiện nay là những sân chơi vô cùng bổ ích và thú vị dành cho sinh viên vừa có thể học hỏi những kiến thức mới vừa đồng thời đem lại những tiếp cận thực tế công việc. Các cuộc thi đòi hỏi sinh viên cần phải có kiến thức tổng quát về các lĩnh vực kế toán kiểm toán, không chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết mà còn phải vận dụng linh hoạt những kiến thức đó trong các tình huống cụ thể. Do đó đặt ra yêu cầu cần thiết sinh viên phải hiểu và vận dụng được tối đa, vận dụng sáng tạo mối quan hệ giữa kiến thức các môn học kế toán, kiểm toán. Hiện nay, có một số sân chơi hàng năm được tổ chức dành riêng cho sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán đó là:

1. Cuộc thi chinh phục đỉnh cao nghề nghiệp kế toán- kiểm toán-tài chính do trung tâm đào tạo Vietsourcing và PwC Việt Nam tổ chức.
2. Cuộc thi kế toán viên tương lai do KPMG Việt Nam và CLB Kế toán trường Đại học Hà Nội tổ chức.
3. Cuộc thi Breaking the limit do ICAEW và công ty TNHH Deloitte Việt Nam tổ chức.
4. Cuộc thi kiểm toán viên tài năng do trung tâm đào tạo Smart Train tổ chức kết hợp với các doanh nghiệp kiểm toán.
5. Festival Kế toán trưởng tương lai do Liên chi đoàn khoa Kế toán Học Viện Tài Chính tổ chức.

Thông qua việc tham gia các cuộc thi thực tế về nghiệp, sinh viên sẽ có cơ hội trải nghiệm để học hỏi thêm nhiều kiến thức và kỹ năng mới đầy bổ ích. Đây cũng sẽ là những cơ hội tuyệt vời để vận dụng và ôn tập các kiến thức kế toán, kiểm toán đã học trong nhà trường.

***Thứ tư, tham gia các diễn đàn kế toán, kiểm toán***

Đối với những sinh viên học chuyên ngành kế toán có thể tham gia gia các diễn đàn như: danketoan.com; thegioiketoan.com; webketoan.vn,... Tại các diễn đàn trên, sinh viên có thể trực tiếp trao đổi các thắc mắc của mình với các thành viên khác trong diễn đàn, đây chắc chắn không chỉ là nguồn thư viện tài liệu phong phú và còn là một mái nhà kết nối bạn bè, anh chị, thầy cô những người đã đang và sắp làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Ngoài ra, một kênh khác gần gũi hơn với sinh viên đó là các nhóm trao đổi kiến thức trên mạng xã hội Facebook, mô hình hoạt động của các nhóm này tương tự với các diễn đàn kế toán, kiểm toán nhưng sẽ dễ cập nhật thông tin hơn đối với sinh viên bởi lẽ mạng xã hội hiện đang được sử dụng phổ biến rộng rãi trong sinh viên.

Dù là các diễn đàn online hay thông qua mạng xã hội thì thông qua các tình huống thực tế về kế toán, kiểm toán vô cùng đa dạng, sinh viên sẽ được thử sức mình vận dụng tổng hợp kiến thức từ các môn học kế toán và kiểm toán được học vào thực tế, đây chắc chắn sẽ là các kênh hiệu quả để thấy được sự vận dụng kiến thức, kết nối các kiến thức lý thuyết vào thực hành.

## THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Cao Thị Hiền

CQ53/21.07

Kiểm toán và kế toán có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đào tạo chuyên ngành kiểm toán thì không thể thiếu được các môn học kế toán. Đối với những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán cần phải có những kiến thức kế toán. Tuy nhiên để những sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán có khả năng thực hành kiểm toán tốt, trở thành những kiểm toán viên hành nghề, kiểm toán viên giỏi thì việc đổi mới các môn học kế toán cho phù hợp với ngành kiểm toán là cần thiết.

### **Thực trạng việc học tập các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán**

#### ***Thứ nhất, việc học các môn chuyên ngành còn nặng về lý thuyết***

Trong khung chương trình đào tạo ngành kiểm toán của Học viện Tài Chính có các môn học như kế toán quản trị, kế toán tài chính, nguyên lý kế toán,... Nhìn chung nội dung các môn học này trong những năm qua đã có những đổi mới căn bản về nội dung và hình thức. Ngoài việc cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng tính toán, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách cụ thể, tỉ mỉ vào các tài khoản kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính. Tuy nhiên nội dung các môn học còn nặng về lý thuyết, nội dung thực hành kế toán sát với thực tế còn ít.

#### ***Thứ hai, trình tự học các môn học chưa được sắp xếp hợp lý***

Các môn học có mối quan hệ mật thiết với nhau, bổ trợ và hoàn thiện kiến thức giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan nhất về môn học. Vì vậy trình tự học các môn học theo từng giai đoạn có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng học của sinh viên. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay là sự sắp xếp thứ tự các môn học chưa được khoa học

theo từng giai đoạn học. Ví dụ như môn tài chính tiền tệ là một môn học lý thuyết có các khái niệm cơ bản về nguồn vốn, tài sản, cổ phiếu, trái phiếu của doanh nghiệp hỗ trợ rất nhiều cho việc học môn nguyên lý kế toán nhưng trong giai đoạn học, môn nguyên lý kế toán lại được học trước khiến cho việc tìm hiểu các khái niệm cơ bản của sinh viên đối với môn học còn gặp nhiều khó khăn và trong quá trình học kết quả đạt được không cao.

### ***Thứ ba, việc tổ chức quá trình thảo luận trên lớp còn hạn chế***

Việc thảo luận nhóm trên lớp là vô cùng quan trọng đối với mỗi sinh viên, không chỉ cung cấp cho sinh viên về kiến thức môn học mà còn giúp sinh viên trang bị thêm các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng chịu đựng đối tác, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý... Nhưng bên cạnh đó các môn học trên lớp hiện nay chủ yếu còn phụ thuộc phần lớn vào giáo viên, sinh viên trở nên thụ động hơn. Quá trình giảng dạy còn mang tính chất đơn thuần là đọc chép, sinh viên vẫn chưa có những ý kiến, quan điểm của mình về môn học dẫn đến việc nắm bắt chất lượng học tập của sinh viên đối với môn học còn hạn chế.

### **Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả học tập các môn chuyên ngành kế toán kiểm toán**

**Về phía Học viện**, cần có sự sắp xếp hợp lý các môn học để đảm bảo một lộ trình học tập mang tính khoa học, đảm bảo chất lượng đào tạo sinh viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Xây dựng mô hình thực hành kế toán với một mô hình kế toán tại các doanh nghiệp nhưng lại được thiết lập tại Học viện để sinh viên có nhiều thuận lợi hơn trong việc tìm hiểu thực tế về kế toán. Vì thực tế các sinh viên khi đi thực tập thì chỉ mang hình thức, nhiều doanh nghiệp không tạo điều kiện cho các sinh viên tiếp cận giấy tờ, chứng từ, sổ sách và báo cáo với nhiều lý do khác nhau nên việc xây dựng mô hình kế toán giống như tại các doanh nghiệp giúp cho sinh viên thực hành kế toán là rất cần thiết.

Bên cạnh đó, Học viện cần phải gắn kết chặt chẽ với các tổ chức chuyên nghiệp của Việt Nam cũng như quốc tế để từng bước đưa vào chương trình đào tạo những nội

dung có tính ứng dụng chuyên nghiệp đã được các tổ chức này nghiên cứu, tổng hợp và áp dụng trong quá trình đào tạo các loại chứng chỉ hành nghề được công nhận rộng rãi ở Việt Nam và quốc tế. Trên thực tế một số chương trình và nội dung đào tạo của CPA Australia, ACCA,... đã mang lại nhiều kết quả tốt cho quá trình thực hành chuyên môn về kế toán, kiểm toán ở cấp độ cao. Chính việc gắn kết này sẽ tạo nên sự hài hòa giữa đào tạo hàn lâm và đào tạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành kế toán, kiểm toán của một quốc gia với tính chất quốc tế hóa theo xu hướng hội tụ kế toán toàn cầu.

Học viện cần phối hợp và thông qua các hiệp hội nghề nghiệp như Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), câu lạc bộ Kế toán trưởng,... để tạo nên mối quan hệ rộng rãi và sâu sắc với các loại hình doanh nghiệp khác nhau trong nền kinh tế nhằm một mặt giúp người học có điều kiện tiếp cận dễ dàng công việc thực tế tại các doanh nghiệp nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trước khi tốt nghiệp.

*Về phía giảng viên*, cần đổi mới phương pháp giảng dạy để phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Việc lấy người học làm trung tâm phải được tôn trọng và thực hiện một cách nghiêm túc để qua đó tác động và khai thác tốt tiềm năng sáng tạo của người học trong quá trình học tập và nghiên cứu. Để phát triển năng lực sáng tạo và tính chủ động của người học trong quá trình học thì giảng viên nên tăng cường áp dụng phương pháp làm việc theo nhóm để thực hiện các bài tập tình huống do giảng viên đưa ra từ đó có tác dụng để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng quốc tế hóa.

Một khía cạnh cũng cần được lưu ý trong đổi mới phương pháp giảng dạy đó là tăng cường thời lượng thảo luận tại lớp thông qua những chủ đề do giảng viên yêu cầu theo hướng mở rộng nội dung môn học qua hình thức tiếp cận các công bố trong nước và quốc tế giúp sinh viên cập nhật kiến thức, nâng cao tính hiện đại và tính hàn lâm trong nội dung môn học.

Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần rà soát lại nội dung cụ thể của các môn học kế toán, kiểm toán để tránh trùng lặp, giảm bớt những vấn đề không cần thiết đối với sinh viên, bổ sung những kiến thức mới như các thông lệ, chuẩn mực kế toán không chỉ của Việt Nam mà còn cả chuẩn mực chung mang tính quốc tế về kế toán nhằm

cung cấp những lý luận cơ bản và tạo điều kiện cung cấp thông tin hội nhập về kế toán, đồng thời điều này cũng giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn bản chất của việc xử lý các nghiệp vụ chứ không đơn thuần là chỉ hiểu một cách máy móc các nguyên tắc, phương pháp hạch toán được quy định.

Xây dựng nội dung phần bài tập, hướng dẫn tự học các môn học kế toán sát với thực tế công việc kế toán ở các doanh nghiệp cho từng phần thực hành kế toán. Các nội dung cũng phải rất cụ thể ở doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp.

*Về phía sinh viên*, cần chủ động trong quá trình học tập các môn học chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Cần phải có tinh thần học tập đúng đắn, có tinh thần tìm hiểu, ham học hỏi, luôn muốn khám phá và thường xuyên tổ chức nghiên cứu làm việc nhóm để thúc đẩy bản thân phát triển.

Việc nâng cao chất lượng đào tạo kế toán, kiểm toán bậc đại học để tạo ra nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán có chất lượng cao đang là một đòi hỏi cấp bách của nền kinh tế nước ta hiện nay. Vì vậy, việc đổi mới và nâng cao chất lượng học tập các môn chuyên ngành kế toán, kiểm toán hiện là một trong những vấn đề quan trọng đối với Học viện Tài Chính nói riêng và với các trường đại học trong khối ngành kinh tế nói chung. Việc lựa chọn được phương pháp học đúng đắn và một lộ trình chính xác sẽ giúp cho sinh viên trang bị cho mình đầy đủ những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đạt được những kết quả cao hơn sau khi ra trường.

---

---

## MÔ HÌNH CHO GIẢNG DẠY KẾ TOÁN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

*Cao Thị Hiền*

*CQ53/21.07*

Xu hướng hội nhập kinh tế ngày càng phát triển, đặc biệt cuối năm 2015 đến nay, các công ty nước ngoài được tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi hơn khi tham gia vào nền kinh tế Việt Nam. Từ đó nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực chung, kế toán nói riêng phải có chất lượng cao và am hiểu tiếng anh chuyên ngành kế toán. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo kế toán - kiểm toán cũng như đổi mới trong đào tạo chuyên ngành kế toán - kiểm toán tại các trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

### ***Thực trạng đào tạo kế toán hiện nay ở Việt Nam***

Dù chuyên ngành đào tạo kế toán-kiểm toán tại các trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam đã trở thành một trong những chuyên ngành thu hút được đông đảo sinh viên nhất với chất lượng đầu vào (điểm chuẩn) khá cao, nhưng các cuộc khảo sát gần đây với sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kế toán - kiểm toán cho thấy việc đào tạo kỹ năng chuyên môn còn mang nặng tính lý thuyết và ít thực hành. Đến 70% người học trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán - kiểm toán ngay mà cần được đào tạo và hướng dẫn lại; 80% cho rằng chương trình đào tạo ngành kế toán còn nặng về lý thuyết, 50% cho rằng khối lượng kiến thức chuyên ngành lĩnh hội được ít.

Kết quả khảo sát thực tế đối với sinh viên tốt nghiệp ngành kế toán tại các trường CĐ, ĐH như ĐH Kinh tế TP.HCM, ĐH Công nghiệp TP.HCM, ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính hiện đang làm việc trong các công ty kiểm toán và DN có quy mô lớn, DN có vốn đầu tư nước ngoài cho thấy, kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán, máy tính và các phương tiện quản lý khác còn yếu, kỹ năng về phân tích, tổ chức hệ thống thông tin kế toán bằng phương tiện hiện đại còn “mơ hồ”. “Có đến 91% số người trả lời kỹ năng chuyên môn chủ yếu được học lý thuyết, thực hành thủ công,

phần mềm kế toán còn đơn giản, sơ sài, được thực hành rất ít. Đối với kỹ năng thực hành kiểm toán Báo cáo tài chính thì 100% câu trả lời là không biết. Còn với kỹ năng thực hiện kế toán quản trị thì hầu hết cũng nhận được câu trả lời là chưa được làm vì nhiều đơn vị chưa tổ chức thành một bộ phận riêng biệt.

Bên cạnh đó, những giáo trình chỉ được biên soạn thuần túy bởi chế độ kế toán nhưng cũng có không ít giáo trình hiện nay đã được biên soạn dựa trên các chuẩn mực kế toán. Tuy nhiên hầu hết các giáo trình này đều viết trên tinh thần của các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực. Trên thực tế, đây chỉ là phần hướng dẫn thực hành nên hạn chế phần nào đến khả năng suy luận và phát triển kiến thức của sinh viên, cũng cần nhận thức một vấn đề là hệ thống chuẩn mực quốc tế về trình bày báo cáo tài chính cũng luôn thay đổi. Do vậy, hiểu đúng bản chất các chuẩn mực và vận dụng vào điều kiện Việt nam là rất cần thiết.

Bên cạnh những kỹ năng thực hành chuyên môn, những kỹ năng giao tiếp thông thường luôn là một vấn đề lớn đối với sinh viên kế toán – kiểm toán. Bên cạnh đó, sự tích lũy, am hiểu về những vấn đề xã hội, toàn cầu hóa... còn hạn chế ảnh hưởng tới khả năng hội nhập kế toán – kiểm toán vào khu vực và quốc tế.

Như vậy, một yêu cầu cấp thiết đặt ra là mô hình nào cho giảng dạy kế toán trong các trường đại học Việt Nam hiện nay nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực sau khi ra trường của các trường đại học trên cả nước.

### ***Mô hình cho giảng dạy kế toán trong các trường đại học Việt Nam***

Có nhiều mô hình khác nhau cho việc giảng dạy kế toán ở các trường đại học Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Sau đây là một số mô hình được đề xuất do các giảng viên tại các trường đại học hiện đang giảng dạy các môn chuyên ngành kế toán.

#### ***Thứ nhất, mô hình giảng dạy “học lẫn nhau”***

Đây là một mô hình giảng dạy kế toán đã được đề xuất tại nhiều trường đại học và có thể áp dụng cho đào tạo tại kế toán – kiểm toán tại Việt Nam. Theo đó, giáo viên tập trung vào thảo luận, hướng dẫn phát hiện vấn đề, giám sát việc tham dự thảo luận



theo các mục tiêu học thuật. Mô hình này khuyến khích sinh viên tập trung vào những nguyên tắc cơ bản vì thế, học mang tính chủ động và sâu hơn.

*Thứ hai, mô hình áp dụng một số công cụ công nghệ thông tin*

Mô hình là việc áp dụng một số công cụ công nghệ thông tin trên mạng Internet trong việc thực hiện các hoạt động và tạo dựng tài nguyên cho các khóa học trong giảng dạy hệ đại học và hệ cao học, như wiki, blogs, prezi, online-quiz.... Các công cụ này sẽ giúp các giảng viên xây dựng các khóa học phù hợp với môi trường của người học và từ đó nâng cao hiệu quả của lớp học. Bên cạnh các trang web giảng viên cũng cần phát triển các bài giảng có yếu tố công nghệ như: Sử dụng sơ đồ tư duy, câu chuyện hình ảnh, bài viết chia sẻ, mô phỏng, trình chiếu,...

*Thứ ba, mô hình lấy người học làm trung tâm*

Mô hình là việc chuyển từ cách tiếp cận kiểu cũ-lấy giáo viên làm trung tâm sang cách tiếp cận hiện đại lấy người học làm trung tâm áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực hướng đến xây dựng tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự thiết kế chương trình học của sinh viên là một xu hướng tất yếu của sự nghiệp đào tạo nói chung và đào tạo kế toán nói riêng.

Như vậy, khi đề cập tới việc đào tạo nguồn nhân lực kế toán-kiểm toán bậc đại học đáp ứng được nhu cầu xã hội, cần xác định được yêu cầu hay mong muốn của các nhà tuyển dụng đối với các ứng viên là gì. Trên cơ sở đó, cần xây dựng chuẩn đầu ra phù hợp với các yêu cầu/mong muốn đó. Việc vận dụng hợp lý các mô hình với từng thời điểm, giai đoạn học là hoàn toàn cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, đảm bảo đào tạo phát triển toàn diện khả năng của sinh viên hiện nay. Trong thời gian tới, cần thiết phải biên soạn nhiều giáo trình kế toán-kiểm toán theo hướng vận dụng lý thuyết vào thực tế công tác kế toán-kiểm toán, đồng thời cập nhật được các nội dung mới của kế toán-kiểm toán quốc tế.

Trước mắt, yêu cầu đội ngũ giảng viên kế toán-kiểm toán phải tự tham khảo thêm các tài liệu nước ngoài để thiết kế bài giảng sát thực và sinh động hơn. Điều này đặt ra một tiêu chí tuyển dụng giảng viên kế toán-kiểm toán thời kỳ mới là phải thành

thạo tiếng Anh, hay tối thiểu phải đọc được và tham khảo được nguồn tài liệu nước ngoài. Việc thiết kế chương trình đào tạo kế toán-kiểm toán bậc đại học nên theo hướng tích hợp với các chương trình dự thi lấy chứng chỉ hành nghề CPA Việt nam và cao hơn nữa là chứng chỉ ACCA, CPA Úc...

***Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Hiếu (2011) “*Cấp bách nâng cao chất lượng đào tạo kế toán – kiểm toán*” – <http://www.baomoi.com>

## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LIÊN KẾT CÁC MÔN HỌC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

*Vũ Tuấn Anh*

*CQ51/22.05*

Hiện nay công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ, đã và đang đạt được nhiều thành tựu to lớn và được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề trong xã hội. Các công cụ mà công nghệ thông tin hiện nay rất đa dạng phong phú với các ứng dụng công nghệ có thể hỗ trợ rất nhiều ngay trong quá trình học tập của sinh viên hiện nay đặc biệt là đối với các môn học kế toán, kiểm toán; qua đó đem lại nhiều hiệu quả tích cực như tiết kiệm thời gian, công sức và cuối cùng nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập các môn học nói chung và các môn học kế toán và kiểm toán nói riêng trong sinh viên.

Tuy nhiên thông qua thực tế bản thân của các tác giả trong quá trình hoạt động học tập tại Học Viện cũng như tìm hiểu trên thực tế, sinh viên hiện nay nói chung còn thiếu cả kiến thức sự hiểu biết cũng như các kỹ năng cần thiết để có thể vận dụng hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập các môn học kế toán, kiểm toán, sử dụng công cụ công nghệ thông tin như là một phương tiện để tổng hợp và liên kết kiến thức giữa các môn học kế toán và kiểm toán.

Bài viết đề xuất những ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình sinh viên học tập các môn học kế toán, kiểm toán trong đó nhấn mạnh cách thức liên kết kiến thức các môn học kế toán kiểm toán bao gồm các công việc nghiên cứu, tìm tài liệu, các nguồn thư viện tài liệu, kênh học tập trực tuyến, xây dựng mô hình học nhóm trực tuyến nhằm mục đích nâng cao hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên hiện nay trong quá trình học tập các môn học kế toán, kiểm toán. Đây cũng chính là xu hướng tất yếu đã và đang được sử dụng ở rất nhiều các quốc gia trên thế giới.

***Một là, tìm kiếm tài liệu trong quá trình học tập các môn học kế toán, kiểm toán***

Nội dung kiến thức các môn học kế toán và kiểm toán có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, các môn học có tính chất gối đầu, môn học trước sẽ là nền tảng cho môn học sau và môn học sau là sự tổng hợp và phát triển của các môn học trước đó. Do đó, bên cạnh nguồn tài liệu là giáo trình, sinh viên cần phải sử dụng nhiều tài liệu tham khảo trong quá trình học tập để đào sâu vấn đề, thấy được sự liên kết giữa các môn học kế toán, các môn học kiểm toán, và sự kết nối giữa các môn học kế toán và kiểm toán.

Công cụ quen thuộc và gần gũi nhất để tìm kiếm thông tin đó là google đây cũng là một trong những công cụ được sử dụng nhiều nhất trên thế giới hiện nay. Chính vì đây là công cụ tìm kiếm tốt mà mỗi lần bạn tìm kiếm một vấn đề nào đó, hàng ngàn thậm chí hàng triệu kết quả sẽ được trả về ngay lập tức khiến bạn phải mất công phân loại những kết quả này. Vì thế, có một số mẹo như sau sẽ giúp bạn tìm kiếm thông tin một cách hiệu quả hơn đó là:

+ Thêm định nghĩa từ vào đằng trước từ khóa: Để định nghĩa một thuật ngữ kế toán, kiểm toán bạn có thể tìm kiếm theo cấu trúc "define:từ khóa"

*Ví dụ:* Gõ cụm từ "define: Nợ tiềm tàng", kết quả trả về sẽ cho bạn biết định nghĩa của "Nợ tiềm tàng" là gì? Đây cũng là một cách thích hợp dành cho sinh viên nếu đọc được một từ ngữ chuyên ngành nhưng lại không hiểu từ ngữ đó có nghĩa là gì.

+ Thêm cụm từ "là gì" sau từ khóa cần tra, cách này rất hiệu quả khi bạn muốn học từ chuyên ngành liên quan đến kế toán, kiểm toán.

*Ví dụ:* Gõ Current assets là gì? Kết quả trả về cho biết đó là Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn.

Không chỉ tìm kiếm, khác thác nguồn tài nguyên nhằm phục vụ hữu hiệu cho việc học tập và nghiên cứu, mà thông qua mạng internet việc trao đổi, chia sẻ thông tin cũng dễ dàng hơn bằng việc tham gia vào các nhóm, các diễn đàn học tập. Đặc biệt, đối với sinh viên khối ngành kế toán, kiểm toán việc liên tục cập nhật thông tin kinh tế, thông tin luật, nghị định, thông tư rất cần thiết.

*Ví dụ:* Đối với những sinh viên học chuyên ngành kế toán có thể tham gia các diễn đàn như: danketoan.com; thegioiketoan.com; webketoan.vn,... Tại các diễn đàn

trên, sinh viên có thể trực tiếp trao đổi các thắc mắc của mình với các thành viên khác trong diễn đàn, đây chắc chắn không chỉ là nguồn thư viện tài liệu phong phú và còn là một mái nhà kết nối bạn bè, anh chị, thầy cô những người đã đang và sắp làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Với các tình huống thực tế về kế toán, kiểm toán vô cùng đa dạng, sinh viên sẽ được thử sức mình vận dụng tổng hợp kiến thức từ các môn học kế toán và kiểm toán được học vào thực tế, đây chắc chắn sẽ là một cách hiệu quả để thấy được sự vận dụng kiến thức, kết nối các kiến thức lý thuyết vào thực hành.

+ Các nguồn tài liệu hiện nay vô cùng đa dạng phong phú từ nhiều nguồn khác nhau dễ khiến sinh viên cảm thấy bối rối và lung túng trong việc sử dụng kênh thông tin nào có độ đáng tin cậy nhất. Tại Học Viện Tài Chính, sinh viên có thể lên thư viện tầng bốn để sử dụng hệ thống tra cứu thông qua thư viện điện tử của Học Viện để tra cứu sách giáo trình, tài liệu tham khảo một cách nhanh chóng, thuận tiện. Đây chắc chắn sẽ là một cách tìm kiếm thông minh, tiết kiệm thời gian nhưng lại đạt được hiệu quả cao bởi nguồn tài liệu đã được thẩm định và có nguồn gốc đáng tin cậy. Tuy nhiên trên thực tế rất nhiều bạn sinh viên tại Học Viện chưa biết đến và tiếp cận cách tìm kiếm tài liệu này.

### ***Hai là, tham gia các khóa đào tạo trực tuyến***

Bên cạnh việc tham gia hoạt động lên lớp, sinh viên có thể tự chủ động tích lũy kiến thức kế toán, kiểm toán qua các khóa học, chương trình đào tạo được thiết kế trực tuyến từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. Để có thể tạo ra sự liên kết về mặt kiến thức giữa các môn học kế toán và kiểm toán sinh viên có thể tham gia các khóa học ngoài giờ lên lớp. Chẳng hạn sinh viên kế toán có thể tham gia các chương trình đào tạo kiến thức kiểm toán hay bổ trợ kiến thức kế toán và ngược lại.

Trong xu thế hội nhập sâu rộng vào các tổ chức quốc tế như hiện nay, các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán quốc tế như ACCA, ICAEW, CIMA, CPA Úc... đã trở nên quen thuộc và gần gũi hơn với các bạn sinh viên, do đó sinh viên có thể dễ dàng tìm kiếm các khóa học bổ trợ kiến thức kế toán và kiểm toán theo chương trình quốc tế, từ đó tạo ra sự liên kết chặt chẽ không chỉ về kiến thức kế toán kiểm toán của Việt Nam mà còn là sự liên kết với các chuẩn mực, thông lệ của quốc tế. Tuy

nhiên, chi phí để theo đuổi các chứng chỉ trên là một bài toán khiến cho nhiều bạn trẻ đau đầu và đành phải từ bỏ cơ hội theo đuổi các bằng cấp quốc tế khi mà đang có rất nhiều thời gian học tập trong môi trường đại học.

Với sự bùng nổ của các phương pháp học tập trực tuyến, sinh viên có thể tiếp cận với nguồn bài giảng, chương trình đào tạo từ xa vô cùng đa dạng chỉ bằng một chiếc máy tính có kết nối mạng internet. Giờ đây, bài toán chi phí đã được giải quyết khi mà bạn có thể tìm kiếm các khóa học thậm chí là miễn phí hoàn toàn các nghiệp vụ kế toán, quy trình kiểm toán sử dụng Excel được giảng bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh,.. trên các kênh video phổ biến như Youtube. Một số trang web miễn phí dành riêng cho các môn học trong các chương trình quốc tế như opentuition.com, accountingcoach.com, studyonline.ie/acca,... sẽ là sự lựa chọn tuyệt vời dành cho các bạn sinh viên có thể tự học thông qua hệ thống video bài giảng, hệ thống tài liệu tham khảo và bài tập tự luyện hoàn toàn bằng tiếng Anh. Một số khóa học tại hay có thu phí nhưng chi phí bỏ ra chỉ bằng một nửa thậm chí một phần ba so với các khóa học tại các trung tâm hiện nay.

Việc học trực tuyến có nhiều ưu điểm dễ nhận thấy về sự linh hoạt về thời gian, địa điểm học tập và chi phí thấp. Tuy nhiên, hạn chế của hình thức sử dụng phương pháp này đối với việc học tập các môn kế toán, kiểm toán đó là thiếu sự tương tác trực tiếp với giáo viên cũng như các hoạt động trao đổi với các học viên khác khi gặp phải những vấn đề khó, các tình huống thực tế phức tạp. Hơn nữa, hiệu quả của quá trình học phụ thuộc phần lớn vào ý thức tự giác của sinh viên, tự chủ động học và nghiên cứu mà không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động khác gây mất tập trung trong quá trình theo dõi các bài giảng. Do đó, sinh viên nên sử dụng hình thức này như một phương pháp học bổ sung song song với chương trình đào tạo tại trường đại học hiện nay, tìm kiếm các khóa học bổ trợ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp kế toán, kiểm toán phù hợp với nhu cầu bản thân, lên lịch học tập và tuân thủ nghiêm khắc thời gian đã xây dựng để đạt được hiệu quả học tập tối đa.

***Ba là, tổ chức hoạt động học nhóm trực tuyến***

Khi tiến hành hoạt động nhóm, sinh viên có thể chia thành các nhóm nhỏ với cùng một vấn đề thì góc nhìn của người làm kế toán và kiểm toán khác nhau như thế nào, mối quan hệ giữa kế toán và kiểm toán ở đây là gì? Việc học tập theo nhóm do đó có thể nâng cao hiệu quả học tập các môn học kế toán, kiểm toán một cách rõ rệt bởi lẽ việc thông qua trao đổi thảo luận sinh viên sẽ có thể đi sâu vào bản chất các vấn đề kế toán, ghi nhớ các thủ tục kiểm toán một cách khắc sâu thay vì chỉ dừng lại ở việc ghi nhớ đơn thuần, để xảy ra tình trạng học trước quên sau.

Thay vì hình thức học nhóm và hoạt động truyền thống thông qua gặp gỡ trực tiếp thì hiện nay việc trao đổi, học tập nhóm giữa sinh viên có thể thực hiện thông qua email, các group nhóm trên mạng xã hội. Điều này đã giúp sinh viên tiết kiệm được thời gian, giảm thiểu tối đa việc di chuyển, nhất là khi nhiều các bạn trong nhóm ở cách xa nhau, việc gặp gỡ trực tiếp dẫn đến nhiều khó khăn.

Trên thực tế có rất nhiều phần mềm, chương trình hỗ trợ cho quá trình học tập mà sinh viên chưa tận dụng tính năng của chúng một cách tối đa, tuy nhiên tác giả đề xuất một số phần mềm và ứng dụng theo tiêu chí là phù hợp với sinh viên, dễ dàng sử dụng, không tốn kém chi phí nhưng lại có những ứng dụng được thiết kế mà vẫn đảm bảo tính hiệu quả có thể áp dụng khi tổ chức các nhóm học trao đổi trực tuyến như Google Docs, Dropbox, Skype, tạo nhóm trên Facebook. Chắc chắn việc sử dụng các công cụ trên sẽ là các kênh để tổ chức hoạt động học nhóm trao đổi kiến thức kế toán, kiểm toán linh hoạt, tiết kiệm nhưng lại hiệu quả cao.

### ***Tài liệu tham khảo***

<https://blogchiasekienthuc.com/thu-thuat-internet/cach-dung-google-search-hieu-qua.html>

## MÔ HÌNH LỚP HỌC NGHỊCH ĐẢO Ở MỸ - BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO GIẢNG DẠY KẾ TOÁN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

*Cao Thị Hiền*

*CQ53/21.07*

Dạy học kết hợp sử dụng công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy quá trình học tập bên ngoài lớp học là một mô hình đã và đang ngày càng phổ biến đặc biệt là ở bậc đại học có lẽ vì những lợi ích học tập mà nó mang lại. Mô hình dạy học kết hợp mang lại hiệu quả học tập. Khi so sánh giữa dạy học kết hợp và dạy học theo kiểu truyền thống, nghiên cứu cho thấy sự khác biệt lớn về kết quả học tập của người học. Kết quả này là do mô hình dạy học kết hợp đã tạo ra được môi trường học thực học (deep learning), học có ý nghĩa (meaningful learning) cũng như phát triển tư duy phê phán và hình thức học cấp cao, nó cũng tạo ra môi trường làm việc độc lập và tự kiểm soát việc học.

### *Mô hình lớp học nghịch đảo*

Lớp học nghịch đảo là một phương thức thiết kế dạy học theo mô hình kết hợp đã và đang phát triển tại nhiều quốc gia. Dựa trên cơ sở đó họ đã đề xuất sử dụng các hình thức như đọc và tóm tắt tài liệu về bài học mới, trả lời câu hỏi, hoặc hoàn thành phiếu bài tập để kiểm tra sự hiểu của người học. Từ đó phương thức này được phát triển thành cái gọi là ‘lớp học nghịch đảo’ được ứng dụng trong dạy các môn học khác nhau tại các trường phổ thông và đại học ở Mỹ. Theo cách dạy và học này người học chỉ nghe những bài giảng ngắn qua các đoạn băng video và sau đó tất cả phải trả lời câu hỏi kiểm tra khái niệm trên hệ thống quản lý học. Kế đến người học tham gia vào các hoạt động thảo luận nhóm trên lớp học và giáo viên sẽ phản hồi để điều chỉnh những câu trả lời sai. Một trang mạng có tên là Peer Instruction Network cũng được tạo ra và đến nay đã có hơn 1900 nhà giáo từ các cấp trường khác nhau ở nhiều quốc gia khác nhau như Ê-ti-ô-pi, It-xra-en, Singapo, Phần Lan, Hi Lạp, Đức, Nam Phi và kể cả Việt Nam tham gia và chia sẻ kinh nghiệm sử dụng mô hình.



Như vậy, lớp học nghịch đảo là gì? Trong lớp học truyền thống, người học sẽ được nghe giảng bài, và sau đó làm bài tập thực hành tại lớp hoặc tại nhà để xử lý thông tin và tiếp nhận kiến thức. Ngược lại, đối với lớp học nghịch đảo, người học sẽ phải tự làm việc với bài giảng trước thông qua đọc tài liệu, tóm tắt tài liệu, nghe giảng thông qua các phương tiện hỗ trợ như băng hình, trình chiếu PowerPoint, và khai thác tài liệu trên mạng. Bài giảng trở thành bài tập ở nhà mà người học phải chuẩn bị trước khi lên lớp. Toàn bộ thời gian trên lớp sẽ dành cho các hoạt động giải bài tập, ứng dụng lý thuyết bài giảng vào giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm để xây dựng hiểu biết dưới sự hướng dẫn của giáo viên; thay vì thuyết giảng, trong lớp học giáo viên đóng vai trò là người điều tiết hỗ trợ, có thể giúp học sinh giải quyết những điểm khó hiểu trong bài học mới.

### ***Thuận lợi của mô hình***

Ngoài những lợi ích mà nó mang lại như đã trình bày ở trên, có thể dễ dàng nhận ra một trong những thuận lợi nổi bật của mô hình này là:

Thứ nhất, nhờ vào phương tiện lưu trữ bằng công nghệ thông tin, bài giảng có thể tái sử dụng dễ dàng, đặc biệt là người học có thể nghe, xem nhiều lần cho đến khi hiểu bài. Vì vậy, mô hình này tạo cơ hội bình đẳng về tiếp nhận thông tin kiến thức. Những sinh viên tiếp thu chậm có nhiều cơ hội để tiêu hóa kiến thức thông tin.

Thứ hai, giáo viên không lo sợ bài giảng ‘bị cháy’, sinh viên không phải lo lắng về áp lực phải hoàn thành bài tập và các nghiên cứu nhỏ, vì họ có nhiều thời gian để thảo luận và làm bài trên lớp.

### ***Hạn chế của mô hình***

Thứ nhất, giáo viên phải mất rất nhiều thời gian để chuẩn bị bài giảng điện tử để đưa lên mạng. Nhưng về lâu dài giáo viên có thể tiết kiệm thời gian khi sử dụng bài giảng nhiều lần.

Thứ hai, sự bình đẳng về công nghệ giữa người học với nhau có thể là rào cản đối với việc học tập của sinh viên thiếu cơ hội tiếp cận với công nghệ. Điều này có thể khắc phục khi người học được hướng dẫn ngay từ đầu các kỹ năng cơ bản để sử dụng

tài liệu trên mạng, và đồng thời nhiều trường đại học hiện nay cũng cung cấp cho sinh viên nhiều cơ hội tiếp cận sử dụng máy tính và mạng. Khi đã có cơ hội tiếp cận mạng, thì cả thầy và trò có cơ hội tiếp cận với nhiều công cụ mở trên mạng, các công cụ Web 2.0 chứa đựng có những ứng dụng rất thú vị và hiệu quả đối với việc giảng dạy.

Thứ ba, nhiều sinh viên còn chưa có thói quen học tập theo mô hình này, nên họ sẽ gặp khó khăn và thậm chí lo là không chịu chuẩn bị bài trước. Mặc dù thế, giáo viên có thể kiểm soát sinh viên thông qua các hoạt động hỗ trợ như trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi và yêu cầu sinh viên trả lời khi nghe bài giảng, theo dõi thông qua hệ thống quản lý hoạt động truy cập của người học.

Có lẽ rào cản lớn nhất chính là bản thân người thầy phải thay đổi vai trò của mình từ truyền thụ sang hướng dẫn, quản lý để tạo ra một môi trường học tập năng động, uyển chuyển và thú vị cho người học. Một trong những câu hỏi quan trọng là vận dụng mô hình lớp học nghịch đảo vào bài giảng như thế nào? Giảng viên cần lưu ý rằng không phải mô hình lớp học nghịch đảo có thể vận dụng cho tất cả các nội dung dạy học. Mô hình này phù hợp với việc giảng dạy các khái niệm cơ bản, mô hình, cơ chế hoạt động, hoặc kiến thức thuộc loại quy trình, phương thức này cũng sử dụng hiệu quả đối với dạy học bằng dự án. Như vậy, điều quan trọng là phải có sự chọn lọc khi sử dụng phương thức dạy học này.

### ***Bài học kinh nghiệm cho việc giảng dạy kế toán ở các trường đại học Việt Nam***

Thực trạng các môn học chuyên ngành kế toán hiện nay ở Việt Nam còn nặng về lý thuyết với khối lượng kiến thức nhiều mà thời lượng mỗi tiết học trên lớp còn hạn chế là một trong những khó khăn khiến cho việc giảng dạy ở các trường đại học còn gặp nhiều khó khăn. Sinh viên ít được thực hành được tiếp cận với công việc kế toán thực tế (tiếp cận chứng từ, lập chứng từ; ghi chép sổ sách theo các hình thức kế toán và phần mềm kế toán; lập báo cáo tài chính; phân tích báo cáo tài chính; thực hiện kê khai, quyết toán thuế...).

Từ mô hình lớp học nghịch đảo ở các trường đại học tại Mỹ, người viết nghĩ rằng có thể ứng dụng mô hình dạy học này trong bối cảnh đại học ở Việt Nam khi điều kiện cơ sở vật chất ngày càng tốt hơn. Giúp hạn chế thực trạng đọc – chép trong mỗi tiết học trên lớp khiến sinh viên trở nên thụ động hơn với bài giảng. Sinh viên có thể được tiếp cận chứng từ, lập chứng từ; ghi chép sổ sách theo các hình thức kế toán và phần mềm kế toán; lập báo cáo tài chính; phân tích báo cáo tài chính; thực hiện kê khai,...thông qua đoạn băng hình bài giảng. Có thể khẳng định rằng, mô hình sẽ giúp nâng cao ý thức, thái độ và trách nhiệm học tập và đồng thời tạo ra thói quen học hợp tác ở người học, những thái độ và kỹ năng không thể thiếu đối với mỗi sinh viên sau khi ra trường. Để ứng dụng tốt mô hình này, điều quan trọng là thiết kế các hoạt động sao cho thu hút người học và gắn kết người học thành một cộng đồng học tập.

Bên cạnh đó, một trong những công cụ để nghịch đảo bài giảng là thiết kế các đoạn băng hình bài giảng và đưa lên hệ thống. Sau đây là một số bước chuẩn bị một bài giảng băng ghi hình:

- ✓ Xác định mục tiêu bài giảng, cân nhắc liệu bài giảng có phù hợp với việc sử dụng băng ghi hình không.
- ✓ Thiết kế bài giảng bằng phần mềm PowerPoint.
- ✓ Chuẩn bị Webcam, Mi-cờ-rô trên máy tính để ghi âm và hình.
- ✓ Sử dụng phần mềm Screencast-O-Matic để kết hợp trình chiếu PowerPoint và ghi âm bài giảng (cũng có thể sử dụng công cụ trực tuyến presentme để ghi hình trực tuyến).
- ✓ Đưa bài giảng lên hệ thống quản lý học hoặc chép ra đĩa CD.
- ✓ Sử dụng kỹ thuật lớp học nghịch đảo không nhất thiết là điều không hay, nhưng người ứng dụng cần phải thực tiễn khi áp dụng nó.

Tóm lại, đổi mới công tác giảng dạy không phải là một vấn đề dễ dàng, bởi có rất nhiều việc phải cân nhắc, có rất nhiều người liên quan, nhiều cuộc thảo luận cần thực hiện và phải thực hiện thường xuyên. Do đó, nhằm từng bước nâng tầm kế toán – kiểm toán Việt nam lên vị trí tương xứng trong nghề nghiệp ở khu vực và thế giới. Cần

phải thay đổi tư duy giáo dục, xác định lại quan niệm về mục tiêu, yêu cầu đào tạo của các trường Đại học, từ đó thay đổi cung cách dạy, học và phương pháp, nội dung tổ chức và quản lý giáo dục với một nền tảng giáo dục phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội và cuộc sống trong kỷ nguyên kinh tế trí thức.

***Tài liệu tham khảo***

1. Nguyễn Văn Lợi (2014) “Lớp học nghịch đảo – mô hình dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến” - Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ
2. Bài viết “Đào tạo kế toán gắn liền với doanh nghiệp và hội nhập”(2016) trên trang web: [thanhtra.com.vn](http://thanhtra.com.vn)

---

---

## ĐÀO TẠO KẾ TOÁN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC THỰC TẾ – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

*Tạ Thu Phương*

*CQ51/22.05*

Hiện nay việc đào tạo kế toán kiểm toán bậc đại học được thực hiện ở rất nhiều ngôi trường đại học kinh tế tài chính cả công lập và ngoài công lập trên cả nước. Ở những trường đại học đào tạo chuyên ngành kế toán kiểm toán thì có đủ mọi hệ đào tạo và cấp bậc đào tạo như trung cấp, cao đẳng, liên thông đại học, đại học chính quy, thạc sỹ, tiến sỹ, tại chức hay là đào tạo từ xa. Đó là chưa tính hàng trăm trung tâm, các tổ chức mở lớp dạy nghề kế toán kiểm toán. Điều đó đồng nghĩa mức độ cạnh tranh khi tuyển dụng là không hề nhỏ. Với tốc độ phát triển kinh tế như hiện nay thì số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế đòi hỏi nguồn nhân lực tương ứng là rất lớn, bởi lẽ doanh nghiệp dù lớn hay là vừa hoặc nhỏ đều tổ chức công tác kế toán hoặc sử dụng các dịch vụ kế toán. Tuy nhiên một thực trạng đáng buồn đó là trong số hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp thì một số lượng lớn sinh viên ra trường phải làm một công việc trái ngành, hoặc không tìm được công việc kế toán phù hợp.

Theo các nhà tuyển dụng, những khó khăn chung khi tuyển dụng nhân sự ngành kế toán là chất lượng nhân sự không đáp ứng được nhu cầu công việc, đặc biệt là nguồn nhân sự mới tốt nghiệp ra trường. Với những đối tượng này, họ thiếu kỹ năng cần thiết cho công việc, chưa có cái nhìn chính xác về nội dung công việc mà họ sẽ làm, chưa nắm chắc được kiến thức cơ bản... Khi tuyển dụng đối tượng này nhà tuyển dụng chấp nhận đào tạo lại để phù hợp với tình hình công việc thực tế tại doanh nghiệp.

Nhận thấy được thực trạng sinh viên chưa đáp ứng được nhu cầu công việc thực tế, các trường cao đẳng, đại học trên cả nước đã có những hành động cụ thể và thiết thực để thay đổi như đổi mới phương pháp đào tạo; mời giảng viên thỉnh giảng là những người có thâm niên làm công tác kế toán thực tế tại các doanh nghiệp; trang bị mô hình phòng kế toán mô phỏng theo đúng thực tế; bổ sung những môn học cần thiết như phần mềm kế toán, thuế, kế toán excel...; tích cực mời các doanh nghiệp ngành kế toán tổ chức hội thảo chia sẻ kỹ năng và kinh nghiệm hỗ trợ cho công việc thực tế; tổ chức các CLB kế toán, tổ chức thực tập cuối khóa cho sinh viên ....

Bên cạnh những nỗ lực và hành động thiết thực trên, công tác đào tạo tại nhiều cơ sở giáo dục đào tạo vì những lý do chủ quan lẫn khách quan cũng còn nhiều bất cập. Ngoài ra thái độ học tập của chính bản thân sinh viên cũng là nguyên nhân dẫn đến hiện trạng này.

### **Những bất cập liên quan đến công tác đào tạo nói chung**

*Thứ nhất*, do số lượng sinh viên đông, phòng kế toán mô phỏng chưa thực sự được triển khai hiệu quả, chưa mô tả hết được các công việc thực tế mà người kế toán phải làm.

Việc đào tạo kế toán kiểm toán bậc đại học được thực hiện khá phổ biến, ở rất nhiều ngôi trường đại học kinh tế tài chính cả công lập và ngoài công lập trên cả nước. Tuy nhiên hầu như các trường đại học mới chỉ truyền đạt lý thuyết chứ chưa tạo cơ hội cho các sinh viên tiếp cận thực tế nên lượng sinh viên muốn tìm hiểu sâu hơn về ngành nghề này phải đi tìm đến các phòng kế toán mô phỏng để trải nghiệm. Tuy nhiên khi đến các trung tâm, phòng kế toán mô phỏng cũng đặt tiêu chí lợi nhuận lên hàng đầu nên chưa có các chính sách cũng như điều kiện để người học được cọ xát bên ngoài mà hầu như chỉ nêu ra những thứ căn bản trong ngành kế toán.

*Thứ hai*, trong đào tạo, môn học kế toán thường được chia ra thành nhiều phần, chưa chú trọng việc hệ thống một cách tổng thể, xuyên suốt nội dung đào tạo từ đó sinh viên chưa nhận thức được vai trò và nhiệm vụ của kế toán cũng như chưa hiểu rõ một cách tổng thể và chi tiết các công việc phải làm của người kế toán.

Trong các ngôi trường đại học, đặc biệt là các trường chuyên môn đào tạo kế toán, kiến thức chuyên ngành là khá rộng với rất nhiều trường hợp trong thực tế khác nhau nên chia ra nhiều môn và học phần như nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, kế toán hành chính sự nghiệp, v.v nên có thể tạo ra tâm lý lúng túng cho các sinh viên không biết trong thực tế nên áp dụng trường hợp nào.

*Thứ ba*, chương trình đào tạo chỉ chú trọng đến kiến thức về kế toán, trong khi đó để làm tốt công việc trong thực tế, người kế toán phải biết những kiến thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khai báo thuế như : làm thế nào nộp tờ khai thuế, ký số là gì, thực hiện như thế nào... Ngoài ra nhà trường chưa chú trọng đến việc hướng dẫn các quy trình kế toán cơ bản của từng phần hành kế toán để giúp sinh viên hiểu rõ công việc, nhiệm vụ của từng vị trí trong phòng kế toán và trình tự cần phải thực hiện.

Giáo trình, tài liệu của các môn học chưa theo kịp sự thay đổi của chính sách cũng như chưa sát với thực tế công việc. Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập sâu rộng như hiện nay, các quy định pháp lý về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp được bổ sung và thay đổi theo tinh thần chung của các chuẩn mực và quy định chung của các tổ chức nghề nghiệp trên thế giới. Điều này đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên, người làm công tác chuyên môn và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo trong việc cập nhật những kiến thức mới nhất và phù hợp với tình hình thực tế.

### **Nguyên nhân chủ quan từ sinh viên**

Sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của kiến thức nền tảng dẫn đến thái độ học tập đa phần là để đối phó

Một lượng lớn sinh viên hiện nay chưa ý thức được những kiến thức mình dùng là để phục vụ cho tương lai sau này làm việc mà hầu như chỉ học để cho qua môn, để tìm được học bổng, để có thể trang bị chắc kiến thức cho những môn học chuyên ngành sau này ... Sinh viên chỉ chú trọng các kiến thức trong sách giáo trình, những lời thầy cô dạy mà chưa có ý thức tự tìm tòi, học hỏi để lo lắng sau này trong thực tế sẽ áp dụng như thế nào. Điển hình như đa số các sinh viên ngành kế toán có thể lập báo cáo tài chính nhưng những báo cáo khác như báo cáo lưu chuyển tiền tệ, ... cũng là một trong những văn bản kế toán viên cần biết làm thì chưa chắc đã làm được.

Chưa chủ động trang bị kiến thức, kỹ năng có liên quan để phục vụ cho công việc như kiến thức về các ứng dụng công nghệ thông tin, tin học văn phòng...

Chưa chủ động cập nhật những thay đổi có liên quan về chính sách thuế, chế độ kế toán.

Một phần quan trọng của nguyên nhân này cũng bắt nguồn từ chưa có ý thức tìm tòi học hỏi các kiến thức thực tế, không nắm bắt các thông tin kinh tế xã hội của Việt Nam mà có liên quan đến sau này. Với tâm lý e ngại cũng như lười cập nhật thông tin chính sách nhà nước, và có thể là lấy những nguyên nhân như chờ nghị định khi nào thực thi rồi tìm hiểu cũng chưa muộn là những lý do phổ biến.

### **Giải pháp**

*Về phía sinh viên,*

*Một là, tích cực tìm hiểu, trang bị và cập nhật các chính sách nhà nước, chuẩn mực kế toán để sau này khi ra trường có thể tự tin tìm kiếm các cơ hội việc làm theo đúng chuyên ngành mà mình đã được học.*

*Hai là*, chủ động trang bị các kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ kế toán để phục vụ cho công việc tương lai.

Trong thời đại công nghệ thông tin phổ biến như hiện nay, không khó để sinh viên có thể tiếp cận các thông tin, các kiến thức từ các khóa học online, các video do các chuyên gia trong ngành thực hiện nhằm mục đích nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam để cạnh tranh với quốc tế trong thời kỳ hội nhập.

*Ba là*, sinh viên phải tự có ý thức học để tìm hiểu bản chất của các vấn đề, trau dồi thêm kiến thức cho chính bản thân mình và loại bỏ ngay tâm lý học đối phó, học vì thầy cô, vì bạn bè, vì cha mẹ. Sinh viên phải đặt cái tâm vào nghề mà mình đã chọn để theo học thì tương lai mới có thể rộng mở.

*Về phía nhà trường*, luôn tạo điều kiện cho sinh viên không chỉ kiến thức, chương trình dạy học hợp lý mà còn phải cho sinh viên trải nghiệm thực tế, cọ xát với các tình huống thực tế để khi ra trường sinh viên không khỏi ngỡ ngàng.

Nhà trường có thể tạo các khóa huấn luyện cho cả sinh viên lẫn giảng viên, hay mở các cuộc thi dành cho tất cả đối tượng trong nhà trường để nâng cao sức cạnh tranh giữa các sinh viên, mời các chuyên gia trong ngành về để truyền đạt cũng như giảng dạy cho sinh viên trong trường.

#### *Về phía doanh nghiệp*

Rất nhiều người nói rằng, ở trường được học như thế này nhưng khi làm việc thực tế thì rất khác, điều đó là chưa đúng. Kế toán là một nghề có tính logic rất cao, nếu trong quá trình học tập nắm vững kiến thức cơ bản thì khi làm việc thực tế, chỉ cần chú ý và bổ sung thêm một số kỹ năng cần thiết thì sinh viên hoàn toàn có thể nắm bắt công việc thực tế một cách dễ dàng, có chăng sự khác biệt ở đây là việc vận dụng như thế nào kiến thức đã học để phù hợp với thực tế doanh nghiệp.

Trước thực trạng này, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kế toán tài chính cần phải góp phần hỗ trợ sinh viên nhanh chóng hòa nhập vào môi trường thực tế bằng cách tổ chức những khóa đào tạo kế toán thực tế. Họ có điều kiện để tổ chức những lớp học ngắn hạn hoàn toàn tập trung vào các công việc thực tế mà người kế toán phải làm, các kỹ năng cần thiết mà người kế toán cần trang bị, các tình huống thực tế mà kế toán phải xử lý, các quy trình kế toán cơ bản phải biết, các mô tả công việc cụ thể của từng phần hành kế toán... làm sao để sau khi học xong, người học hiểu được mình phải làm gì và làm như thế nào để tự tin đáp ứng nhu cầu công việc của nhà



tuyển dụng. Đây cũng là một trong những giải pháp tốt nhất hiện nay để sinh viên mới tốt nghiệp nhanh chóng nắm bắt và đáp ứng yêu cầu công việc thực tế.

***Tài liệu tham khảo***

*<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/dao-tao-ke-toan-kiem-toan-trong-boi-can-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-105046.html>*